



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 67

Số: **51**

(2810)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 21 - 12 - 2013

PHÍA SAU NỖI ĐAU

Truyện ngắn của NGUYỄN TIẾN BÌNH
(Xem trang 6)



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

BỘ ĐỘI CỤ HỒ - BỘ ĐỘI “Ở NHÂN DÂN MÀ RA”

NGÔ VINH BÌNH

TRÊN thế giới chắc chẳng có quân đội nào mà người lính lại gọi lãnh tụ của mình là Bác, là “người Cha thân yêu”; đồng thời gọi vị Đại tướng Tổng Tư lệnh của mình là “người anh Cả” như Quân đội Nhân dân Việt Nam. Thật gia đình, thật “một lòng phụ tử” và “huynh đệ chi binh”!

Sự xuất hiện các tổ chức vũ trang đầu tiên của cách mạng do những người Cộng sản lãnh đạo, đặc biệt là sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh (22-12-1944) có một ý nghĩa rất lớn. Nó chẳng những chứng tỏ sự lớn mạnh của Cách mạng Việt Nam, tạo tiền đề cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, giành chính quyền trong cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do, mà còn đánh dấu một thời đại mới của những người lính Việt Nam. Đó là thời kỳ nước Việt Nam có một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu như lời bài hát “Vi nhân dân quên mình” (Đoàn Quang Khải) với những câu mà bất kỳ người lính nào cũng thuộc khi còn “súng bắn chưa quen,

quân sự mươi bài”: Vi nhân dân quên mình/ Vi nhân dân hy sinh/ Anh em ơi, vi nhân dân quên mình/ Đoàn Vệ quốc chúng ta ở nhân dân mà ra/ và: Thế nơi gương Bác Hồ/ Vi nhân dân gian lao/ Trong bao năm Người tranh đấu không ngừng/ Người chỉ biết có dân, ngày ngày lo sao cho/ Toàn dân ấm, toàn dân no, được học hành/ Người chỉ vui khi nào/ Toàn dân hết đau thương/ Người tranh đấu đem tương lai về cho dân/ Đoàn Vệ quốc chúng ta là con yêu của Người/ Thế nơi gương suốt đời vi nhân dân”.

Về xuất xứ của tên gọi “Bộ đội Cụ Hồ”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong một hồi ức của mình, kể: “Tôi nhớ rằng từ trong Khu giải phóng Việt Bắc, đồng bào các dân tộc đã triu mến gọi các đơn vị vũ trang ta là “Bộ đội ông Ké”, hay “Bộ đội ông Cụ” một cách thân thương, chân chất như tấm lòng của đồng bào đối với lãnh tụ của mình mà nhiều người lúc đó chưa biết tên Bác. Có lẽ về sau khi biết tên Người, đó là Bác Hồ, là Chủ tịch Hồ Chí Minh của nước Việt Nam mới, mọi người đã gọi “Bộ đội ông Ké” là “Bộ đội Cụ Hồ” và cũng từ chiến khu Việt Bắc, tên gọi yêu dấu ấy xuất

hiện từ thời kỳ đầu của cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp”.

Nhân dân ta gọi “Bộ đội Cụ Hồ” vì “Cụ Hồ” - tên gọi triu mến của nhân dân ta với Chủ tịch Hồ Chí Minh - là người tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, là hiện thân của niềm tin và sức mạnh, là người tổ chức và dẫn dắt nhân dân ta đứng lên tự giải phóng, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người là hình ảnh tiêu biểu cho tất cả những giá trị cao đẹp của dân tộc Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. Những gì gắn bó với cuộc đời Bác, được Bác chăm lo, với nhân dân đều cao quý vô cùng. Nhân dân ta gọi quân đội của mình là Bộ đội Cụ Hồ vì cảm nhận một cách sâu sắc quan hệ đặc biệt hiếm có giữa Bác và quân đội, Bác và những người chiến sĩ. Bác chính là người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Người đã khai sinh ra quân đội ta với bản chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân lịch sử. Bác chăm lo từng bước đi lên của

(Xem tiếp trang 2)

HỒN MUÔN NĂM KHÔNG CŨ

Vũ Đình Liên (12-11-1913 - 18-1-1996) sinh tại Hà Nội, quê gốc ở thôn Châu Khê, xã Thục Khê, huyện Bình Giang, Hải Dương; đỗ tú tài trường Bưởi năm 1932. Ông từng dạy học ở các trường tư thục Thăng Long, Gia Long, Trường nữ sinh Hoài Đức; sau ông học thêm trường Luật. Vũ Đình Liên nổi danh với bài thơ **Ông đồ** đăng trên báo *Tinh Hoa* năm 1936. Thơ ông còn được đăng rải rác trên các báo: *Loa*, *Tinh Hoa*, *Phong Hóa*, *Phụ nữ Thời đàm*. Có một thời ông đảm nhiệm việc quản lý cho báo *Tinh Hoa*. Ông từng chủ trương *"Tạp chí Sư phạm"* (*Revue pédagogique*) và làm tham tá Sở Thương chánh Hà Nội. Sau Cách mạng, ông tham gia giảng dạy nhiều năm và từng là chủ nhiệm khoa tiếng Pháp trường Đại học Quốc gia Hà Nội; ông được phong tặng danh hiệu **Nhà giáo Nhân dân** năm 1991. Ngoài thơ ông còn hoạt động trong lĩnh vực lý luận, phê bình văn học và dịch thuật; tập nghiên cứu và dịch thơ "Những bông hoa ác" (của Baudelaire) là tác phẩm của ông được trao giải thưởng Hội Nhà văn năm 1996. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam.

Hội Nhà văn Việt Nam (HNV) đã kỷ niệm 100 năm sinh nhà thơ Vũ Đình Liên trong một buổi lễ trang trọng hôm 12-12 do nhà văn Nguyễn Trí Huân, Phó Chủ tịch HNV chủ trì với sự tham dự của đông đảo các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học. Nhà văn Nguyễn Trí Huân phát biểu nêu rõ những bài thơ của Vũ Đình Liên đều mang nặng nỗi niềm hoài cổ về lũy tre xưa, thành quách cũ, "những người muôn năm cũ" và tâm hồn hoài niệm của ông vẫn mang chở nỗi niềm của nhiều người Việt Nam, khiến bức tranh bằng thơ của ông sẽ tồn tại mãi.

Nhà văn Nguyễn Trí Huân cũng nhấn mạnh việc HNV tổ chức lễ tưởng niệm nhà thơ Vũ Đình Liên cũng như những tác gia lớn khác nhằm khẳng định những đóng góp của các bậc tiền bối trong nền văn học nước nhà; và việc định vị những giá trị văn chương, không lãng quên những giá trị lớn của văn học quá khứ là một hoạt động quan trọng của Hội Nhà văn Việt Nam.

Gs. Hà Minh Đức nhìn lại, trong phong trào Thơ Mới, có một số tác giả viết không nhiều nhưng có thơ hay như Vũ Đình Liên với "Ông đồ", "Thân tàn ma dại", "Thăm Thăm với "Tống biệt hành"; Nguyễn Nhược Pháp với "Chùa Hương"... Những bài thơ hay có thể chỉ đến một, hai lần trong đời thơ của tác giả. Trong thơ ca, dù chỉ đóng góp một bài thơ hay cũng đáng được ghi nhận. Vũ Đình Liên nằm trong trường hợp đó. Khác với những nhà thơ cùng thời ca ngợi sắc đẹp, tuổi trẻ, tình yêu với những tứ thơ bay bổng, thiết tha, quyến luyến, Vũ Đình Liên lại gần gũi cảm hứng thơ với nỗi buồn của những kiếp người nghèo khổ, đặc biệt là tình thương yêu và lòng hoài niệm những giá trị xưa.

Nhà thơ Bằng Việt cho rằng trong thơ ca thế giới không hiếm những trường hợp "thi sĩ một bài" như Vũ Đình Liên. Thơ ông được công chúng biết đến rất ít, nhưng lại có ý nghĩa rất sâu sắc, không thể thay thế; và ông có vị trí một nhà thơ lớn trong thơ Việt Nam thế kỷ XX.

Theo Bằng Việt, gia đình nhà thơ Vũ Đình Liên, sau khi ông mất vào năm 1996, đã tập hợp được bản thảo thơ tới 4.000 bài mà sinh thời nhà thơ không công bố; tổng tập này đang được chuẩn bị cho xuất bản. ■

H.H

TIẾNG VỌNG TỪ HAI BỜ ĐẠI DƯƠNG

TRẦN VŨ LONG

XIN được thưa trước với độc giả, cái tit của bài viết này có được vì hai gợi ý. Gợi ý thứ nhất xuất hiện, ngay khi tôi cầm tập thơ của các nhà thơ Mỹ có tên "Tiếng vọng từ bờ kia thế giới" trên tay. Gợi ý thứ hai, trong tập thơ đó có rất nhiều nhà thơ Mỹ là những người bạn thân thiết của các nhà văn nhà thơ cũng như nhân dân Việt Nam. Thậm chí có những người từng là cựu binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Tôi, một kẻ sinh ra khi chiến tranh đã chấm dứt, từng được nghe kể cũng như chứng kiến mỗi thâm giao, tình bạn thân thiết, chân thành giữa những người làm văn chương đến từ hai quốc gia nằm ở hai bờ đại dương, từng là đối thủ từng chia súng vào nhau. Tôi xúc động và vô cùng kính trọng những tình bạn cao đẹp đó. Đây là một cái tit được hình thành và trở thành tứ cho bài viết.

Trong một buổi gặp mặt với những người bạn văn chương Việt Nam, nhà thơ Kevin Bowen, cựu binh Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, người cũng góp mặt trong cuốn sách mà tôi nhắc ở trên, đã nói: "Thật trớ trêu chúng ta từng là kẻ thù, tìm để giết nhau. Bây giờ chúng ta tìm đến nhau để được làm bạn". Trong buổi gặp gỡ hôm đó tôi đã thấy nhiều gương mặt lặng lẽ quay đi, đưa tay gạt nước mắt. Tiếng vọng từ hai quốc gia nằm ở hai bờ đại dương trước hết là tiếng vọng của tình người của những điều nhân văn cao cả, tiếng vọng của lòng nhân ái, của sự tử tế, tiếng vọng đó xuất phát từ chính trái tim những người cầm bút để rồi trở thành tiếng vọng tình bạn. Những tiếng vọng như vậy giúp chúng ta nuôi dưỡng tâm hồn mình, nuôi dưỡng nền hòa bình vốn mong manh của thế giới. Hãy đi đến tận cùng của sự sáng tạo, ta sẽ được gặp chính mình. Và, hãy đi đến tận cùng của tình yêu ta cũng sẽ được gặp chính mình. Chắc hẳn sẽ có người bảo rằng, tại sao tôi không ca ngợi một tình bạn văn chương của những người cùng màu da, cùng dòng máu với mình. Công gì mà đi ca ngợi tình bạn với mấy "ông tây", thậm chí đã từng là kẻ thù của mình. Tôi tin chắc sẽ có những suy nghĩ như vậy bởi trong cuộc đời làm báo, tuy chưa nhiều nhưng tôi cũng đã vấp phải những trường hợp như thế. Có lẽ, trong thời đại toàn cầu hóa đầy khốc liệt này, khi khát vọng quyền lực và đồng đô la xanh luôn chấp chới trong mỗi giấc mơ của phần đông nhân loại thì việc chúng ta cất lên một câu nói, một câu hát, hay viết ra một câu thơ, một lời văn để ca ngợi về tình người càng trở nên quý giá hơn bao giờ hết. Và nếu như đó là tình người của những con người đã từng là kẻ thù của nhau, đã từng "tìm để giết nhau" lại càng trở nên vĩ đại biết bao. Chẳng lẽ điều đó không đáng để cho chúng ta ca ngợi. Chẳng lẽ điều đó không đáng để cho chúng ta nâng niu gìn giữ. Khi tiếng vọng của những trái tim đó tìm đến được với nhau, không chỉ đơn giản là họ đã vượt qua khoảng cách về không gian thời gian mà họ đã vượt qua sự khác biệt về văn hóa. Điều quan trọng

hơn là họ đã phải tự vượt qua những nỗi đau, sự mất mát, thậm chí đã có lúc là lòng hận thù.

Trong tiết trời vô cùng lạnh giá của những ngày cuối cùng năm 2013 này, tôi lại một lần nữa được chứng kiến tình bạn của những con người ấy. Họ là những nhà thơ đến từ nửa vòng trái đất, từ đất nước của nữ thần tự do xa xôi, đó là: Kevin Bowen, Bruce Weigl, Matha Collins, Fred Marchant đến Việt Nam để gặp gỡ những người bạn văn chương. Có thể nói đây là những cái tên đã quá quen thuộc với giới văn chương Việt Nam hơn hai chục năm trở lại đây. Vào năm 1991, lần đầu tiên có một đoàn nhà văn cựu binh Mỹ đã đến để gặp các nhà văn cựu binh của Việt Nam. Ngày đó, Nhà thơ Kevin Bowen là trưởng đoàn và cũng là người bỏ ra nhiều công sức để có được cuộc gặp mặt mang tính lịch sử giữa hai nền văn học Việt - Mỹ. Tất cả xuất phát từ sự trác ẩn từ trái tim của một người lính Mỹ đã từng tham chiến tại Việt Nam, và bằng một tình yêu thật kì lạ, khó có thể lý giải của ông với mảnh đất mà ông đã từng cầm súng để chống lại. Giờ đây, đối với ông Việt Nam giống như miền đất hứa dành cho sáng tạo thi ca và hội họa. Tôi đã được đọc tập thơ "Khúc hát Thành Cổ Loa" với gần 50 bài thơ ông viết về Việt Nam. Tập thơ đó là những cảm xúc thật giản dị, gần gũi. Nó đã xóa đi khoảng cách về văn hóa. Thế giới của Kevin như được hòa vào thế giới của người Việt để tôn vinh vẻ đẹp của thi ca và vẻ đẹp của đất nước con người Việt Nam. Đến với Việt Nam lần này, ông còn mang theo hơn 30 bức tranh, ông vẽ chân dung các nhà văn, nghệ sĩ Việt Nam, tổ chức một cuộc trưng bày. Mỗi một bức tranh là một câu chuyện về tình bạn. Hầu hết những gương mặt được ông vẽ chân dung đều đã đến Mỹ và từng ở trong ngôi nhà của ông, có người vài ngày, người vài tuần, thậm chí có người vài tháng. Ngôi nhà của ông giống như một trung tâm giao lưu văn hóa, một chốn đi về của những bạn văn chương Việt Nam và Mỹ. Vào những năm tháng quan hệ Việt Mỹ chưa được bình thường hóa, ông đã phải đón tiếp những người bạn Việt Nam một cách bí mật để tránh sự gây rối của những kẻ cực đoan quá khích. Thậm chí gia đình ông đã từng bị họ đe dọa. Tuy nhiên tất cả những điều đó không ngăn cản được tình yêu của ông dành cho đất nước và những người bạn Việt Nam. Kevin là một chiến sĩ tiêu biểu chiến đấu cho tình yêu và cho hòa bình. Buổi triển lãm tranh của Kevin diễn ra vào đúng những ngày Hà Nội rét buốt và mưa tầm tã. Thời tiết và con người luôn trong trạng thái ảm đạm. Nhưng, buổi khai mạc phòng tranh đã đông đến bất ngờ, mang đến một không khí thật ấm cúng.

(Xem tiếp trang 24)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

BỘ ĐỘI CỤ HỒ...

(Tiếp theo trang 1)

quân đội, giáo dục chiến sĩ, khuyên bảo cán bộ... Nét đặc sắc trong đạo đức và tình cảm của Bác là vô cùng gần gũi, yêu thương bộ đội, tin tưởng ở tinh thần dũng cảm và sáng tạo của bộ đội, hiểu thấu và thông cảm những gian khổ, khó khăn của người chiến sĩ. Bác đã "tư chiến sĩ" trong nhiều đêm "không ngủ"... Trước lúc đi xa Người còn để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn thể bộ đội và cán bộ, đảng viên những chiến sĩ trẻ tuổi ưu tú trong quân đội và thanh niên xung phong để đào tạo thành những cán bộ, công nhân giỏi, coi đó là đội quân chủ lực trong công cuộc phục hưng và tái thiết đất nước sau này.

Mỗi bước trưởng thành, mỗi chiến công của quân đội đều gắn liền với sự giáo dục, rèn luyện của "người Cha thân yêu" nên nhân dân gọi Bộ đội Cụ Hồ. Gọi bộ đội là "Bộ đội Cụ Hồ" còn là vì bản thân các chiến sĩ quân đội trải qua hơn nửa thế kỷ chiến đấu đã luôn luôn xứng đáng với niềm tin của Người. Hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" đã trở thành một mẫu hình về con người mới có lý tưởng cao đẹp, có đạo đức trong sáng, thực hiện trọn vẹn, xuất sắc chỉ thị,

những lời dạy và niềm tin sâu sắc của Bác.

"Bộ đội Cụ Hồ" có những nét đặc trưng cơ bản có đức trong lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-1964) là: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân/ Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội/ Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Lời biểu dương đó, đồng thời cũng là sự khái quát đầy đủ nhất bản chất cách mạng của quân đội ta.

"Bộ đội Cụ Hồ" là đỉnh cao về hình tượng của người chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Họ từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Ngay từ khi mới ra đời họ đã được nhân dân coi như con em. Biết bao bài ca, câu chuyện về "những người nông dân mặc áo lính" còn được lưu truyền đến bây giờ. Họ là "những người tử sĩ", nhưng có chung lý tưởng chiến đấu, họ luôn luôn gần gũi với dân, được dân tin, dân phục, dân yêu vì chẳng những "không lấy cái kim sợi chỉ của nhân dân" mà còn "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", dám xả thân "vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hy sinh". Quân đội ta là quân đội nhân dân vì lý do như vậy. Nói quân đội ta "hiếu với dân" cũng do là như vậy.

Sự xuất hiện của "Bộ đội Cụ Hồ" trong lịch sử đấu tranh vũ trang của dân tộc mới vẹn vẹn có 69 năm.

Thời gian hơn nửa thế kỷ so với lịch sử dân tộc là không dài, nhưng chỉ bằng thời gian đó, hình tượng "Bộ đội Cụ Hồ" đã đi vào lịch sử một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn và trở thành một trong những giá trị văn hóa tiêu biểu của thời đại mới.

"Bộ đội Cụ Hồ" là thế, quân đội ta là thế. Vậy mà gần đây, đi ngược với ý chí, tình cảm, nguyện vọng của tuyệt đại đa số người Việt Nam yêu nước nói chung và cán bộ chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng nói riêng có những người thông qua một số trang mạng, blog cá nhân hay qua những "cái loa" của một số hãng thông tấn, báo chí nước ngoài, truyền bá những tư tưởng ngoại đạo lạc thời, ác ý nhằm âm mưu xuyên tạc bản chất của lực lượng vũ trang. Thậm chí, có những người còn nhân danh này nọ, đưa ra ý kiến đòi "phê chỉnh trị hòa quân đội"... Thực ra những ý kiến đó không mới, vẫn là mượn danh "dân chủ", "nhân quyền" để mưu đồ lợi ích cá nhân giai cấp, có khác chẳng chỉ là lợi dụng việc lấy ý kiến nhân dân đóng góp vào Dự thảo Hiến pháp để kích động "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", gây khó khăn cho tiến trình đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước và làm phai nhạt hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" - một nét độc đáo và rất đáng tự hào của Quân đội Nhân dân Việt Nam, của văn hóa Việt Nam mà Bác Hồ cùng nhiều thế hệ cán bộ chiến sĩ ta đã dày công vun đắp, dựng xây. ■

N.V.B

KỶ NIỆM 100 NĂM SINH ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH

NON NƯỚC CHỜ ANH

TRƯƠNG NGUYỄN VIỆT

TRONG gia sản thơ ca đồ sộ của nhà thơ Tố Hữu, có rất nhiều bài thơ hay viết về Đảng, Bác Hồ, viết về những người chiến sĩ cách mạng, trong đó nổi bật lên những bài viết về một người bạn, một người đồng chí, đồng hương, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Quân đội ta: Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chính ủy quân giải phóng miền Nam, người "mãi mãi là hình ảnh cao đẹp về một người cộng sản Việt Nam, một vị tướng đức tài trọn vẹn, trí dũng song toàn của quân đội ta, một nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, một người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại" (Lời của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười).

Làng của nhà thơ Tố Hữu được gọi là Phù Lai, làng của Nguyễn Chí Thanh là Kê Lữ, đều nằm bên sông Bồ thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên - Huế. Từ đây, cả hai người con ưu tú ấy đi tham gia cách mạng, đều phải trải qua nhiều năm tháng tù đầy trong lao tù của thực dân Pháp, mà bắt đầu là lao Thừa Phủ giữa lòng TP Huế. Lúc này Nguyễn Chí Thanh (khi ấy còn mang tên Vĩnh) 24 tuổi, cương vị là Bí thư Thừa Thiên - Huế, còn Tố Hữu (Nguyễn Kim Thành) mới 18 tuổi, là Thành ủy viên...

Tố Hữu kể: "Trưa nào trong lao tù cũng nghe anh Thanh hát những câu hò đồng quê man mác, như: *Hết mùa toác rơm khô/ Bạn về quê bạn, biết nơi mà tìm...* Tôi đã viết tặng anh bài thơ *Nhờ đồng: Giở sầu bằng những trưa thương nhớ/ Hiu quạnh bên trong một tiếng hò...* Tâm trạng của anh cũng chính là tâm trạng của tôi. Thỉnh thoảng nghe Anh ngâm bài thơ ấy, tôi rất xúc động. Ở đời tri âm là thế đó..."

Có thể nói, đây là bài thơ đầu tiên trong đời Tố Hữu làm tặng người bạn Nguyễn Chí Thanh. Nó được ra đời ngay trong lao tù để quốc hết sức nghiệt ngã, nó nâng tầm đôi bạn này ngoài tình bạn, tình đồng hương, đồng chí... còn là tình tri âm tri kỷ mãi mãi về sau trong đời...

Sau *Nhờ đồng*, Tố Hữu còn làm nhiều bài thơ khác phản ánh tâm tư, nguyện vọng cũng như cuộc chiến đấu của các chiến sĩ cách mạng trong lao tù, như *Khi con tu hú gọi bầy*, *Trăng trối*, *Tranh đấu*, *Con cá chột nưa...* dù không để tặng Nguyễn Chí Thanh, nhưng chúng ta vẫn như thấy có bóng dáng, có hơi thở của người Bí thư chỉ bộ lãnh đạo cuộc đấu tranh là Nguyễn Chí Thanh, cũng như của các chiến sĩ trong lao tù như Lê Chương, Lê Thế Tiết, Hoàng Anh...

Năm 1964, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị, được Bác Hồ và Bộ Chính trị trực tiếp cử vào miền Nam chiến đấu, trên cương vị đại diện Bộ Chính trị và Chính ủy quân giải phóng miền Nam. Buổi tiễn bạn lên đường, Tố Hữu trên tư cách một người bạn, một nhà thơ, đồng thời cũng là một Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban thống nhất Trung ương, đã có bài thơ *Tiến đưa đầy* xúc động:

... Đưa tiễn anh đi mấy dặm đường
Nặng tình đồng chí lại đồng hương
Đã hay đâu cũng say tiền tuyến
Mà vẫn bằng khuân mộng chiến trường...
Lời thơ cổ kính, thể thơ cổ điển (Tố Hữu rất ít làm thơ theo thể thất ngôn bát



Bác Hồ và đại tướng Nguyễn Chí Thanh tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất 1960.



Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 2 - tháng 3 năm 1957.

Ảnh: TL

cú), nhuộm phong vị cổ xưa, thiêng liêng và cũng rất oai hùng như một bản tráng ca. Vì lý do bí mật, khi ấy nhà thơ chỉ dám ghi: "Tặng bạn thơ Th.", nhưng những ai đọc, đều thấm hiểu "bạn thơ" đây là "một người tầm cỡ" ra trận, một người ra đi mang sứ mệnh non sông đất nước: "Đi đi non nước chờ anh đó". Người đó là ai, câu hỏi chưa thể trả lời, nhưng người hậu phương nào cũng ghi tạc bài thơ, cũng thấy nức lòng và hứa với người ra trận: "Tiến tuyến cần thêm, có hậu phương"...

Mùa xuân năm ấy trong bài thơ xuân *Tiếng hát sang xuân*, hình tượng người chiến sĩ giải phóng quân đã hiện lên với tất cả vẻ đẹp thiên thần của mình trong thơ Tố Hữu. Người ta nhớ lại hình ảnh người Vệ quốc quân trong tập thơ *Việt Bắc* năm xưa của Tố Hữu. Người ta như thấy hình ảnh của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy quân giải phóng cùng các đồng đội của mình trong những vần thơ rất đẹp ấy:

... Hồi người anh, giải phóng quân
Hai mươi năm chẳng dừng chân trên đường
Vẫn đôi dép lười chiến trường
Vẫn vành mũ là coi thường hiểm nguy
Tuốt gươm không chịu sống quý
Tuổi xanh chẳng tiếc, sá chi bạc đầu

Lớp cha trước, lớp con sau
Đã thành đồng chí, chung câu quân hành
Anh đi, xuôi ngược tung hoành
Bước dài như gió, lay thành chuyển non
Mái chèo một chiếc xuống con
Mà sông nước dậy sóng cần đại dương...

Nhà thơ Tố Hữu kể: "Năm 1967, anh Nguyễn Chí Thanh trong Nam ra, báo cáo tình hình... Bộ Chính trị Đảng ta đi đến quyết định Tổng tiến công Mậu Thân 68, đánh vào thành phố, đô thị và giao cho anh Thanh chỉ huy... Bác Hồ lúc này đã yếu, song tình hình lạc quan làm cho Bác rất vui, chính vì thế mà bài thơ *Bác chúc Tết xuân 68* có câu kết vang lên như một lời kêu gọi "Tiến lên toàn thắng ắt về ta". Bài thơ xuân 68 tôi làm trước Tết, nhưng đã nghe hào hứng không khí chuẩn bị tiến công và hình ảnh anh giải phóng quân được tổ đậm ngay từ đầu:

... Ai đến kia rộn rã cùng xuân
Hoan hô anh giải phóng quân
Kính chào anh, con người đẹp nhất...

Tố Hữu kể: "Sau khi họp bàn xong, anh Thanh được lệnh trở lại miền Nam. Trước khi lên đường, anh ghé thăm tôi. Lúc ra về, anh bắt tay tôi: "Thôi, mai tau đi nhè". Không ngờ tối hôm ấy anh qua đời vì bị nhồi máu cơ tim. Khi cơn đau dữ dội, đưa anh vào Bệnh viện Việt - Xô

cấp cứu thì đã quá muộn. Cái chết của anh Thanh là một tổn thất lớn của Đảng ta, nhất là vào thời điểm quan trọng này. Tôi đã viết anh bằng bài thơ *Một con người*:

... Tưởng lại đưa anh ra chiến trường
Đường về, vó ngựa thẳng đây cương
Ngày mai... ai biết chiều nay phải
Vĩnh biệt Anh nằm dưới bóng dương...

Những ngày ấy, Thượng tướng Nguyễn Chí Vĩnh, con trai của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh còn đang tuổi ấu thơ, nhưng anh vẫn không thể quên buổi ấy khi cha mình còn đang nằm trong phòng cấp cứu của bệnh viện và kể như đã không thể cứu chữa, thì ở bên ngoài, nhà thơ Tố Hữu nức nở, hai tay nắm mạnh vào cửa và gần như là hét gào: "Anh Thanh ơi, anh ra đây đi. Anh Thanh ơi"... Ngay sau đó, với cảm xúc tột độ, nhà thơ xin người hộ lý một tờ giấy và ông đã viết những vần thơ thấm đẫm nước mắt về người đồng chí thân thiết nhất của đời mình... Có lẽ đó là bài thơ ông làm nhanh nhất trong cuộc đời thơ ca của ông..." - Thượng tướng Nguyễn Chí Vĩnh nhớ lại...

Bài thơ ấy đến nay đã hơn nửa thế kỷ, vẫn làm lòng ta quặn đau về sự mất mát to lớn một người đại tướng văn võ song toàn, một con người như Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi ấy đã thốt lên: "Chúng ta mất một con đại bàng bay trên trời cao, có tầm nhìn xa trông rộng, lại thấy được những cái rất cụ thể trên mặt đất..."

Nhà thơ Tố Hữu viết trong hồi ký: "Anh Thanh là một cán bộ lãnh đạo, một tướng lĩnh rất xuất sắc, quả cảm, táo bạo, xông xáo, rất chân thành và giản dị. Với tôi, Anh là người bạn luôn gần gũi, ngay từ những ngày đầu tôi bước vào hoạt động cách mạng. Tôi đã gửi gắm vào bài thơ cả nỗi niềm tiếc thương khâm phục:

... Ở đâu nghèo đói gọi xung phong
Lon nước mo cơm lợi khắp đồng
Ở đâu tiền tuyến kêu Anh đến
Vượt núi băng rừng lại tiến công...
Ôi sống như Anh, sống trọn đời
Sáng trong như ngọc một con Người
Thanh ơi, Anh mất rồi chẳng thấy
Cứ thấy như Anh nở miệng cười...

Đất nước giải phóng, trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Bộ trưởng, nhà thơ Tố Hữu khi trở về thăm lại quê hương Thừa Thiên - Huế, đi trên mỗi bước đường đã không nguôi nhớ bạn - người đồng chí, đồng hương thân yêu - của mình: Nguyễn Chí Thanh:

... Cơ chi anh, sớm được về bên nội,
Hôn nỗi đau tan nát Phù Lai
Như quê bạn Niêm Phò trở lại,
Đạn bom cây cày ruộng sẵn đồng khoai".
(Bài thơ quê hương)

Chính vì vậy, khi nói về hai ông, có nhà thơ đã viết:

Họ đã đi suốt cuộc đời không nghỉ
Như dòng sông chảy mãi cùng tháng năm
Đôi bạn ấy cùng đi vào lịch sử
Người danh tướng và người là thi nhân..."

... Có lẽ còn hơn như thế, Tố Hữu và Nguyễn Chí Thanh, đôi bạn bên sông Bồ, không chỉ là một đôi bạn, một đôi đồng chí, mà còn là một đôi tri âm tri kỷ đi vào lịch sử cách mạng và thơ ca Việt Nam... ■

NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN VỚI ANH VĂN VÀ CHỊ BÍCH HÀ

NGUYỆT TÚ

VÀO một ngày hè năm 2006, tôi đến thăm anh Văn và chị Hà ở nhà nghỉ Đỗ Sơn. Trong lúc tôi và Hà đang ngồi nói chuyện, anh Văn từ trên gác bước xuống, nhìn chúng tôi một lúc rồi bỗng nói: "Thế mà đã 60 năm rồi đấy có Tú nhỉ". Tôi biết anh muốn nhắc lại những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, ngày hai anh chị mới cưới và cũng là lần đầu tôi gặp anh Văn.

Là bạn từ thời con gái với chị Đặng Bích Hà, tôi đã nhiều lần được gặp anh Văn với chị Hà. Tôi có rất nhiều kỷ niệm với hai anh chị.

NHỮNG NGÀY KHÁNG CHIẾN

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Pháp tấn công Hà Nội, chúng tôi đều phải rút ra ngoại thành. Tôi gặp Bích Hà khi chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng đưa tôi đến thăm giáo sư Đặng Thai Mai. Lúc này tôi công tác ở Ban Nữ thanh niên thành Hoàng Diệu, chị Hà phụ trách ban thiếu nhi ấu trĩ viên. Tuổi hai mươi để quen và dễ thân. Trong lúc tôi đang chờ công tác mới, chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng phụ trách phụ nữ Hà Nội bảo tôi: "Ông bà Mai vào Thanh Hóa cả rồi, chỉ còn Bích Hà ở ngoài này thôi. Em đến với Bích Hà ít hôm đi". May sao tôi được vào một căn nhà có cơ man nào là sách. Chơi với bạn thì ít, đọc sách thì nhiều.

Một buổi tối, tôi đang nằm đọc sách trên ghế dài trong phòng bỗng nghe tiếng mở cửa, tôi vẫn nằm yên giả vờ ngủ. Tôi đoán anh Văn ghé thăm Bích Hà. Sáng hôm sau, anh Văn đi sớm. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh Văn là một con người dễ gần, dễ mến. Thấy tôi đã dậy, anh cười rất tươi, chào và bắt tay tôi thật chặt. Sau hôm đó Hà có cho tôi xem một bức thư ngắn, anh Văn gửi cho Bích Hà phía dưới có câu: "cho anh hỏi thăm Nguyệt Tú bạn của Hà".

Mãi sau tôi mới biết hai người mới cưới được mấy hôm. Anh Văn chỉ tranh thủ ghé thăm vợ một tối rồi lại phải đi ngay vì công việc của những ngày đầu kháng chiến rất căng thẳng. Tôi sống với Hà được ít ngày, phần lớn thời gian chúng tôi vui đùa vào sách báo, buổi tối cả hai đi họp với hội phụ nữ ở thôn. Gặp các bà, các chị ở trong xóm, tôi và Hà nói chuyện nhiều về cuộc trường kỳ kháng chiến sắp tới. Chúng tôi đi bộ trên bãi vải sát bờ sông, chuyện trò không dứt. Bích Hà sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức có truyền thống cách mạng. Tính chị rất cởi mở, quý trọng bạn bè.

Đội tuyên truyền xung phong của Tổng bộ Việt Minh, nơi tôi vừa nhận công tác, cần tuyển thêm các em thiếu nhi tập múa hát để tuyên truyền cho cuộc kháng chiến lâu dài. Gia đình chị Dư ở thị trấn Quốc Oai, nhân tôi đến đón hai cháu 12-13 tuổi. Tôi quen chị Dư từ thời còn đi học ở Hà Nội. Chị là một kiến trúc sư nổi tiếng trong quân đội, được cử đi Liên Xô mấy năm liền. Anh chị cũng rất thân với ông bà Đặng Thai Mai. Không ngờ khi vừa bước chân vào nhà chị Dư tôi gặp anh Văn và chị Bích Hà cũng ở đây. Sau ngày Trung đoàn thủ đô rút ra ngoài, các cơ quan Trung ương chuyển dần lên Việt Bắc. Tôi không nghĩ rằng anh Văn và Bích Hà vẫn còn ở huyện Quốc Oai. Anh Văn với bộ quần áo thường phục, đang ngồi bên chiếc bàn con lúi húi viết. Khi thấy bạn của Bích Hà đến, anh ngừng tay viết, cười tươi và để cho hai chúng tôi nói chuyện. Xa nhau chỉ mấy ngày nhưng tôi nhận thấy Bích Hà nhanh nhẹn, già dặn hẳn lên.

Trở về cơ quan tối hôm ấy tôi cứ nghĩ mãi, tại sao Bích Hà và anh Văn cùng các cơ quan Trung ương mà vẫn còn ở Quốc Oai? Đứng ra mọi người đã lên Việt Bắc rồi chứ? Câu hỏi ấy sau này tôi mới có câu trả lời khi đã đặt chân lên đất Lâm Thao - Phú Thọ.

Đồng chí liên lạc đưa tôi đến gặp bạn Bích Hà.



Vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại xã Bảo Linh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên năm 1952

Sáng dậy, vừa ra khỏi trạm giao thông, sông Đà đã ở ngay trước mặt. Anh Văn và Hà đang sống và làm việc trong một nhà dân tường gạch, mái lá thoáng đãng bên kia sông, trên đất Lâm Thao (Phú Thọ). Thấy tôi bước vào với chiếc ba lô trên lưng, biết tôi vừa đi bộ đường xa đến, Bích Hà hỏi ngay "Tú ăn gì chưa? Chờ mình chút nhé!". Nhanh tay Hà lấy hai quả trứng gà trong rổ nhỏ bên cạnh bỏ vào cốc nước sôi. Tôi biết đây cũng là món ăn bồi dưỡng duy nhất của anh Văn trong những ngày đầu kháng chiến. Hai chúng tôi ngồi kể cho nhau nghe lần gặp trước ở Quốc Oai. Hà nói: "Thế là hôm ấy chúng mình đã ở trong vòng vây của xe tăng Pháp đấy!".

Sau này tôi nghe anh Chu Duy Kính, bảo vệ của anh Lê Quang Đạo, kể anh Lê Quang Đạo và Thành ủy Hà Nội thời gian ấy cũng bị kẹt ở Quốc Oai. Bộ đội chủ lực của ta rút ra khỏi Hà Nội đầy đủ, an toàn sau khi vây hãm được quân Pháp trong nội thành hai tháng. Phát hiện được quân ta đang chuyển quân lên Việt Bắc, quân Pháp tung gần như toàn bộ lực lượng truy đuổi hòng chop bắt cơ quan đầu não kháng chiến. Ủy ban kháng chiến Hà Nội bí mật chuyển địa điểm từ Tây Mỗ về huyện Quốc Oai. Suốt đêm vừa đi vừa nghỉ, 8 giờ sáng hôm sau cơ quan vừa đến Quốc Oai thì xe tăng Pháp cũng đến núi So (Hà Tây). Cả cơ quan đẩy xe bò chất đầy tài liệu, máy chữ, nồi niêu, xoong chảo, chăn chiếu... vừa kịp rẽ vào làng Thạch Thất thì địch cũng vừa đến thị trấn Quốc Oai. May sao chúng lại rẽ quặt sang phía Hoàng Xá, Sài Sơn trở về Cầu Phùng. Cả cơ quan Trung ương và Thành ủy hôm ấy đã ở trong vòng vây của xe tăng địch... cả anh Văn và Bích Hà cũng vậy.

Để bảo đảm bí mật, các cơ quan Bộ tổng tham mưu đều phân tán vào ở nhà dân. Bích Hà luôn luôn ở bên cạnh anh Văn, trở thành người sắp xếp tài liệu và truyền đạt nhanh những ý kiến, đồng thời là người chăm lo bữa ăn, giấc ngủ cho anh. Thường anh Văn thức làm việc rất khuya, có khi suốt đêm. Ít khi Bích Hà đi ngủ trước.

Khi lên ở chiến khu Việt Bắc, chúng tôi cùng ở trong quân đội. Bích Hà sống trong khu lán của Bộ tổng Tham mưu, tôi sống trong khu lán của Tổng cục Chính trị. Hai khu lán cách xa nhau.

Anh Văn và anh Đạo cùng đi chiến dịch Hòa Bình. Nghe tin Bích Hà vừa sinh cháu gái đầu lòng, tôi vội sang thăm. Tôi đang mang thai. Phải lội qua mấy con suối và nhiều đường rừng quanh co mới đến lán Bích Hà ở. Vừa vào lán nhìn thấy Bích Hà và cháu nhỏ đỏ hồng nằm bên cạnh, tôi mừng quá vì thấy Bích Hà khỏe, "mẹ tròn con vuông". Anh Văn đang ở chiến dịch Hòa Bình, Bích Hà "vượt cạm một mình". Trong kháng chiến, bộ phận quân y không phải lúc nào cũng ở gần, thức ăn dành cho bà đẻ và bé sơ sinh vẫn còn nhiều thiếu thốn. Giống như chỗ tôi ở, chiếc lán núp dưới những tán lá cao rất ẩm thấp, có khi nền nhà còn ướt sũng nước. Muốn sang lán bên cạnh cũng phải qua một quãng đường dài. Bích Hà thấy tôi xách theo mấy quả cam đến thăm, mừng lắm.

Vừa nhìn thấy tôi bước vào, Bích Hà vội nói: "Bụng to thế mà Tú lại lội suối sang thăm mình à". Chuyện trò một lúc, trời sắp tối, tôi ra về, trong lòng vẫn nghĩ: "Lúc nào anh Văn mới được về thấy mặt con gái nhỉ?". Đó là con gái đầu của anh Văn với chị Hà. Anh chị đặt tên cháu là Võ Hòa Bình, cùng tên với chiến dịch mà quân ta đã làm thất bại âm mưu giành lại quyền chủ động, và chia cắt chiến trường Bắc bộ của quân Pháp.

NHỮNG NGÀY VỀ HÀ NỘI

Hai gia đình chúng tôi về Hà Nội lại sống gần nhau trên cùng con Phố Hoàng Diệu. Suốt thời gian chiến tranh chống Mỹ, anh Đạo thường xuyên qua lại trao đổi tình hình chiến sự với anh Văn. Các chiến dịch Khe Sanh, Đường 9 Nam Lào, Quảng Trị đều có sự theo dõi và chỉ đạo chặt chẽ của Đại tướng. Thậm chí có lần đài BBC còn đưa tin: "Tổng Đạo thực hiện lệnh của tướng Giáp đưa quân vào Khe Sanh để thực hiện Điện Biên Phủ thứ hai".

Tôi biết trong các chiến dịch thời chống Pháp cũng như thời chống Mỹ, anh Đạo và anh Văn luôn luôn làm việc sát cánh cùng nhau, rồi đến lúc sau hòa bình, anh Văn làm Phó thủ tướng phụ trách khoa học kỹ thuật và anh Đạo làm Trưởng Ban khoa giáo của Trung ương Đảng, hai người thường xuyên gặp nhau và trao đổi công việc.

Anh Văn biết tin anh Đạo mất qua truyền thông khi đang ở phía Nam nên không về kịp dự lễ tang Anh Lê Quang Đạo. Vừa về tới Hà Nội, anh liền đến nhà tôi. Tôi còn nhớ anh ngồi trên chiếc ghế dưới gốc cây doi trước cửa phòng anh Đạo, nét mặt thần thờ, rất buồn, trầm ngâm: "Mất một người bạn rồi!".

Tôi còn nhớ năm ấy, sau khi anh Đạo mất, tôi và con gái đến thăm anh Văn. Anh ôm chầm lấy con gái, tôi nghẹn ngào: "Cháu có miệng cười giống bố Đạo quá!".

Cách đây bốn năm, trong một lần không may bị ngã, anh Văn phải vào nằm viện dài ngày. Hồi đầu Bích Hà còn khỏe nên vào ở luôn trong viện với anh. Thỉnh thoảng tôi lại vào thăm anh chị. Tuổi đã già nhưng hai người sống với nhau rất tình cảm như thời còn trẻ. Tuy nằm trên giường bệnh nhưng mỗi khi trời trở gió anh Văn vẫn nhắc Hà mặc thêm áo, quàng thêm khăn. Chị Hà thường xuyên mang sách báo đọc cho anh nghe tin tức hàng ngày. Suốt những năm nằm viện anh vẫn theo dõi thông tin thời sự qua vợ con, thư ký, bạn bè... Anh quan tâm rất nhiều đến việc khai thác Boxit, chống tham nhũng... Một tháng trước ngày anh mất, tôi và con gái Nguyệt Tinh vào thăm anh. Anh không nói được nữa nhưng vẫn nghe và hiểu hết những gì chúng tôi nói. Khi chào ra về, anh nắm chặt tay tôi và cháu không muốn cho đi. Lê nào anh biết đấy là lần gặp cuối cùng!

Trong cái đau chung của cả dân tộc Việt Nam khi chia tay với người anh hùng của dân tộc, tôi còn có cái đau riêng. Tôi đã phải xa mãi mãi người anh, người bạn chiến đấu thân thiết của chúng tôi - anh Lê Quang Đạo. ■

CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ

Hơn 20 năm, kể từ khi được khởi công (19-5-1993) và khánh thành (19-12-1995), đến nay Đền Tưởng niệm Bến Dược- Củ Chi đã đón hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước mỗi khi họ đặt chân đến "Đất thép- thành đồng". Nhưng câu chuyện về Người khởi xướng xây dựng Đền đến bây giờ mới được tiết lộ.

Đó là ông Trần Văn Nguyên (Mười Nguyên) – sinh năm 1932 tại An Nhơn Tây, Củ Chi. Ông chính là người có ý tưởng, khởi xướng xây dựng Đền Tưởng niệm Bến Dược, Củ Chi trở thành biểu tượng chung cho cả nước tưởng nhớ về các anh hùng, liệt sĩ...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước diễn ra rất ác liệt ở Củ Chi, ông là một trong những nhân chứng từng bị địch bắt đày ra Côn Đảo, trở về ông tiếp tục cùng một số đồng chí cách mạng lãnh đạo Củ Chi đào hầm, địa đạo. Củ Chi trở thành khu căn cứ kháng chiến vững chắc của Sài Gòn- Chợ Lớn- Gia Định. Ngoài ra Củ Chi nổi tiếng với lực lượng du kích làm khiếp vía Mỹ-Ngụy.

Ông Mười Nguyên cho biết: "Đối với Củ Chi thời kháng chiến chống Pháp, kể cả chống Mỹ, không lúc nào nơi đây không có lực lượng luyện quân. Khi ở An Nhơn Tây, ông Nguyễn Trọng Tuyển (bí danh Ba Thy), đặt vấn đề xây dựng gia đình với chị Chín Xà (bà con với tôi- TVN) là phụ nữ của huyện. Ông đặt mấy câu ca dao, câu thơ ca ngợi mảnh đất Củ Chi:

An Nhơn Tây nước ngọt, gái hiền
An Nhơn Tây nước vừa trong vừa mát
Đường An Nhơn Tây lắm cát để đi
Trai gái An Nhơn Tây đẹp tựa như hoa quý
Trai tử xứ dóm đi cho kỹ
An Nhơn Tây đi dễ khó về
Trai đi có vợ, gái về có con.

Ý ông nói khu 5 họ sống hay lắm, nhất là vùng đất An Nhơn Tây. Ngay từ hồi đó đã có chợ trong kháng chiến⁽¹⁾.

ĐỀN TƯỞNG NIỆM BẾN DƯỢC - CỦ CHI

Trong hai cuộc kháng chiến, Củ Chi thoát ly 16.000 người, hy sinh trên 13.000 người. Toàn thành phố trên 2.000 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, riêng Củ Chi gần 100 cụ. Đặc biệt có Má Tám Rành (Nguyễn Thị Rành, 1900-1979) năm 1978 được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994 được truy phong Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Má có tám con trai, hai cháu nội hy sinh hết. Hồi chiến tranh, Má Tám là chính trị viên xã đội. Trong lễ khánh thành nghĩa trang liệt sĩ An Nhơn Tây (lúc đó ông Mười Nguyên là Phó Bí thư huyện Củ Chi), đến dự có đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh, 1915-1998), Năm Xuân (Mai Chí Thọ, 1922-2007). Anh Năm Xuân bảo tôi, "Đồng bào tôi đồng rồi, các ngành thành phố cũng đến đủ rồi. Thôi Mười Nguyên lại mời Má Tám phát biểu". Má nói tự đáy lòng: "Từ sáng sớm tới giờ, Má ngáy trầu mà không có ăn (khóc) vì Má Tám nhìn xung quanh mồ mả anh em nhiều quá, trong đó có con cháu của Má. Nhưng mà nói thật với các con, với ban tổ chức, mấy chục năm qua trong kháng chiến, Má đứt mười khúc ruột nhưng mà Má Tám chưa bao giờ khóc. Bây giờ để cho Má Tám xin khóc một lần". Chính anh Mười Cúc, Năm Xuân cảm động, đồng bào đều xúc động – ông Năm Xuân nhớ lại.

Củ Chi xây dựng Đền tưởng niệm (cả nước chưa có). Ý tưởng đề xuất đó của ông được đồng chí Nguyễn Văn Linh đồng ý.

Ông cho biết: "Anh Nguyễn Văn Linh gọi tôi và anh Mười Hải (Lê Thanh Hải vừa qua đời tháng 9-2013) về thành ủy. Anh Mười Cúc hỏi:

- Nghĩ sao mà đồng chí đề xuất xây dựng đền?

Mười Hải nói:

- Thôi, Mười Nguyên phát biểu đi.

Tôi nói:

- Dạ thưa anh, mỗi năm cứ đến rằm tháng Giêng nhân dân họ đến Núi Bà Đen (Tây Ninh) đông quá nhưng sao mình không xây dựng một địa điểm để cho bà con tưởng niệm con em của mình.

Ý tôi ban đầu làm Bia tưởng niệm Củ Chi, nhưng cuối cùng anh Mười Cúc tiếp nhận, nói:

- Nếu đã làm là làm cho thành phố coi như trách nhiệm của thành phố.

Anh nhấn mạnh từng lời, từng chữ: "Đối tượng thứ nhất là con em của thành phố trong hai cuộc kháng chiến hy sinh trên đất Sài Gòn và bất cứ ở nơi nào. Đối tượng thứ hai là con em của ba miền, chiến đấu hy sinh trên đất Sài Gòn- Chợ

01 đến 217). Khi còn ba bài, gút chọn một bài, hội đồng đề nghị tôi đọc thêm lần nữa. Bác Sáu Giàu hỏi: "Bài này của ai?". Tôi bảo: "Của anh Viễn Phương". Cả hội đồng vỗ tay nhất trí tán thành bầu chọn 100%".

"Có điều đáng tiếc, trong ban quản trị có 18 người, đến nay qua đời mười người, nhưng giai đoạn hai vẫn chưa xong" – ông trần trối.

NỘI DUNG BÀI VĂN BIA

Vùng đất sáng ở Miền Nam Tổ quốc, nửa tiếp Trường Sơn, nửa nổi đồng bằng. Chống xâm lăng từ Trương Định, Trương Quyền, máu dũng sĩ chảy tràn sông suối. Thuở đất nước đắm chìm trong tăm tối, Nguyễn Tất Thành tìm ruột xòe non sông, tìm hướng tương lai, khởi phủ Bến Nhà Rồng. (...) Chiến thắng lớn từ hy sinh to lớn.

NGƯỜI KHỞI XƯỚNG XÂY DỰNG ĐỀN TƯỞNG NIỆM CỦ CHI

NGUYỄN TÝ



Ông Trần Văn Nguyên và tác giả tại nhà riêng ở Củ Chi

Ảnh T.KHANH

Lớn – Gia Định".

Thành ủy quyết định giao ông làm Trưởng Ban Quản trị Quỹ Xây dựng đền. Thành lập bộ phận nội dung, bộ phận xây dựng, bộ phận vận động (ông ở trong ban nội dung và vận động). Ông đi khắp các tỉnh, thành trong cả nước để vận động. Khi vận động được gần hai tỷ, ông Mười Cúc bảo ông thôi đừng đi nữa, để thành phố cân đối ngân sách.

Đền khởi công vào ngày 19-5-1993, nhân kỷ niệm 103 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch trên một vùng đất rộng 7ha trong quần thể của khu di tích lịch sử địa đạo Củ Chi Khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 19-12-1995⁽²⁾.

Ông nhớ như in việc xây dựng đền và tổ chức viết văn bia: "Khi xây dựng Đền lên rất có ý nghĩa, chúng tôi tổ chức thi viết Văn bia. Tôi, Mười Hải, Hai Phụng trong ban nội dung, phát động hình thành ban giám khảo có giáo sư Trần Văn Giàu làm Chủ tịch Hội đồng, anh Sáu Chiến, nhà thơ Viễn Phương... Tôi đi gặp anh Tư Quân, Thứ trưởng Bộ Lao động- Thương binh- Xã hội gửi danh sách về khắc tên. Có 29 tỉnh, thành tham gia, trong đó có 217 bài tất cả đều được đánh mã số (từ

trong những bài văn bia được rất nhiều du khách khi đến nơi đều ghi chép lại.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đã viết: "Cùng với nhân dân cả nước, đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Củ Chi đã chiến đấu kiên cường, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Đền Tưởng niệm Bến Dược, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những biểu tượng đời đời ghi nhớ, biết ơn và tôn vinh, đồng bào, cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh để giành Độc lập – Tự do – Thống nhất cho Tổ quốc Việt Nam yêu quý". (TP.Hồ Chí Minh, ngày 19-5-1997).

"Theo tôi, Đền Tưởng niệm Bến Dược, Củ Chi (Di tích lịch sử quốc gia) trở thành biểu tượng chung cho cả nước là chính vì

thế. Khi cụ Cố vấn Phạm Văn Đồng, nhà thơ Tố Hữu vào thăm Củ Chi. Nhà thơ Tố Hữu bảo tôi đọc bài Văn bia "Đời đời ghi nhớ" của nhà thơ Viễn Phương. Nghe xong, nhà thơ Tố Hữu bảo đọc đáo. Ông nói: "Từ xưa đến nay đất nước mình chưa có ai tổ chức thi Văn bia, các đồng chí có sáng kiến này, tôi hết sức biểu dương ý tưởng đó. Thứ hai, làm đền tưởng niệm con em của cả nước chứ không phải riêng của thành phố. Riêng bài Văn bia của nhà thơ Viễn Phương sâu sắc lắm. Tôi phải xác định rằng, Viễn Phương tham gia chiến đấu ở vùng này nên mới viết được những chi tiết đó, chứ còn không chiến đấu, bám trụ, thực tế ở đây dù có dùng văn chương cũng không thể nói lên hết được" – ông nhấn mạnh.

Củ Chi hiện nay đã đô thị hóa rất nhiều, ông Mười Nguyên tự hào: "Sau giải phóng, ngoài ổn định dân, sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, chúng tôi xác định về quy hoạch Củ Chi xây dựng năm cụm kinh tế - xã hội (cứ năm xã thành một cụm). Năm cụm đều có trường học cấp hai, cấp ba. Đặc biệt đồng chí Sáu Dân chỉ đạo Củ Chi giải phóng dân nhà tranh, nhà lá, nhà tôn nâng dần thành nhà ngói. Đến nay nhà sau tốt hơn nhà trước, đời sống văn hóa phát triển. Đường nông thôn ngày trước xe chạy bụi bặm đấy, nay tất cả đều tráng nhựa từ ngoài lộ vào trong xóm ấp. Lãnh đạo Trảng Bàng, Bến Cát qua thăm Củ Chi đều bảo, chúng tôi không thể nào chạy theo kịp Củ Chi. Tôi rất lấy làm tự hào".■

(1) Tham gia hoạt động cách mạng từ nhỏ. Bị địch bắt tra tấn dã man nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần cách mạng. Sau 1975, ông giữ chức Bí thư huyện Củ Chi. Ông đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ trao tặng: Huân chương Giải phóng Nhất, nhì, ba; Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huân chương Độc lập hạng Hai. 60 năm tuổi Đảng.

(2) Có tất cả 44.752 tên anh hùng liệt sĩ được tạc tại gian chính điện cùng phối thờ. Đền khắc ghi: "43.777 liệt sĩ, 11 vị lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, 41 vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân, 975 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" (Theo số liệu tính đến thời điểm 14-12-2012 của Wikipedia).

PHÍA SAU NỖI ĐAU

Truyện ngắn của NGUYỄN TIẾN BÌNH

S UONG mù bằng lẳng trên cánh đồng xã Bảo Khê. Cuối tháng hai âm lịch rồi mà vẫn còn u ám, mùa xuân ở đâu đó chưa về. Không gian làng quê buổi sớm yên ả, mang một màu xám xịt ảm đạm. Con đường bên bờ sông Điện Biên chảy qua rìa làng quang đãng, vắng lặng. Bầu trời không một gợn mây, trong cái thăm thẳm xanh chỉ còn sót lại thưa thớt vài ba vì sao như những chấm sáng nhỏ li ti. Ánh trăng cuối tháng lướt nhẹ trên bề mặt những đám cỏ đều đang trôi trên mặt sông. Những ngôi nhà trong thôn Thượng vẫn còn đóng kín cửa. Ông Biểu bước ra bên ngoài, không hề nghĩ rằng đêm vẫn chưa qua và ngoài đường hơi se lạnh. Con Vàng lững thững chạy theo bước đi của ông, chốc chốc lại cúi mũi xuống những đám cỏ ven đường, ngó nghiêng nhìn về đâu đó trong giầy lát rồi tong tườ chạy theo chủ.

Đợt viêm phế quản vừa rồi kéo dài đến nửa tháng. Uống thuốc mãi không khỏi, cuối cùng thì ông phải nhờ người trên trạm xá hàng ngày đến nhà tiêm kháng sinh mạnh vào ven năm sáu ngày liền mới dứt ho được. Kể từ khi vượt qua ngưỡng tuổi sáu mươi, ông cảm thấy sức khỏe giảm sút đi rõ rệt. Xương khớp, đoạn cột sống thắt lưng và nhất là lồng ngực, nhiều hôm trở trời là đau mỗi rã rời. Mấy năm trước, ông đứng cắt tóc liên tục từ sáng đến chiều, một ngày vắn vò mấy chục cái đầu mà vẫn thấy bình thường, vậy mà độ này chỉ cắt được dăm cái là đã muốn ngồi nghỉ. Phải nói quán cắt tóc của ông cũng có tín nhiệm. Người ta đến để cắt tóc một phần nhưng cái chính còn để được nghe ông nói chuyện, thời thì tùy khách, tùy chủ đề, tùy tình hình... Nghĩ thế nào là đúng thì ông nói thế, thành thật với tất cả những ai đến ngồi vào cái ghế cắt tóc của ông. Mọi người thích nghe ông nói, muốn được nghe lời khuyên của ông khi gặp chuyện gì đó khó xử. Trong ánh mắt dân làng, ông là một cụ chiến binh từng trải, có bản lĩnh, tốt bụng và đáng tin cậy. Về phần mình, càng vào những lúc đau ốm mệt mỏi, ông càng thấy phải giữ cho đầu óc tỉnh táo. Cơ thể của người thương binh già cứ như cái máy dự báo thời tiết, còn nhanh hơn cả nhà đài, hễ sắp có áp thấp nhiệt đới là ông biết ngay. Thế nhưng mỗi khi đau ốm, mệt mỏi đến đâu thì ông đều tự nhủ bằng giá nào cũng phải nhanh chóng đứng dậy, tích cực ăn uống luyện tập chứ nhất định không chịu nằm lâu. Hai cụ thân sinh của ông tuổi đã ngoài chín mươi vẫn đang còn đầy nhưng cụ ông thì nằm liệt giường từ mấy năm nay. Nhà có ba anh em thì hai thằng em đã hy sinh, gia cảnh của cô em gái út cũng quá khó khăn... Đối với ông vẫn còn rất nhiều

việc phải làm. Lá già vẫn ở trên cây, lá chưa vàng hết làm sao rụng được. Phải cố chứ, bây giờ mà không có sức khỏe thì chết. Mà sức khỏe đâu chỉ đơn thuần là thể chất, ông thấy khỏe về tinh thần mới là quan trọng.

Cả tuổi thanh xuân của ông Biểu gắn liền với chiến tranh. Gần mười một năm trời đằng đằng, ông cùng đồng đội đi qua hết nơi này đến nơi khác trong chiến trường miền Nam. Bây giờ, ông không thể nhớ hết đã tham gia bao nhiêu trận đánh, chỉ biết là dấu tích bom đạn giặc vẫn để lại đầy mình. Đợt bị thương cuối cùng là vào cuối chiến dịch Hồ Chí Minh với những vết thương khá nặng khiến ông phải nằm lại bệnh viện dã chiến. Sài Gòn được giải phóng đã qua được gần một chục ngày rồi ông mới biết. Lúc đó, cả đơn vị vẫn mãi mê truy đuổi bọn tàn quân ở tít trong rừng sâu mạn cuối Đak Nong.

Hai năm vừa qua, những vết thương ở trong lồng ngực là hay tái phát nhất. Nhưng cứ hết sốt, đỡ ho là ông lại vùng dậy tập luyện. Chỉ trừ những ngày mưa hay rét quá chứ sáng nào ông cũng đều dậy sớm ra đầu làng, đi bộ mấy vòng quanh đầm sen. Sáng nay cũng vậy, những búp sen giờ này còn e ấp, giấu mình phía bên dưới mặt hồ nước phẳng lì, trong veo in bóng hàng nhân cổ thụ. Nổi tiếp đầm sen là ba cái hồ cá. Nước ở đầm cá bao giờ cũng đục hơn, mặt hồ lơ lửng bóng dây lều tre tênh toàng, xiêu vẹo được quây xung quanh bằng những tấm màn nan. Những chiếc lều này là để dành cho người dưới thành phố về ngồi câu cá tiêu khiển. Đang mãi đi, ông nghe có tiếng nói từ bên trong một chiếc lều bên cạnh cây nhân đồ nghiêng, ánh đèn dầu hắt ra từ bên trong leo lét.

- Đi tập sớm thế ông Biểu. Vào làm chén nước đã.
- Thế ra... ông ngủ ngoài này à? Cũng dậy sớm thế? Ông Biểu vừa nói vừa qua chiếc cầu tre nhỏ, cúi đầu đi vào túp lều trông cả của ông Thịnh.

- Ngủ thế thôi. Hôm nào chả vậy. Cứ bốn giờ là tôi tỉnh giấc rồi. Người đàn ông tên Thịnh trông phải đến gần bảy mươi, nước da ngăm đen, dáng cao lêu nghêu, khuôn mặt khắc khổ, tóc tai rưa rĩa lờm chờm, sợi trắng sợi đen, rồi bởi như chưa từng được một lần chăm sóc. Chỉ có đôi mắt là vẫn sáng quắc, cương trực. Ông Thịnh mặc trên người bộ quân phục sỹ quan cũ kỹ màu cổ ủa của những năm về trước, phía bên ngực trái có đeo chiếc huy hiệu thương binh. Ngồi trên chiếc chiếu rách, tay cầm điệu cây, ông nghiêng đầu kéo một hơi thật dài, tiếng kêu rít lên réo rắt.

- Đạo này làm ăn thế nào hả ông? Ông Biểu hỏi.
- Cũng nhì nhằng thôi ông ạ. Mới đầu năm nên chưa có người đến câu mấy. Không ở ngoài này mà trông thì

đem về, mấy thằng ở dưới Dốc Suối lên, có con nào chúng nó đánh trộm hết. Từ ngày xã mình được nhập về thành phố đến giờ cứ như là sắp loạn ấy. Ngày xưa các cụ bảo đối bụng đầu gối phải bỏ nhưng bây giờ có phải chúng nó bỏ là vì đói bụng đâu. Chúng nó bỏ là vì không lao động nhưng lại muốn tiêu xài, muốn hưởng thụ, muốn ăn chơi sành điệu. Tôi thấy khó quá ông ạ. Không hiểu rồi sẽ như thế nào với lũ choai choai này. Ông xem, có thời nào mà cờ bạc, đi điểm, nghiện hút tràn về quê mình lắm như bây giờ. Xã mình từ xưa, cả ba thôn đều làm nghề nông, cả năm cây cấy. Hết việc ngoài đồng thì ngồi nhà làm hương. Ngoài Tiên thôn, dưới Cao thôn và cả trong thôn Thượng, đâu đâu cũng vậy. Thế mà bây giờ không còn ai hảo hức ra đồng nữa. Nhiều nhà còn chẳng thêm cấy, đất để bỏ hoang, kéo nhau tất cả lên Hà Nội làm ăn. Đi buôn gà, bán bún đậu, làm xe ôm hay là đi đóng nát. Kể cả đi đóng nát thì vẫn còn khá hơn làm ruộng. Chỉ khổ là làng nào cũng có vài ba thằng nghiện. Con anh giáo Quang ngoài Tiên thôn, đi nghĩa vụ về được mấy bữa vừa mới chết rồi. Nhậu nhoẹt say xỉn, cờ bạc hụi họ nợ nần rồi tính chuyện trừng phạt lẫn nhau. Lại thật, cứ nóng mắt là chúng nó rút dao ra chém người như chém chuối. Thật quá sợ luôn.

Nhìn qua khe liếp ra mặt đầm, ông Thịnh nói tiếp: - Mấy anh em trong xã làm xong thủ tục xin chứng nhận nạn nhân chất độc da cam được hết rồi đấy ông ạ. Sao ông không làm cùng một thể cho đỡ. Mỗi tháng bây giờ cũng được những triệu bảy tám chục cơ đấy.

- Thế cơ à. Ông Biểu cắt lời.
- Ôi dào... cũng phải phẩm oản, nín chịu hành tởi lắm. Bây giờ ở đâu, cửa nào chả vậy, phường xã hành tởi kiểu phường xã, bệnh viện hành tởi theo kiểu bệnh viện. Làm cái gì mà chẳng phải tiền. Tôi hỏi ông, họ ký một chữ để mình có tiền hàng tháng là thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, ấy thế mà cứ như thế là họ đem tiền từ trong túi của nhà họ ra để bố thí cho mình. Cũng ức lắm nhưng biết làm sao được hả ông. Qua sông thì phải lụy đò, sỹ diện thì chỉ có thiệt. Ông cũng như tôi thôi, già rồi mà vẫn ngày đêm đầu tắt mặt tối, cốp nhật từng đồng mới đủ trang trải cho gia đình. Tôi nói thật chứ ăn chẳng dám ăn, tiêu chẳng dám tiêu. Thằng nào cũng còn quá nhiều thứ phải lo, tôi thấy cuộc đời anh em chúng mình sao mà quá khổ.

Rót nước chè vào hai cái chén vàng suộm, ông Thịnh lại nói tiếp: - Theo tôi thì kỳ này ông làm đi, khắc đi thì khắc đến, lấy đâu ra mỗi tháng triệu tám bảy giờ. Triệu tám là gần ba tạ thóc chứ có ít đâu.

- Giá trị quá đi chứ. Ông bảo nhà tôi cấy có hai sào. Năm vừa rồi được mùa đấy nhưng tổng cộng chỉ được khoảng hơn tám tạ một tý, trừ hết tất cả chi phí không biết có còn độ một nửa, công xá mình bỏ ra không tính thì cả năm cũng chỉ được chưa đầy ba triệu bạc chứ bao nhiêu. Vất vả cả năm trời, đủ thóc mà ăn cho là tốt rồi đấy ông ạ. Ông bảo đến tuổi này rồi mà vẫn cứ phải lăn ra làm. Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ. Số phận nó thế thì phải chịu.

- Ông làm thủ tục đi. Mẹ kiếp. Mấy thằng mình nhờ Giới được sống. Hồi trong bè hai chúng nó phun khói đặc mịt mù trên đầu, cây cỏ chết rụi cả. Chúng mình bị phơi là cái chắc. Ông không làm thì ai làm.

- Để tôi xem, cũng đã có lúc tôi định làm theo các ông nhưng thấy cũng phiền phức cách rách quá.

Phiền phức cái nỗi gì. Ở mình bây giờ làm gì chả thế. Chúng nó làm ào ào ông không thấy à. Ông không thấy có thằng đi bộ đội được mấy ngày, nói xin lỗi chứ nó còn chưa đi hết địa phận Thanh Hóa, trên người không một vết sẹo, vậy mà bây giờ cũng có thể thương binh, cũng da cam da quýt như ai.

Ồi dào. Chuyện của người ta... mình can vào làm gì... Thời buổi này, ai chạy được cái gì thì mừng cho người ta cái nấy.

Ông nói thế thì... quá là đánh bần sang ao? - Ông Thịnh bực bõ rồi hỏi một câu rất lạ - Nếu những người tốt như chúng ta mà cứ lùi mãi thì...cuộc đời sẽ đi đến đâu nhỉ?

"Cái lão này hỏi những câu khó bỏ mẹ" ông Biểu nâng ly trà lên trầm ngâm suy nghĩ. Trong lần gặp gỡ anh em đồng đội sau Tết Nguyên đán trên Hà Nội, ông được biết thêm nhiều chuyện. Cũng chỉ xung quanh những việc thương binh thật, thương binh ốm và việc người ta định ra các tiêu chuẩn và thủ tục để được công nhận là nạn nhân chất độc da cam mà cũng nảy sinh



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

TẢN VĂN

A O rộng chừng...! chợt nhớ, cách tính diện tích hình tròn "bán kính nhân bán kính nhân pi". Nhưng, người làng chẳng học nhiều đến thế: ao rộng chừng mười lăm mét, ấy là ước đoán theo đường kính, từ bên này sang bên kia.

Quê tôi ven tả Kiến Giang. Một ngôi làng dài uốn lượn theo bờ sông, mỏng như lá lúa, phơi giữa cánh đồng quay trở hướng nào cũng gặp gió, gặp nước. Nửa thiên niên kỷ trước, các cụ tổ trên đường nam chinh, nghiêng nghe được vùng địa cát, ngày khai hoàn theo chiếu di dân mà chọn nơi chốn đi "kinh tế mới". Những dây nhà kéo từ bờ sông ra cánh đồng như hình xương cá, người quê tôi gọi là trốong - một âm tiết xưa xác của tiếng Việt cổ hay có gốc gác từ tiếng chàm (!?) Quanh ao là những cây mưng (lộc vùng) cổ thụ thả hoa dây lòa xòa. Hoa tàn rơi xuống trải thảm trên mặt nước dập dềnh, sóng sánh.

9 giờ sáng, gió Nam từ cánh đồng thổi vào mát rờn rợn. Tôi quăng lưới câu về phía gốc mưng phục một con ếch mẹ trong hang. Trên ngọn măng vôi, con chim bói cá cũng im lặng chăm chăm chờ một hình cá lượn dưới mặt nước. Mặt ao lặng như tờ. Gió thổi riu

riu. Ngọn măng vôi mỗ côi đứng đưa nhè nhẹ. Con chim bói cá nhìn tôi như...cười cười. Con ếch mẹ trong hang vẫn chưa chịu mỗi. Hai mắt thàng bé mười tuổi ước chừng dúm lại. Ngọn măng vôi nhún nhảy, nhún nhảy rồi bỗng một tia xanh lè vút xuống, chớp sóng, mặt nước xao động. Con chim bói cá đập cánh bay lên với "chiến lợi phẩm" giẫy giụa. Tôi choàng tỉnh, giật vôi cắn câu, sợi cước mùa loảng ngoảng, nhẹ tênh. Năm năm một lần, xóm quây ao, gọi là "vậy phốc". Ai có nơm dưng nơm, có rớ (vó) dưng rớ, thả sức bắt cá. Nhưng tịnh không thấy tát ao bao giờ- tát ao là phơi đáy, tận diệt, là vỡ gương làng.

Đêm trăng thu ngồi ngời, tôi ngồi nghe nàng thủ thi chuyện nhà, chuyện hàng xóm, chuyện chị em đồng trang lứa,

AO LÀNG

SOI BÓNG HỒN QUÊ

NGUYỄN THẾ TƯỜNG

chuyện...và nghe cá quẫy. Khuya, tôi cầm nắm bàn tay nằng, lần lên bờ vai, lên tóc. Nàng run như con chim én sập bầy. Thế có ánh trăng 16, tôi chưa kịp làm gì thì nhận giấy gọi nhập ngũ. Năm năm sau, từ phương nam toàn thắng trở về thì "con sáo đã sang sông" đứng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tôi ngồi bên sông vọng qua, hình như thấp thoáng bóng ai tay bóng tay bế. Tôi ra ao làng tìm con chim bói cá. Ngọn măng vôi già thành tre. Cây mưng cổ thụ vẫn nhai nhai thả hoa dây lòng thông, sao trông như dòng nước mắt... đó? Tôi có buồn không? Chỉ một lần cầm tay, chưa trâu cau hện ước. Năm năm, thư về như mưa ngâu, chiến trường càng về trận cuối càng ác liệt. Bao lứa trai làng ra đi, không về, ao làng lưu ảnh gương mặt họ...

Năm trăm năm khai canh lập ấp, bao đời người sinh ra, lớn khôn soi mặt ao làng như đóng dấu son để ra đi lập

ngiệp. Pháo nổ, vu quy! một người con gái từ phương xa về làm dâu làng vấy áo xông xênh ngang qua ao làng nhận mặt. Xuất giá tòng phu! bao phận gái làng làm dâu xứ người, một ngày trở về soi mặt ao làng tìm lại dung nhan một thời con gái. Đêm gió mát trăng thanh, hoàng hôn ngày sóc vọng, những linh hồn chính chủ hiện lên, những phận người lang bạt tìm về... ao làng là bản thần phả phi văn tự.

Người khôn của khó! người dễ đất không dễ. Những con đường đăm ngang chém dọc, đất cát tãi về lấp ruộng lấp ao thành nền bản đầu giá, thu ngân sách. Ao làng mèo mả dần rồi biến mất. Chỉ còn lại trong tôi, trong ký ức người làng những mảnh hồn quê vỡ vụn và chìm lấp. Chợt nhớ một câu ru em: "Mãn mùa toác rạ rơm khô..."■

lắm vấn đề quá. Có nhà anh em đang hòa thuận, bỗng sinh ra mâu thuẫn, coi thường nhau cũng chỉ vì người làm được người không làm được cái tiêu chuẩn để có thêm mỗi tháng triệu tám. Ở một nơi khác, lại nghe chuyện một người đại diện đứng ra lo thủ tục cho tất cả những ai là cựu chiến binh của xã. Dĩ nhiên là phải nộp "lệ phí", nghe nói đến cả cây vàng?

Ngoài hồ cá, ánh sáng đang bùng lên. Những giọt sương đêm còn đọng lại trên những cánh lá khoai nước bên bờ đầm long lanh.

Đột nhiên, ông Biểu ngẩng đầu lên dứt khoát:

- Thôi ông ạ. Tôi thấy nản lắm, làm làm gì! Ông làm được rồi cũng là tốt nhưng tôi không làm đâu. Nói rồi, ông Biểu đứng dậy bước ra ngoài. Con Vàng đang nằm phủ phục trước cửa lều, thấy chủ đi cũng lững lững chạy theo.

2

Bảo Sơn là một xã nằm ở ven đê sông Hồng, thuộc huyện Kim Động. Từ ba năm nay đã thuộc về địa phận của thành phố. Đang là xã nay lại được gọi là phường, đang là người nhà quê, ngủ một giấc dậy đột nhiên trở thành người thành phố. Kể cũng rõ là oai. Ngày xưa, phù sa bồi đắp bên phía Hà Nam, lở phía bên Hưng Yên, từ chân đê dốc xuống sâu hun hút. Năm sáu mươi chín nước to dâng cao lên sát đỉnh đê, đi xuống mấy bước là có thể rửa chân được. Ủy ban phải chỉ đạo dân làng có kế hoạch sơ tán. Dân quân mấy xã thay nhau canh gác suốt ngày đêm đọc theo các điểm để phòng đề vỡ. Vậy mà mới chỉ có mấy chục năm, biến đổi của dòng sông ngày càng khác hẳn, phù sa từ thượng nguồn về bồi đắp trở lại. Ngày xưa bãi giữa như một cù lao nổi với làng xóm bằng những con đò, giờ không còn nữa. Lòng sông đã bị đẩy ra tít ra ngoài xa về phía bên kia.

Ông Biểu và ông Thịnh là người cùng xã, cũng có họ hàng xa xa. Năm sáu mươi sáu, hai ông cùng nhập ngũ một ngày, rồi cùng vác ba lô hành quân dọc theo dãy Trường Sơn để vào chiến trường. Vào đến bờ hai lại ở cùng trong một tiểu đội và nhiều lần cùng bị thương. Sau giải phóng miền Nam, hai ông lại cùng về theo Nghị định một bảy sáu. Có rất nhiều cái hai ông cùng chung, cùng chịu với nhau như thế.

Cuộc gặp mặt của những người đồng đội cùng chiến đấu ở chiến trường cứ làm cho ông Biểu day dứt mãi, đêm về không ngủ được. Phải cảm ơn ông Hùng, hiện vẫn đang làm giám đốc một doanh nghiệp lớn trên quận Cầu Giấy. Ông ấy đã giữ lời hứa với anh em trước hôm chia tay nhau ở C50 để ra Bắc: - Kiểu gì sau này tao cũng mời chúng mày về quê tao chơi. Cứ tưởng nói chơi thôi vậy mà ông ấy làm được thật. Sau đúng ba mươi tám năm, những cựu chiến binh của C50 Cục Hậu cần Quân khu đóng tại Tây Ninh có dịp gặp lại nhau và ở bên nhau đúng mười ngày. Thật không thể ngờ và có thể nói ông Hùng đã rất kỳ công. Ông ấy đã dành mấy tháng trời trong Nam, ngoài Bắc, đi tìm bằng được những người đồng đội cũ. Tìm được người này thì lại tìm thêm được người kia. Hỗ trợ, động viên và tổ chức bằng

được cuộc gặp mặt lịch sử tại giữa Thủ đô Hà Nội.

Thật cảm động và thấy tội nghiệp khi những người ở Kiên Giang, Đồng Tháp, Đak Nông chưa được một lần ra Hà Nội đã đành, có người ở ngay Hà Nam, Ninh Bình mà cũng chưa một lần được về Hà Nội. Có hai chín trên ba một người chưa bao giờ được một lần ngồi vào chiếc ô tô có máy lạnh chứ chưa dám nói được bước chân lên máy bay. Hầu hết những gương mặt đều khắc khổ, họ đến với nhau từ một hoàn cảnh chỉ cần nhìn mặt thôi là biết còn rất khó khăn. Không hẹn mà gặp, tất đều mặc bộ quân phục sỹ quan mùa đông đã bạc màu. Trên ngực và vai áo không có cấp hiệu và huân huy chương gì cả.

Họ nguyên là lính của sư 5, sư 7 và sư 9, gặp nhau trong khoảng thời gian từ 1969 đến 1972 ở C50 Tây Ninh. Thời gian ấy, nhiều chiến sỹ bị thương được đưa về đây. Chưa thể ra Bắc được một phần vì trận chiến ác liệt nhưng cái chính là vì còn có thể bổ sung trở lại cho các đơn vị. Yếu còn hơn thiếu, chiến trường lúc đó rất cần những người lính dày dạn như họ. Trong lần gặp vừa rồi do ông Hùng tổ chức và tài trợ hoàn toàn, mọi người đều dần dần nhớ lại những kỷ niệm và kể cho nhau nghe hết những cái tên, kể cả gương mặt của những người đồng đội đã nằm lại. Kỷ niệm thức dậy ký ức, ký ức đem lại hình ảnh để rồi hình ảnh lại lay động trái tim. Mọi người đều thấy tự hào bởi một điều rằng họ là những người cuối cùng đi ra khỏi cuộc chiến tranh gian khổ, ác liệt và vĩ đại nhất. Được gặp lại nhau sau hơn ba chục năm là một điều không tưởng nhưng lại là sự thật. Ba mươi một tháng tất cả như ông ai cũng hiểu rằng con số ấy sẽ vơi đi dần theo năm tháng và đến một lúc nào đó sẽ chẳng còn ai. Hồi ở trong chiến trường, trước mỗi trận đánh được ở bên nhau, dù không ai nói ra nhưng trong sâu thẳm tâm can, không ít người đã nghĩ những lúc như thế rất có thể là lần gặp nhau cuối cùng. Sẽ chẳng còn những cuộc gặp mặt như vậy để mà cười, để khóc cùng với những ước để được cùng nhau suy tư, day dứt. Vậy mà sau ba mươi tám năm, họ lại được gặp nhau. Thử hỏi còn có gì sung sướng hơn được nữa.

Suốt mười ngày chìm đắm trong âm hưởng hào hùng một thời ào ạt kéo về không gian hội ngộ, ông Biểu cũng ngộ ra một điều rằng, chỉ có những người nghèo khổ, những người đã cùng nhau trong khó khăn, ác liệt đến tận cùng giữa cái sống và cái chết mới chính là những người yêu thương nhau nhất. Lần ấy, họ muốn giải chiều xuống sân nhà ai đó để được nằm bên nhau suốt đêm dài như hồi ở trong chiến trường. Nhưng ông Hùng bảo: Không được! Tôi đã thuê toàn bộ khách sạn Bảo Khánh ngay cạnh Hồ Gươm để các ông đi bộ mấy bước ra ngắm Tháp Rùa. Cứ hai người một phòng. Còn phần ăn uống, tôi sẽ đãi các ông những gì ngon nhất của Hà Nội. Không có vấn đề gì, các ông khỏi phải nghĩ. Và cũng bổ luôn cái kiểu suốt ngày ôn nghèo kể khổ. Chúng ta sống sót đến ngày nay, đáng được hưởng tất cả nhưng thứ vớ vẩn này quá đi chứ!

Khi bắt đầu nhập tiệc, ông Hùng nâng ly lên nói to với mọi người: - Nào, hãy nâng cốc để mừng cho lão Biểu vừa được chứng nhận da cam rồi. Cái lão gàn này

cứ nhất định không chịu đi làm thủ tục, ông Thịnh với tôi phải gò lưng ra gánh cho lão ta cái khoản phiền hà khi qua mọi cửa ải hành chính nhiều khê. Mẹ chúng nó chứ, chúng mình có đòi cái gì cao siêu đâu? Chỉ đòi được xác nhận là đang bị các loại chất độc của thằng Mỹ nó hành hạ bấy lâu nay, thế mà cũng khốn khổ vì các loại giấy tờ. Và cũng phải đếm nữa đấy. Nhưng thôi, mọi việc đã qua rồi. Từ hôm nay tôi tuyên bố chính thức lão Biểu của chúng ta đã gia nhập "Hội da cam". Thêm mỗi tháng ít tiền nữa, dù chẳng bổ bèn gì, nhưng cũng đỡ khó khăn hơn. Hội chúng ta còn ba vị nữa chưa được chứng nhận bị ảnh hưởng chất độc da cam. Tôi xin hứa với anh em, tôi có điều kiện hơn, nên sẽ tiếp tục đứng ra lo nốt cả ba trường hợp còn lại. Nhưng thôi, có hoa mừng hoa có nụ mừng nụ. Nào, nâng cốc chúc mừng đồng chí Biểu!

Mọi người ồ ào cộng ly, nâng cốc chúc mừng. Ông Biểu ngại ăn to nói lớn, nên chỉ li nhí nói vài lời cảm ơn ông Hùng, ông Thịnh đã: có công diu dắt, giúp ông vượt qua những cửa ải thủ tục nhiều khê tốn kém để từ nay chính thức được công nhận là "nạn nhân da cam". Nghĩ cũng nực cười, giúp nhau thành ông nọ bà kia gì kia chứ, lại giúp nhau trở thành "nạn nhân". Vậy nhưng ông biết chỉ có những người đồng đội chân tình thương nhau mới giúp được như thế. Nói gì thì nói, từ nay hàng tháng số trợ cấp thương tật của ông sẽ có thêm gần hai triệu bạc, cuộc sống sẽ dễ thở hơn rất nhiều... Biết tin này, hẳn vợ con ông mừng phải biết!

3

Nắng vàng trải dài suốt dọc triền đê.

Hương phơi đầy ngoài lối đi và trong sân của từng nhà suốt một đoạn dài đến ba trăm mét dọc thôn Tiến. Như có hơi thở nhẹ thơm ngát mỗi khi có làn gió từ triền sông thổi vào. Mùi hương trầm thơm dịu tràn ngập khắp căn nhà ngói cổ dưới chân đê. Bên cửa sổ, Trinh ngồi se hương, chiếc bàn xoa bên tay phải của cô đầy tới đầy lui trên bề mặt miếng gỗ phẳng kê nghiêng như mặt bàn nhỏ. Năm tám hương dài ở bàn tay trái cứ đều đặn nhả ra từng chiếc, từng que hương lần xuống cái khay hình chữ nhật gắn ngay ở phía dưới mép bàn. Nắng tràn qua ổ cửa sổ làm sáng lên khuôn mặt trái xoan xinh xắn, trắng mịn và mái tóc buông dài của Trinh.

Đất Dốc Lã nổi tiếng với nghề làm hương. Những hàng hương nổi tiếng trên Hà Nội ở phố Hàng Gà, Hàng Điều cũng toàn là người quê gốc ở đây. Hồi chiến tranh, những xưởng nghề làm hương sẽ teo tóp đi nhưng kể từ ngày đất nước đổi mới, nhu cầu hương thắp càng ngày càng lớn. Có một dạo, hương làm ra không đủ cho cánh buôn về lấy chuyển đi khắp các tỉnh thành và gửi cả ra nước ngoài.

Châm chú se hương nhưng Trinh cảm giác trong nhà như có ai đó đang đứng ở phía sau lặng lẽ nhìn mình. Biết là Đại vẫn đang thập thò đầu đó ngoài ngõ nhưng cô cố vờ như không hay biết. "Điều gì cần phải nói với nhau thì đã nói cả rồi. Anh với em có duyên nhưng

(Xem tiếp trang 8)

SỔ TAY THƠ

GỬI MẸ

Tha thử cho con, mẹ
Con đã quên lời mẹ ân cần
Con nhầm tưởng mình đã biết đại khôn
Con nhầm tưởng mình không là đứa trẻ
Trăm năm thêm tiếng vỗ về

Mẹ đừng im lặng thế
Mẹ đừng xa xót thế
Sao mẹ không mắng con
Con đã đánh mất quyền được làm đứa trẻ
Quyền được sợ chiếc roi tre mẹ giắt
ở mái nhà

Con có gì sau năm tháng đi xa
Chỉ đôi tay bấm nhiều vết cứa
Chỉ đôi mắt dưng dưng tàn tro bếp lửa
Sau tiếng thở dài...

Con không giàu hơn sau năm tháng xa nhà
Nước mắt đã nghèo đi
Niềm tin đã nghèo đi
Và hạnh phúc là cánh diều ảo ảnh

Mẹ ơi
Con thêm được khộc
Thêm được mẹ dỗ dành
Mẹ cầm lấy chiếc roi tre đi
May ra con còn nước mắt...

Tha thử cho con, mẹ
Con đã mang trái tim mẹ trong
lồng ngực con đi
Và thương tổn

Con biết làm gì bây giờ
Khi máu chảy đã lạnh lòng sắc đỏ

Mẹ đừng im lặng thế
Mẹ đừng xa xót thế
Mẹ cầm lấy chiếc roi tre đi...

BÌNH NGUYỄN TRANG
(Báo Văn nghệ, số 10 năm 2013)

Lời bình của BÙI ĐỨC BA

BÀI thơ *Gửi mẹ* của Bình Nguyễn Trang thu hút bạn đọc bởi giọng thơ trẻ, giàu cảm xúc. Người con tha thiết xin mẹ hãy tha thứ cho lỗi lầm "quên lời mẹ ân cần", "nhầm tưởng mình" đủ lớn khôn. Ấy cũng là hành vi, nhận thức khá phổ biến của tuổi trẻ, khi bước vào đời gặp va vấp và đến một lúc nào đó nhận ra lỗi lầm. Thế rồi, thật khác thường, ngay sau lời cầu xin tha thứ, lời lẽ đột nhiên rắn rỏi. Người con không bằng lòng với sự im lặng buông xuôi mà mong mẹ hãy nghiêm khắc:

Mẹ đừng im lặng thế
Mẹ đừng xa xót thế
Sao mẹ không mắng con
Sự im lặng phải chăng như xem nhẹ
lỗi lầm của con, để rồi, chính mẹ phải
cam chịu "xa xót" trong lòng. Người con

yêu mẹ đích thực không muốn thế. Hình ảnh "chiếc roi tre" là biểu tượng sinh động của sự nghiêm khắc trên tinh thần thương yêu của tình mẹ, giờ đây trở thành hoài niệm tiếc nuối của con đang trong hoàn cảnh phải xa nhà, xa mẹ. Người thơ cho ta thấy sự nghiêm khắc của mẹ trong giáo dục là vô cùng cần thiết.

Thế rồi, Bình Nguyễn Trang tâm tình cùng mẹ. Câu hỏi day dứt được đặt ra "Con có gì sau năm tháng đi xa" và rồi, bằng hàng loạt hình ảnh thơ ẩn dụ kể lại cuộc sống của con, với biết bao thương tổn "đôi tay bấm nhiều vết cứa", tâm hồn như vỡ vụn trước cuộc đời "đôi mắt dưng dưng tàn tro bếp lửa". Và nữa, con "không giàu hơn sau năm tháng xa nhà". Cái "nghèo" (nghĩa bóng) được lấy lại như một ám ảnh: "Nước mắt đã nghèo đi/ Niềm tin đã nghèo đi". Những giọt nước mắt giàu xúc động như vơi cạn. Niềm tin trong cuộc sống bị mai một. Và thật đáng buồn, hạnh phúc chỉ còn là ảo ảnh. Bao nhiêu là tổn thương, mất mát được người con liệt kê. Đó chính là hệ lụy, là hậu quả khôn lường của việc: "Con đã quên lời mẹ ân cần/ Con nhầm tưởng mình đã biết đại khôn".

Bởi những mất mát, bế tắc như thế cần được giải tỏa, tình thơ chuyển biến. Thơ nhiều giải bày, mang dấu ấn rõ nét

của các nhà thơ trẻ. Hai tiếng "Mẹ ơi" làm thành câu thơ riêng biệt khởi đầu cho cảm xúc mới. Bình Nguyễn Trang muốn "khóc" cho vơi nhẹ nỗi lòng, muốn được mẹ "dỗ dành" an ủi- tâm lý thường thấy của người con gái. Mong muốn ấy cần thiết như nhu cầu thêm ăn, khát uống trong đời sống, được nhấn mạnh bằng từ "thèm" giàu sức gợi. Đồng thời, lúc này đây, con vẫn mong mẹ nghiêm khắc. Thơ cho ta hiểu vai trò lớn lao, không thể thiếu của người mẹ. Mẹ là chốn nương tựa tinh thần cho con trên đường đời với biết bao thách thức, thương tổn...

Bài thơ *Gửi mẹ* còn thú vị, độc đáo ở lời thơ mở đầu và lời thơ kết thúc. Mở đầu, nhân vật trữ tình xin mẹ bao dung tha thứ "Hãy tha thứ cho con, mẹ". Kết thúc (tương phản với lời mở đầu, mang dấu ấn kế thừa giáo dục truyền thống: Thương con cho đòn cho vọt). Con cầu xin mẹ hãy nghiêm khắc "Mẹ cầm lấy chiếc roi tre đi, mẹ...". Phải chăng, Bình Nguyễn Trang chân thành mong muốn mẹ mình và các bậc làm cha làm mẹ hãy tha thứ cho lỗi lầm của con khi chưa đủ lớn khôn, đồng thời phải nghiêm khắc dạy bảo, không chỉ khi con ở tuổi ấu thơ mà cả khi đã trưởng thành bước vào đời. Đó cũng chính là tứ thơ mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, giàu tính thời sự.■

PHÍA SAU NỖI ĐAU

(Tiếp theo trang 7)

không có phận. Thời đành chờ kiếp sau vậy". Nghĩ vậy, nhưng trái tim cô lại nhói đau mỗi lần nhớ lại cái giây phút ấy.

....Chập tối hôm đó không hiểu sao cô lại rất vui khi đôi chân thoát thoát đưa cô tới ngõ nhà anh. Chiều nay cha cô từ trên xa trở về vui mừng thông báo với cô rằng kể từ tháng này, cha cô sẽ được nhận thêm gần hai triệu trợ cấp vì đã được chứng nhận là nạn nhân chất độc da cam. Cha vui vì có thêm thu nhập vào đúng lúc con sắp lấy chồng, cha tuy già yếu nhưng việc chăm lo cho hai cụ từ này sẽ đỡ vất vả hơn, con có thể yên tâm mà lo việc nhà chồng. Nghề se nhang con có thể mang về bên ấy để đỡ đỡ nhà chồng. Thấy cha vui vậy, cô cũng vui lây. Vì đúng là cô đang canh cánh bên lòng nỗi lo phải trút lại gánh nặng gia đình cho cha khi mình về bên ấy làm dâu. Nay cha có thêm thu nhập ổn định thì còn gì bằng nữa. Cô muốn chia sẻ niềm vui ấy với Đại. Nhưng, thật không ngờ... May mà cô chưa kịp bước vào nhà thì đã nghe tiếng cha con Đại to tiếng với nhau. Tiếng ông bố chống tương lai của cô vang lên rành rọt... - Thế là hai năm rồi mười rồi. Chú Bảy bên ủy ban nói rõ với tao rằng lão Biểu chính thức có xác nhận của các cơ quan rằng lão là nạn nhân chất độc da cam. Lão ấy bị nhiễm cái thứ gì đó... có thể lây đến ba bốn đời con cháu. Nếu mày lấy con Trinh thì sẽ sinh ra những đứa trẻ quái thai, dị tật như trên tivi ấy! "Nhưng có phải ai cũng bị lây cho con cái đâu bố" - Đành là thế, nhưng rồi ro cao lắm con ạ. Mà nhà này thì đến đời bố đã hai đời độc đinh rồi. Đến lượt mày... mà tuyệt tự thì dòng họ này thật vô phúc! Tao không chấp nhận điều đó. Nếu mày không tự quyết định được thì để tao sang nói với lão Biểu một câu. Lão cũng là người biết điều, chắc cũng chẳng chấp nê gì đâu!... Nghe tới đó, trái tim non trẻ của Trinh như tan nát. Cô đã hiểu ra tất cả. Nhưng cô vẫn đủ nghị lực để hiểu rằng, chính cô phải quyết định ngay việc này chứ không thể để cha mình bị tổn thương. Lấy hết can đảm, cô lau khô dòng nước mắt rồi bước vào trước sân nhà và lên tiếng ngay: "Thưa bác, cháu xin lỗi vì đã nghe được những lời vừa rồi của bác. Cháu cũng hiểu những điều bác vừa nói với anh Đại. Đúng, bố cháu vừa được chứng nhận là nạn nhân chất độc màu da cam. Cháu cũng không dám chắc là dòng máu của mình không bị phơi nhiễm. Vì thế... cháu đồng ý với bác là chuyện cháu và anh Đại chuẩn bị kết hôn là không

hợp lý nữa. Cháu sẽ... tự nói với bố cháu việc này. Xin bác đừng làm gì khiến bố cháu bị tổn thương". Nói xong bấy nhiêu lời, cô vội vã quay đầu bỏ chạy, mặc cho Đại hốt hoảng chạy theo.

Chuyện hai nhà hủy hôn ước khiến làng xóm ồn lên ít ngày, nhưng rồi mọi sự cũng nhanh chóng đi vào quên lãng. Ở vào thời cái thời buổi mà những chuyện giạt gân xảy ra như cơm bữa thì câu chuyện một đôi trai gái hủy hôn ước cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Ông Biểu cũng nhanh chóng hiểu ra lý do thực của việc con gái ông bị người ta hủy hôn. Ông vừa giận mình vừa thương con. Ông còn lên gặp ông Hùng để trách cả người đồng đội đã quá sốt sắng giúp đỡ khiến ông được thì ít mà mất thì nhiều. Nghe xong câu chuyện, người đồng đội của ông nổi giận đùng đùng. Nhưng giận là giận ai cơ chứ? Người ta lo cho tương lai con cháu người ta thì phải đâu là một tội lỗi.

- Thôi, ông cũng đừng buồn nữa. - Ông Hùng an ủi người đồng đội của mình - Để tôi xem... có thể làm gì để giúp cháu. Có lẽ... phải tìm việc làm cho nó thôi. Rồi xa cái làng cổ hủ của ông, may ra cháu nó mới có cơ hội tìm thấy tương lai...

Và một lần nữa những người đồng đội lại giang tay ra giúp ông tìm ra lối thoát cho tương lai của con gái mình... Từ ngoài đám cá vể, ông Thịnh đứng lặng một lúc lâu nhìn cô con gái đang mãi mê se hương. Càng lớn, ông càng thấy con gái giống hệt mẹ nó ngày xưa. Cứng lắn da ấy, mái tóc đen dày và dài xuống ngang gối và nhất là nước da trắng mịn, đôi mắt một mí lúc nào cũng thoáng buồn giống như những đôi mắt của mấy đứa con gái trên xứ đạo Ngọc Đồng, hiền lành và sâu lắng.

Ngồi vào chiếc ghế tràng kỷ kê ở gian giữa, với tay lấy chiếc điếu bát, ông nói:

- Thôi, nghỉ tay đi con ạ.
- Còn hai năm nữa là hết thời bố ạ. Bố đói chưa để con nấu cơm.
- Bố cũng thấy đói rồi. À! Con nhớ gọi điện cho anh chị Trọng, bảo mai về làm giò mẹ.
- Lúc này anh Trọng gọi cho con rồi. Chiều anh chị ấy cho các cháu về.
- Thế hả. Thôi để đấy con. Lại đây bố bảo.
- Bố cứ nói đi, con nghe đây. Trinh nói nhưng vẫn mãi mê se hương, không quay đầu lại.
Nhả xong cuộn khói lên trần nhà, ông Thịnh quay

đầu về phía cô con gái nói tiếp:

- Con ạ. Bố nhờ xin được việc cho con đi làm rồi.
- Đi làm... Ở đâu hả bố? Trinh hồ hởi hỏi
- Các bác ấy nói sẽ xin cho con vào làm ở một bệnh viện lớn trên Hà Nội.
- Ai hả bố?
- Bác Hùng. Bác ấy là bạn chiến đấu cùng với bố hồi ở trong bê hai. Bây giờ bác ấy làm ăn phát tài lắm, là giám đốc của một công ty xuất nhập khẩu. Nhưng cũng chính nhờ có bác Hùng mà...

Ông Biểu không dám nghĩ tiếp, nói tiếp nữa mà vội quay sang giục con

- Con chuẩn bị bộ hồ sơ ngay nhé. Giở mẹ xong bố sẽ đem ngay lên cho bác ấy.

Ông Thịnh nói rồi đứng dậy thắp ba nén hương lên bàn thờ. Ông chấp hai tay, nhìn chăm chăm vào bức ảnh của vợ thì thầm khấn: - Bà đi, bà sống khôn chết thiêng phù hộ cho con Trinh. Tập tục làng mình bà còn lạ gì. Tôi cũng đồng ý với bà, hứa gả con Trinh cho thằng Đại nhưng bây giờ người ta hủy hôn rồi bà ạ. Không phải vì nhà mình có tý vết gì đâu, gia đình mình đáng hoàng chứ, con gái mình ngoan và đẹp lắm bà biết rồi đấy. Tôi rất buồn nhưng không biết làm thế nào. Cũng phải hiểu và thông cảm cho nỗi lo sợ, ám ảnh của người ta. Bà biết là vì thấy tôi ốm yếu bệnh tật, khó khăn quá nên bạn bè họ mới giúp mình chạy xong cái thủ tục để được nhận tiêu chuẩn nạn nhân chất độc da cam. Tôi đã mừng vì những tưởng từ nay sẽ mở mày mở mặt vì mỗi tháng có thêm tí tiền lo cho cha mẹ già và các con ăn học. Ai ngờ việc tôi được công nhận là nạn nhân da cam tưởng là phúc lại thành ra họa. Cũng chẳng trách người ta được, lấy vợ kén tông lấy chồng kén họ. Con gái mình ngoan hiền thật đấy nhưng bố nó lại đang là... Họ lo cho tương lai, nói giống nhà họ cũng là có lý. Thôi, thì tôi đành phải tính nước khác vậy. Tôi đã nhờ ông Hùng, đồng đội của tôi đứng ra xin việc cho con Trinh, đành để nó đi làm xa, hi vọng nó tìm được duyên mới. Nghề se hương nhà mình nhờ nó mà được phục hồi, cứ nghĩ là con nó sẽ ở nhà nhưng không được nữa bà ạ... Thôi, để cho con lên Hà Nội tìm kiếm tương lai. Bà phù hộ cho tôi khỏe được ngày nào hay ngày nấy chứ bác sỹ bảo tôi ngoài thương tật, tôi bị dị chứng chất độc da cam là điều chắc chắn rồi. Chắc tôi cũng sẽ sớm được gặp lại bà thôi. Chỉ mong cho con mình gặp được điều tốt lành. Chỉ mong những thứ độc địa tôi mang từ chiến trường về chưa kịp ngấm vào dòng máu của con của cháu. Bà sống khôn chết thiêng hãy về chứng giám cho nỗi lòng của tôi.

Trên bàn thờ những nén hương chọt lóe lên, phản chiếu trong những giọt lệ ngẫu dục của người lính già. Ngoài trời, gió từ sông Hồng thổi vào mát rượi.■ N.T.B

NGUYỄN HẢI

Anh hùng và người đàn bà

Vợ anh buộc chiếc thìa vào cánh tay mất đi
phần nửa mỗi bữa ăn
Và cũng người đàn bà bất hạnh ấy bế anh lên
giường mỗi đêm thật muộn
Hai chân và hai cánh tay? anh quên mất chỗ người
ta chôn chúng.

Anh sợ những giấc ngủ
Chúng đưa lại cho anh những cảnh tượng và mớ hồi
và co quắp nơi góc giường

Anh sợ những chiếc gương
Chúng đem đến cho anh những mặc cảm đời
thường giày vò nghệt thở

Anh ôm người vợ bất hạnh bằng tất cả phần
tay chân còn lại

Bình yên trở về sau những cơn mơ
Anh biết mình còn sống

Người đàn bà đã không đủ nước mắt để xốt
thương những trận cơn trong cơn mơ đắm đuối
sợ hãi nơi anh.

Người đàn bà từ bỏ thiên chức làm mẹ sau ba lần
sinh nhầm quai thai vô tội chưa kịp khóc
lúc chào đời

Người đàn bà đã chết lặng sau mười năm gập lại
anh chỉ còn một phần tư đáng người nhòa
trong tiếng nấc.

Và anh, giữa đời thường vẫn mơ về chiến trường,
nơi anh là người còn lại duy nhất để tưởng niệm
mười một người đồng đội vẫn nhắc tên anh ở
một nơi rất xa.

Đêm nay, trong giấc mơ anh lại "xung phong...",
người đàn bà lại ghì chặt anh vào lòng!

Cỏ mần trầu

Lặng lặng sống trên dấu thời gian
Lớp cỏ sau mọc lên lớp cỏ trước
nơi đất màu lịm đỏ
Mần trầu sinh sôi...

Gân là mang màu máu
Vắt ra từ những sinh linh
Cỏ giấu quá khứ
Rưng rức đau...
Thành cổ yên bình.

Cỏ biết ơn vườn mình với nắng
Ủ lại ngày vào sắc đỏ mỏng manh
Và lớp sau vẫn mọc lên lớp trước
Phủ xanh dấu giày đạp đất xung phong...

Lá xanh - gân lá. Hai màu.
Cỏ mần trầu
Gân màu vết đau.

Phận người

Chờ người hóa đá niềm vui
Tìm người cặm một kiếp rồi, người đi?
Chưa tường xương gủi đất nuôi
Chưa hay thấy mộ, chưa người đáp tin...

Chiến trường mấy ngã chân chim
Sấm soi thấu suốt ngày đêm lẫn hồi
Sao người vẫn lặng im hơi
Thêm buồn lặn lội cuối trời tìm nhau?

Những mong mả ấm, đưa vào
Nghĩa trang đông đội rì rào gió què
Cuối đời mong mỗi vệt đi
Thương người chưa một lần về, xốt xa

Ngậm ngùi nước mắt già nua
Nhấn nheo còn giọt lã ra, gọi là
Khóc người chưa được làm ma
Khóc mình nằm xuống ngày ra cồn làng!

Cây bướm bạc ở vườn Quốc gia Lò Gò

Có phải mùa này đường về rừng cũ?
Vạn cánh bướm bay theo dấu mũ tai bèo
Vết đất đỏ như vết thương ngày đỏ
Ở chỗ nào chiếc võng em theo?

Đường vào rừng cây xanh ngắt. Gió reo
Bất chợt chập chồn là trắng
Như cánh bướm tràn ra với nắng
Một khúc đường xao động mấy cánh xanh.

Khách vào rừng tìm lại dấu chân anh
Những người cũ đã rời xa. Xa vắng
Cây bướm bạc vẫn ngồi lên ánh trắng
Rừng xưa. Cây là tiếp màu

Rừng vẫn rừng. Kỳ ức thâm sâu
Xin giữ lại những màu xanh sự sống
Cây bướm bạc thoảng hồn xưa đồng vọng
Ai nhớ rừng? Mang là trắng về xuôi...

ĐÀO PHỤNG

Làng ta

Làng ta không giống làng ta
Trụi cây đường ngõ, kín nhà ao chuôm
Họ hàng bạc phếch xóm thôn
Anh em vắng giỗ tộc còn như không

Cấy cây sớm tối thuần nông
Chán chi bỏ ruộng theo không phố phường?
Mắc chi gan ruột ly hương
Đại khôn cơm bụi nẻo đường lao lung?

Cái nghèo còn chảy như sông
Ruộng vườn chênh mảng dạ lòng phân ly
Tái xưa lủ lợt làm thuê
Kéo nhau bỏ đất vắng hoe cái làng!

TRẦN HOÀNG VY

Cây bướm bạc ở vườn Quốc gia Lò Gò

Mưa chiều,
Lạnh phố xiêu nghiêng,
Ngõ gầy guột phố
Mãi hiên đọng buồn
Trẻ ngồi hứng nước mưa. Tuôn
Em ngồi,

Áo ướt, tóc nguồn
Gọi tên!

Mưa chiều, mắt phố
Nổi nênh
Tối, trâm nam cũ
Trôi trên
Mưa chiều!

THANH ỨNG

Thím Luân

Chú mất, thành Luân hai tuổi
Một mình thím nuôi, lớn lên nó đi bộ đội
Một năm sau hy sinh
Thím ở một mình...

Mọi người gọi: Chị Luân, Bà Luân, Bà Luân...
Tên thời con gái
ngờ là quên
lại được ghi trên bằng vinh danh
và trên bia mộ

Tôi bỏ ngỡ với cái tên lạ
Vẫn gọi thím: thím Luân, thím Luân...

Con chim nhỏ vào nhà

Không biết có ta một mình
Chim ngỡ là nhà vô chủ
Rón rén sà vào nghiêng ngó
Lò dò từng bước nhìn quanh

Chẳng có gì để chim ăn
Hai bên tường vôi trắng huếch
Một cái giá con đựng sách
Đám ba chục quyển sờn bìa

Ta vẫn im trong tĩnh lặng
Xem chim, chim sẽ làm gì
Chim đi loang quanh vài bước
Nhìn chán, chim lại bay đi

Ta lại có ta một mình
Ngôi nhà vẫn như vô chủ
Mong chim lại vào lần nữa
Để ta có khách đến chơi.



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Là họa sỹ đồ họa, mỹ thuật công nghiệp chuyên nghiên cứu lịch sử nghệ thuật và thiết kế truyền thông, Judith Schalansky (sinh ngày 20/9/1980) nổi danh với các tác phẩm văn học có hình ảnh minh họa độc đáo của mình.

Với quan niệm "Sách cần có hình ảnh", Judith Schalansky không chỉ là nhà văn, mà còn là họa sỹ minh họa cho các tác phẩm văn học của mình.

Ý tưởng sách cũng cần những hình ảnh minh họa được hình thành từ khi Judith Schalansky đang học đại học. Tiểu thuyết đầu tiên *Fraktur mon amour* (2006) bà viết về kiểu chữ Fraktur và sau đó là *Blau steht dir nicht* (2008) đã được bà thể nghiệm ý tưởng đó. Năm 2009, tiểu thuyết *Atlas der abgelegenen Inseln* (Bản đồ các đảo xa) của bà theo phong cách này đã được Quỹ Nghệ thuật sách trao Giải nhất "Sách đẹp nhất của Đức",

cho tôi sự thoải mái trong những thời khắc lo lắng. Tôi muốn tạo ra một cuốn sách như thế. Có lẽ trong tương lai người ta có thể tạo ra một cuốn sách điện tử phổ quát... Tôi sẽ rất vui mừng nếu không sống tới lúc chứng kiến điều đó xảy ra".

Vào năm 2012, tiểu thuyết *Der Hals der Giraffe* (Chiếc cổ của con hươu cao cổ) của bà thuộc loại bán chạy nhất ở Đức, được Stiftung Buchkunst vinh danh là "Cuốn sách Đức đẹp nhất".

Theo Judith Schalansky, bà có ý tưởng viết một cuốn sách về một giáo viên sinh vật và muốn nó giống như một cuốn sách về sinh học ngay từ vẻ bên ngoài.

Nữ nhà văn tâm sự: "Viết cũng là một quá trình trực quan. Tôi đã phát triển một phương pháp tương tự sao chép và dán: viết ra những gì muốn nói bằng tay, chuyển ghi chú vào máy tính, in chúng ra và sau đó cắt ra các phân đoạn khác

giáo viên sinh vật Inge Lohmark. Phần đầu cuốn sách, chúng ta nghĩ rằng cô ấy thật khủng khiếp, với các học thuyết xã hội của Darwin. Nhưng dần dần, chúng ta tạo dựng được mối quan hệ với cô ấy và cô đã mất dần vẻ kỳ dị của mình.

Những hình ảnh trong tiểu thuyết lấy từ các bài học sinh vật, chúng gắn bó chặt chẽ trong suốt quá trình viết. Tác giả muốn cho mọi người thấy: sơ đồ miêu tả những vật giống như lai giữa hai loài gia súc ảnh hưởng đến cách đọc của mọi người. Trong ý nghĩa này, những hình ảnh đó tượng trưng cho khái niệm giáo dục rõ ràng.

Bạn đọc có thể hiểu ngay từ đầu câu chuyện được kể trong *Der Hals der Giraffe*. Song không dễ gì phát hiện ra ngay ý nghĩa thực sự của tiểu thuyết này. Cô giáo sinh vật bằng giọng nhà binh ra lệnh cho một nhóm học trò giờ trang 7 sách giáo khoa để "cả lớp bắt đầu nghiên cứu hệ sinh thái, cân bằng tự

hiếm. Liệu có bất công không, khi coi học thuyết xã hội của Darwin như một nguyên tắc của chính sách nhân chủng học?

Trong tiểu thuyết, giống như trong giáo án cô giáo soạn cho giờ học có hình ảnh khổng lồ của các con dơi, con sứa, bò biển; đi kèm với những suy nghĩ về tiến hóa là những hình minh họa cho học thuyết Darwin; hay những nhận xét ngắn gọn về tính cách của từng học trò trong lớp.

Những trần trở về vấn đề đạo đức của nhân vật chính dường như không còn phù hợp thời cuộc, bởi tình trạng suy thoái, chán chường, trong dân chúng đang lan tràn trên vùng lãnh thổ phía đông nước Đức sau năm 1989.

Cô Inge Lohmark rõ ràng bị ám ảnh bởi những kiến thức sinh học tầm thường, nông cạn. Chúng ta hiểu được tình cảm của cô giáo sinh vật đối với hệ tư tưởng của mình. Inge Lohmark đang cố níu kéo, duy trì những điều không thể níu kéo và duy trì được. Bởi trong thực tế, tất cả những điều đó, không có ngoại lệ, đang mâu thuẫn với sự phát triển tự nhiên. Chính nhờ quy luật phát triển tự nhiên mà hươu cao cổ có chiếc cổ cao như vậy – kết quả hiển nhiên của quá trình tiến hóa cho phép động vật có thể tận hưởng khoái cảm từ thức ăn. Khi quá trình tái sản xuất của dân cư trong vùng bị đình trệ, thậm chí trên đà sa sút, khi con gái riêng của cô giáo di cư sang Mỹ và mọi cơ hội tiếp tục duy trì nòi giống trở nên hao huyền, khi người chồng dồn toàn bộ năng lượng đàn ông vào việc nuôi đã điều, thì chỉ còn nước – gắng giữ tâm trí lạnh lùng, ngẩng cao đầu đi thẳng xuống mồ.

Học trò của cô Inge Lohmark cũng cảm nhận được điều đó ở chúng: "Trong giờ cô dạy, các học sinh không có quyền phát biểu và tự do lựa chọn. Không một học sinh nào được lựa chọn. Chỉ có chọn lọc nhân tạo, không còn gì khác". Song chính trong xứ sở của con người, nề nếp đó không hề tự nhiên: "Không có nề nếp. Cần lập lại nề nếp. Nhưng không rõ vì sao mọi thứ cứ lộn tung phèo".

Tuy nhiên, Judith Schalansky không đi sâu vào miêu tả ảo tưởng của nhân vật chính. "Tiểu thuyết giáo dục" đặt ra vấn đề: liệu những răn dạy có mâu thuẫn với phát triển tự nhiên, nhân khẩu học, trật tự trong tự nhiên? Bởi nếu cơ sự đã như thế thì con người cũng có vấn đề: "Bộ não quá lớn. Kho kiến thức đó lớn tới mức mất cân đối, giống bộ sừng của hươu khổng lồ từng tồn tại ở thời kỳ băng hà".

Cũng vì thế mà người ta vẫn tin rằng, chính sự không hoàn thiện có khi lại hữu ích, nhất là khi tình cảm con người bị cuốn vào cuộc chơi, và các quy luật tự nhiên không còn tác động nữa, khi mà "nhiều điều trở nên mất kiểm soát". Tình yêu thương học sinh lại khơi dậy trong cô giáo bản năng hung ác "phi tự nhiên" mà trước đó hoàn toàn xa lạ với cô.

Sách của Judith Schalansky trở nên đặc biệt bởi đã mổ xẻ sâu sắc, không khoan nhượng tâm trạng chán nản, thất vọng ngay từ hình thức bên ngoài của nó.

Giới phê bình nhận xét, rằng ý tưởng và cách trình bày tác phẩm đã làm nổi bật tính chất hài hước, trí tuệ của "tiểu thuyết giáo dục" này, và Judith Schalansky hoàn toàn xứng đáng với lời ngợi khen nồng nhiệt của họ.

Trong năm 2013, Judith Schalansky sẽ công bố tập sách mang tên *Naturkunden* theo phong cách độc đáo này của mình. ■

LÊ MY

theo Litrix.de, Goethe.de, 4/2013

TIỂU THUYẾT GIÁO DỤC CẦN HAY VÀ ĐẸP

chiếm được cảm tình sâu sắc của giới nghiên cứu thư tịch học.

Judith Schalansky không chỉ viết sách, bà còn trang trí chúng. Giống như sao chép và dán, sách của bà được thể hiện dưới hình thức báo tường. Theo Schalansky, một cuốn sách đẹp không hề gây rủi ro cho nội dung của nó. Ngược lại, nó đảm bảo rằng người đọc đã không mất thời gian vô ích. Các văn bản cần hình ảnh để người đọc có thể nắm bắt được nội dung câu chuyện. Hơn thế nữa, không phải cuốn sách nào cũng là đẹp nhất. Cuốn sách thực sự giá trị khi nó có hình thức và nội dung đan xen. Trong từng cuốn sách, nữ nhà văn – họa sỹ muốn cho mọi người thấy rằng khoa học cũng là thơ và sự khác biệt giữa thực tế với hư cấu không quá rõ ràng như chúng ta vẫn tin tưởng.

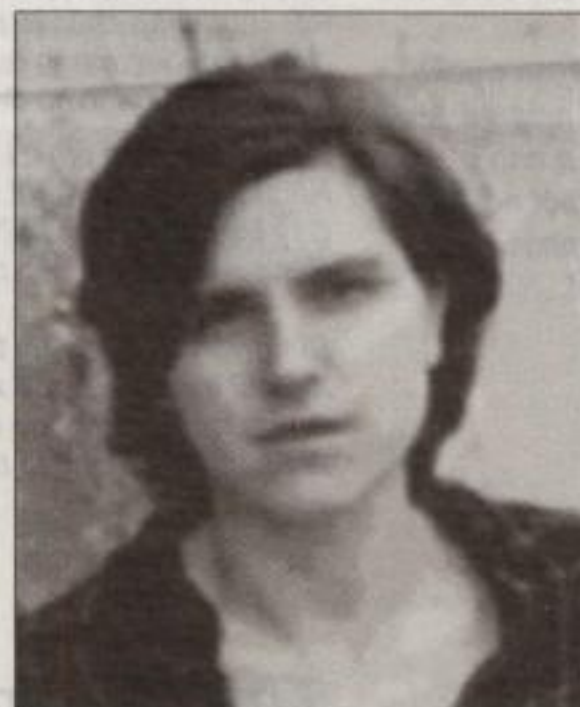
Judith Schalansky nói: "Với tôi, mỗi cuốn sách là một dự án nghiên cứu. Tôi coi các cuốn sách là một vật thiết thực đáng sưu tập. Khi mua một cuốn sách, tôi hứa với cuốn sách là tôi sẽ đọc nó. Đồng thời, tôi hoàn toàn phản đối việc sùng bái sách như một vật để thờ và ngắm chúng qua lồng kính. Chính cuốn sách bị bẩn do ta đánh dấu vào sách là điều rất thú vị, tạo cho nó sự khác biệt với sách điện tử.

Tôi không quan tâm sách điện tử. Tôi thích sách in vì chúng có mối liên hệ với tôi. Khi còn nhỏ, tôi luôn mơ ước có được một cuốn sách sẽ thay thế tất cả các cuốn sách khác. Một cuốn sách phổ quát có thể dạy tôi làm thế nào để sống sót trong vùng hoang dã và mang đến

nhau để sắp xếp lại chúng... Tôi luôn luôn cần phải xem cuốn sách trước mặt tôi. Điều này rất quan trọng. Nói một cách trí tuệ, kích thích thị giác ít được ưu tiên, mà tri giác luôn được ưu tiên ở mức cao nhất, trong khi minh họa luôn được coi là dành cho trẻ em và những kẻ ngốc. Có điều gì đó chưa đúng về vấn đề này. Thật điên rồ khi tin rằng một văn bản không cần có bất kỳ hình ảnh nào".

Der Hals der Giraffe miêu tả ba ngày trong cuộc đời của Inge Lohmark – một cô giáo dạy sinh vật và thể dục tại trường trung học mang tên nhà di truyền học Charles Robert Darwin ở tỉnh Vorpommern dưới thời Cộng hòa dân chủ Đức. Trường sắp phải đóng cửa vì không đủ học sinh. Inge Lohmark thành kính tin vào các quy luật tự nhiên, chọn lọc tự nhiên và coi cạnh tranh là nền tảng phát triển xã hội. Nữ nhân vật chính luôn bị ám ảnh bởi suy nghĩ rằng mình biết rất kỹ lưỡng về bản thân, các học sinh và cuộc đời nói chung, vậy mà không hiểu sao nghề sư phạm cao đẹp của mình lại thất bại?!

Cuốn sách mang phong cách truyền thống, được bọc vải lanh, tựa sách in nổi và được mô phỏng bộ xương của con hươu cao cổ. Việc bọc vải lanh cho ấn phẩm tiếng Đức là nỗ lực giúp người đọc trải nghiệm nhân vật chính, Inge Lohmark, bằng cách sờ thấy. Lúc đầu, cuốn sách có vẻ xa lạ, nhưng khi ta thực sự cầm nó trên tay thì nó mang lại cảm giác tốt đẹp. Bà muốn đạt được điều tương tự với quan điểm tường thuật: chúng ta nhìn thế giới qua con mắt của



Judith Schalansky

nhiên, mối quan hệ giữa các loài, giữa các sinh vật sống và môi trường xung quanh, hệ thống tương tác không gian và cộng đồng". Ngay tại trường này, câu trích dẫn trong quy luật tiến hóa "Ăn và bị ăn. Điều đó thật tuyệt vời..." được treo cao trang trọng.

Trong thực tế câu chuyện này là một bi kịch: chọn lọc và đột biến vốn là những cơ chế duy trì sinh vật tuyệt vời, nhưng việc áp dụng chúng trong môi trường xã hội loài người lại sinh ra những vấn đề mang tính đạo đức. Điều gì xảy ra với những kẻ tụt hậu, những ký sinh trên cơ thể mạnh khỏe của loài? Có nên bảo đảm thức ăn cho tất cả không? Bởi càng lâu thoát khỏi kẻ thất bại, thì càng nguy



Một số trang trong *Fraktur mon amour*

KHI KIỂM DUYỆT ĐÓNG QUÁ MỨC VAI TRÒ

ARASH HEJAZI*

LTS. Kiểm duyệt luôn luôn là một quá trình song hành, dù ít hay nhiều, với mọi nền xuất bản. Tuy nhiên, việc kiểm duyệt quá nghiêm ngặt như trong xã hội Hồi giáo Iran thì lại là chuyện khác, nó trở thành lực cản của mọi thiện ý sáng tạo.

MỘT vài năm trở lại đây, cuốn tiểu thuyết đồ họa **Kinh đô Persepolis** (Persepolis) của Marjan Satrapi đã bước chân vào thế giới văn học, và **Độc Lotita tại Tehran** (Reading Lolita in Tehran) của Azar Nafisi cũng được biết đến. Sau đó, luật sư Shirin Ebadi đồng thời là nhà nhân quyền của Iran đã nhận được giải thưởng Nobel Hòa Bình. Hai năm trước, tức là vào năm 2011, bộ phim **Ly biệt** (A Separation) của Iran nhận được một giải thưởng Oscar và năm ngoái, 2012, phu nhân Michelle của Tổng thống Mỹ Obama cũng trao tặng thưởng này cho bộ phim gây tranh cãi, **Argo** (Argo). Nếu bạn xem phim truyền hình về chủ nghĩa khủng bố hoặc gián điệp, thế nào cũng thấy có ít nhất một nhân vật Iran xuất hiện. Khi chúng ta liên tục đề cập đến một vấn đề gì đó, nó sẽ trở thành "hot". Iran là một chủ đề "nóng" trong suốt hơn ba mươi năm qua, thậm chí là còn nhiều hơn thế, nhất là kể từ khi Mahmoud Ahmadinejad trở thành Tổng thống của đất nước này. Các cuộc đàm phán hạt nhân kéo dài không có điểm dừng giữa Iran và các nước phương Tây. Cuộc bầu cử gây đấu tranh khốc liệt vào năm 2009 dẫn đến cái chết oan uổng của hàng trăm người và hàng ngàn người khác bị bắt giam, bị lưu đày.

Tuy nhiên, mặc dù biết rất nhiều về những biến động chính trị tại đất nước này, phương Tây vẫn không biết được bao nhiêu về bối cảnh văn hóa bên trong của Iran ngày hôm nay. Từ thuở sơ khai của nền văn minh cho đến tận bây giờ, Iran luôn đóng góp một phần quan trọng cho văn học, nghệ thuật và khoa học thế giới. Những dấu ấn về tên tuổi của Iran "Ba Tư" tỏa sáng qua những thần thoại, nghệ thuật đương đại, sáng tạo khoa học và nó cũng nuôi dưỡng một nền văn học từ sâu trong gốc rễ.

Trên thực tế, dù phải đối mặt với tất cả sự cô lập, đàn áp và các mối đe dọa liên tục cả trong nội bộ lẫn bên ngoài, Iran vẫn còn tạo ra một khối lượng lớn các văn bản nghệ thuật giá trị, nhưng, chúng gần như là không bao giờ có được cơ hội công bố. Ngay cả trên Internet, các tác giả vẫn bị kiểm soát, kiểm chế và đàn áp. Các nhà văn, nhạc sĩ, nghệ sĩ rất khó tìm được cơ hội trình bày tác phẩm của họ và bảo vệ chúng. Đường như tất cả các cơ hội để liên hệ với khán giả thế giới của các nghệ sĩ Iran đều đã bị bóp chết.

Trở ngại đối với việc phát triển các sản phẩm văn hóa của Iran trong vòng 100 năm qua không phải chỉ bắt đầu từ năm 1979 với cuộc Cách mạng Hồi giáo. Khi mà thế giới bắt đầu bước ra khỏi sự kiểm duyệt và hướng tới tự do ngôn luận thì trở trêu thay, Iran lại bước từ tự do ngôn luận bắt đầu từ thế kỷ mười tám vào vòng kiểm soát với sự thành lập của hệ thống kiểm duyệt chính thức. Kể từ khi nước Cộng hòa Hồi giáo Iran được thành lập, việc kiểm duyệt đã trở nên phổ biến và mọi người thậm chí còn bắt đầu kiểm duyệt theo những cách của riêng họ. Việc kiểm duyệt ở Iran được thực hiện theo một hệ thống nhiều lớp, có khả năng kiểm duyệt bất kỳ thứ gì, bất kỳ ai và bất cứ lúc nào. Các tác giả, nghệ sĩ, nhà làm phim, nhà xuất bản trở thành đối tượng chính. Ngay cả các nhà kiểm duyệt cũng tự kiểm duyệt trước khi công bố các nội dung.

Hai năm trước đây, thế giới đã hoan nghênh và trao giải thưởng cho nhà làm phim Jafar Panahi, người đã cố gắng để thực hiện một bộ phim tài liệu về hậu quả của cuộc bầu cử tại Iran năm 2009. Thế nhưng, nhà làm phim này đã bị pháp luật Iran cấm làm phim trong vòng 20 năm. Nhạc sĩ Iran, Mohsen Namjoo, người đã tạo nên một cuộc cách mạng âm nhạc đương đại Iran và thành công trong việc thu phục trái tim yêu nhạc của hàng triệu người thì bị kết án năm năm tù, may mắn là ông được đưa ra nước ngoài. Một số tác giả khác như



Mohammad Mohammadali chẳng hạn, thì bị Bộ Văn hóa đánh dấu "không xuất bản". Còn những tác phẩm của các tác giả khác thì được kiểm duyệt gắt gao đến nỗi họ phải chào thua và từ bỏ việc xuất bản.

Việc sử dụng Internet trở nên phổ biến ở Iran kể từ năm 2000, các nhà sáng tạo của Iran đã coi đây như là một cơ hội để công bố tác phẩm của họ. Tuy nhiên, điều này sớm mang lại nỗi tuyệt vọng. Thứ nhất, tác giả chỉ được đăng tác phẩm một cách miễn phí. Đây là kết quả từ các biện pháp trừng phạt của quốc tế đối với hệ thống ngân hàng của đất nước này. Không một ngân hàng nào của Iran là còn có mối liên hệ với các ngân hàng quốc tế, vì vậy, không ai có thể sử dụng cách bán lẻ như Amazon hay iTunes và việc kiếm sống bằng sự sáng tạo là không thể. Thứ hai, hệ thống ngân hàng của Iran chỉ cho phép một số sắp xếp mang tính nội bộ như là thương mại kỹ thuật số điện tử. Đối với các tác giả Iran, xuất bản trực tuyến trở thành một nỗi ám ảnh kinh hoàng. Chính phủ Iran cũng thực hiện một hệ thống lọc các trang web một cách quyết liệt, cắt đến 80% các nội dung trên các trang. Điều này đồng nghĩa với việc ngay cả khi bạn đang cư trú ở nước ngoài và muốn đưa tác phẩm của bạn đến Iran qua trực tuyến đi chăng nữa, cũng không chắc là tác phẩm của bạn sẽ đến được với các độc giả Iran.

Tất nhiên, người đọc Iran đã cố gắng để đánh bại hệ thống lọc với các phương pháp chống lọc, thế nhưng, điều này cũng là bất hợp pháp ở Iran. Thật phiền phức nếu bạn bị phát hiện và không phải ai cũng đủ kiến thức tin học để làm được điều này. Tốc độ đường truyền ở Iran cũng rất chậm và hạn chế, chủ yếu là chỉ được sử dụng trong các khu vực đô thị. Thêm vào đó, điều kiện kinh tế tồi tệ vì những biện pháp trừng phạt quốc tế đã khiến cho người Iran trở nên khốn khổ, chẳng thời gian đâu mà dành cho việc giải trí. Con người không có tiền, cũng không có thời gian đọc sách và họ tuyệt đối không tin tưởng vào những gì được xuất bản bởi sự kiểm duyệt quá đáng. Người đọc vì thế mà ít hơn và các tác giả cũng mất luôn động lực để sáng tạo. Tình trạng này đã khiến nhiều tác giả Iran từ bỏ văn bản, hay ít nhất cũng từ bỏ xuất bản, dẫn đến sự suy giảm mạnh mẽ trong tổng sản lượng tác phẩm nghệ thuật Iran. Số nhà văn, nhà báo, dịch giả, nhà xuất bản, blogger, nhà làm phim, nghệ sĩ... của Iran bị sát hại, bắt bớ, bỏ tù, cấm đoán, lưu đày... trong suốt 30 năm qua đủ để tạo nên một nỗi sợ hãi trong cộng đồng sáng tạo. Nó khiến cho bất cứ ai muốn làm việc trong lĩnh vực này cũng phải hết sức thận trọng. Tự kiểm duyệt nhanh chóng trở thành một thực tế phổ biến. Tất nhiên, nó cũng áp đặt những hạn chế nghiêm trọng đối với việc sáng tạo nghệ thuật.

Hiện nay, có khoảng gần sáu triệu người Iran sống ở nước ngoài. Phần lớn trong số họ lưu lạc tha hương sau cuộc cách mạng năm 1979 và những năm chiến tranh giữa Iran và Iraq. Sáu triệu người là một con số đủ lớn để tạo nên một quốc gia nhỏ và trong những năm đầu tiên di cư, họ đã tìm kiếm được đầu ra cho văn học. Một số nhà xuất bản tiếng Ba Tư đã xuất hiện ở Mỹ và Châu Âu nhằm công bố những tác phẩm mà họ bị cấm đoán ở Iran. Ban đầu, đây là một mô hình kinh doanh khả thi

và những người Iran lưu vong là khách hàng thường xuyên của họ. Tuy nhiên, mọi thứ không thuận lợi như đã nghĩ. Ba mươi bốn năm đã trôi qua kể từ làn sóng di cư đầu tiên. Bây giờ, những người Iran thế hệ sau 1980 hầu như không có được một vốn ngôn ngữ Ba Tư đầy đủ để có thể tiếp cận với các văn bản bằng tiếng mẹ đẻ. Họ có thể nói được tiếng Ba Tư nhưng không thật sự thông thạo, cho nên, thật khó để họ có thể thấy được hết cái đẹp và sự tinh tế trong các tác phẩm văn học. Phần lớn thế hệ trẻ của Iran tại nước ngoài trở thành những người sử dụng song ngữ và do đó, họ không còn là khách hàng của thị trường văn học Iran nữa.

Tất nhiên, không ai trong số những người di cư là trở ngại cho nền văn học đang hấp hối của Iran. Trên thực tế, Iran đã có một lịch sử đóng góp liên tục vào nền văn học thế giới. Các nhà nghiên cứu vẫn còn hứng thú vô cùng đối với các tác phẩm văn học Ba Tư cổ điển. Cuộc cách mạng hiến pháp năm 1903 đã từng đưa thơ ca Ba Tư trở lại thời hoàng kim của nó. Đây cũng là khoảng thời gian mà Iran chứng kiến sự nổi lên của một số tác giả xuất sắc, có sức thu hút mạnh mẽ như Mohammad -Ali Jamalzadeh, Sadeq Hedayat, Sadeq Choubak, Houshang Golshiri, Ebrahim Golestan, Simin Daneshvar, Ahmad Shamlou, Shahmoush Parsipour, Mahmoud Dowlatabadi,... Tuy nhiên, hầu hết họ cũng như hàng trăm người khác đã buộc phải đối mặt với những trở ngại kiểm duyệt trước khi họ tạo được cho mình một lượng người đọc lớn hơn. Hedayat tự tử tại Paris vào năm 1951, Jamalzadeh chết một mình tại Geneva vào năm 1997 và Sadeq Choubak thì qua đời ở Berkeley vào năm 1998. Ngay cả Golshiri cũng qua đời trong chờ đợi vô vọng tại Tehran vào năm 2000 mà vẫn không có được cơ hội xuất bản tác phẩm cuối cùng. Golestan thì sống lưu vong ở Anh trong suốt 40 năm, còn Ahmad Shamlou, một trong những nhà thơ đương đại nổi bật nhất của Iran thì qua đời tại Tehran vào năm 2000, để lại một nỗi tiếc nuối lớn cho những người hâm mộ. Kể từ đó, cứ đến ngày giỗ hàng năm của Ahmad Shamlou là những người hâm mộ tới viếng mộ nhà văn, và đều bị cảnh sát đàn áp dữ dội.

Thế hệ các nhà văn trẻ Iran nổi lên sau cuộc chiến tranh Iran - Iraq đã phát triển mạnh mẽ trong tám năm tại chức của Mohammad Khatami. Có thể kể đến một số tên tuổi nổi bật như Zoya Pirzad, Amir-Hossein Chehelstani, Jafar Modarres-Sadeqi, Fariba Vafi, Mohammad-Reza Kateb, Mohammad Mohammad-Ali,... Vào thời điểm này, cộng đồng xuất bản quốc tế bắt đầu chú ý tới Iran và các dòng văn học Iran. Một số tác phẩm của Iran đã được dịch ra tiếng nước ngoài và xuất bản. Sự kiểm duyệt và tự kiểm duyệt đã hình thành một phong cách mới trong các văn bản của Iran. Đó là cố gắng khám phá những vấn đề mà thế giới đang quan tâm tới ở Iran một cách kín đáo nhất. Để làm được điều này, các tác giả đã lựa chọn những ngôn ngữ khó hiểu và vì thế nó không được đánh giá cao, cũng không được người đọc hâm mộ.

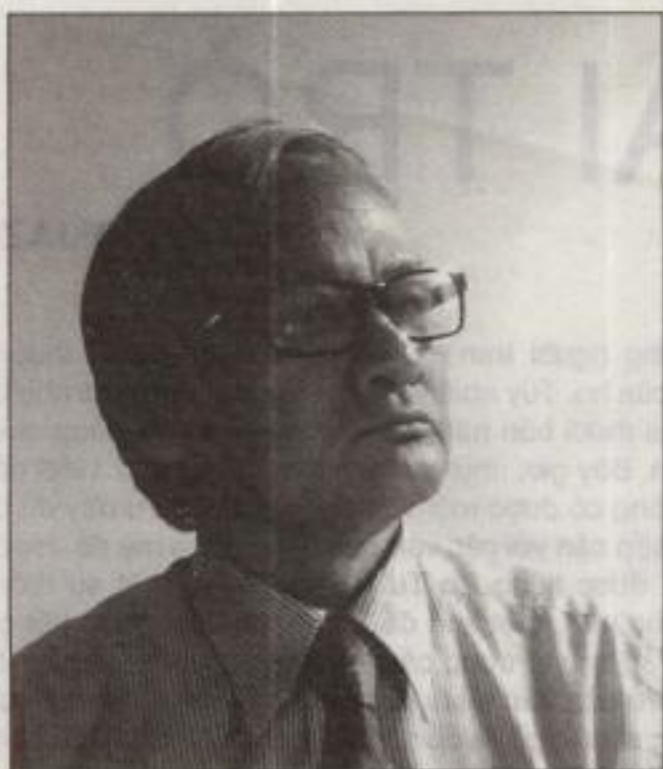
Năm 1948, Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế đã được ban hành, trong đó, các nước thành viên của Liên Hợp Quốc có nghĩa vụ phải thực hiện nghiêm túc trong đất nước của họ. Thế nhưng, điều này không hề được thực hiện ở Iran trong suốt ba mươi tư năm qua. Tất cả những nỗ lực để thuyết phục rằng hệ thống kiểm duyệt khắt khe kiểu này là bất hợp pháp đều thất bại, hình thành nên một tình trạng bế tắc hoàn toàn đối với tác giả và các nhà xuất bản. Họ cũng không có cơ hội nào để bàn luận về một giải pháp cho vấn đề, cho dù trên thực tế đã có một số giải pháp được đề nghị. Làm thế nào để Iran có thể đuổi theo kịp thế giới khi đã tự mình tạo ra một khoảng cách xa đến ba mươi bốn năm? ■

VŨ NAM

Lược dịch theo Dissidentblog.org

*Arash Hejazi là một tiểu thuyết gia người Iran sinh năm 1971 tại Tehran, đồng thời là biên tập viên của nhiều nhà xuất bản, tạp chí, trong đó có Caravan Books Publishing House (Iran), Book Fiesta Literary Magazine, TUPB, Sanat-e-Nashr.

CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI



Vũ Oanh sinh ngày 20 tháng 6 năm 1945 tại Thiên Đông, Kim Tân, Kim Thành, Hải Dương. Vào Hội năm 2005.
Tác phẩm chính: Trở lại vườn xưa (Thơ, 1996). Bến Không cùng (Thơ, 1999). Tiếng đế (Thơ, 2002). Kể nhập môn muộn mằn (Tập truyện ngắn). Nhân tài và Ngọn lửa (Tập truyện vừa 2004, tái bản 2006). Bác sĩ trưởng khoa (Tiểu thuyết, 2013).

Giải thưởng: Giải A cuộc thi truyện ngắn về đề tài "Tấm lòng người thầy thuốc" (Hội Nhà văn Hà Nội và Sở Y tế Hà Nội tổ chức 1999 - 2000). Giải Ba cuộc thi truyện ngắn viết cho thanh thiếu nhi, học sinh và sinh viên do Hội Nhà văn Việt Nam và Nhà Xuất bản Giáo dục phát động (2003 - 2004). Giải Ba cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ (2003 - 2004).

VŨ OANH - "BÁC SĨ TRƯỞNG KHOA"

QUANG KHẢI

TÔI quen biết Vũ Oanh ở trại sáng tác Đại Lải. Trước đó tôi đọc thơ ông ở Tuyển tập thơ Việt Nam 1945 - 2000: bài thơ *Người bán sách cũ*. Bài thơ có tứ gọn, chắc, tự sự, nghiêng về thân phận. Ở trại năm ấy ông sắp hoàn thành tiểu thuyết *Ngọn tre già trở hoa*, rồi để đấy, bắt tay vào khởi thảo tiểu thuyết mới - *Bác sĩ trưởng khoa*. Khi đến tuổi nghỉ hưu, ông không treo biển phòng khám tư nhân, bỏ dao mổ. Cầm bơm kim tiêm chữa trị cho người nhà, bạn bè, người thân và những ai biết tìm đến... Hơn năm năm trời hầu như ông "đóng cửa" ngôi "nhấp chuột" gõ từng trang bản thảo đang còn ngổn ngang trước mặt, đến chương cuối cùng; đọc lại bản in thử vẫn nhấp nhô không yên, lại kỳ khu ngồi chữa, sửa từng câu chữ, từng chấm phẩy và nổi máu nghề nghiệp lại *rạch cắt khâu nối* cho đứa con tinh thần của mình thêm vài tháng nữa. Để khi một nhà văn bậc đàn anh dành hẳn thời gian đọc cuốn sách mới dày dặn, lập tức gọi điện khen "*bé bộn mà hay, có tư duy tiểu thuyết...*".

Nhà văn Vũ Oanh từng là bác sĩ trưởng khoa ngoại của một bệnh viện có hạng ở Hà Nội. Cuốn tiểu thuyết *Bác sĩ trưởng khoa*, dày ngót 500 trang ông vừa mới *trình làng* đến tay người đọc giữa lúc cả nước đang bị sốc bởi vụ án *Cát Tường* và các vụ việc động trời khác trong ngành y tế. Đường như qua những tác phẩm văn xuôi, nhà văn Vũ Oanh, bằng bút pháp hiện thực nghiêm ngặt cũng đã phản ánh và dự báo được từng nấc thang xuống cấp về y đức trong cơ chế thị trường mang đậm dấu ấn giáo dục của một thời đại, đưa dẫn người đọc đến những nỗi khuất lấp ngóc ngách tâm tối sâu hút, đôi khi le lói lên được chút lương tâm nghề nghiệp của một số người được vinh danh "*Lương y như từ mẫu*". Còn những người lương thiện, đặc biệt tài năng, đức độ như bác sĩ Trần Tử Khang "*từ bấy đến giờ, mấy chục năm qua, ông gặp bao nhiêu những con người xảo quyệt, gian manh đủ loại và cũng đủ mức độ, không sao có sức mà phản kháng nữa*" (trang 469). Đó là những Bùi Cường, Lã Hồng Quân, Đinh Mãn Độ, Nguyễn Quý Thân... và cả vị đại tá viện trưởng Phạm Quang Minh khả kính. Độc giả cứ đọc sẽ rõ. Không biết có sự tương đồng nào giữa tác giả và nhân vật chính trong truyện? Chứ như Trần Tử Khang chỉ được đề bạt trưởng khoa ở gần cuối tiểu thuyết và cuối quãng đời công chức với nguyên danh

phần bác sĩ. Người ta lợi dụng bàn tay vàng của ông, kiến thức chuyên môn sâu và vững của ông, đạo đức và sự say mê nghề nghiệp của ông và cả cái đức tính "nhẫn" của ông như một "*công cụ lao động cao cấp*" để thực hiện bằng được ý chí tiến thân của họ. Nhưng rút cục cái cần thì người ta đã đạt được, còn "*người có quyền quyết định những công việc rạch cắt, khâu nối vào da thịt và phủ tạng...*" thì đành phải giao cho Trần Tử Khang.

Vũ Oanh có khả năng phân thân. Khi đang làm thiên chức của thầy thuốc, ông tự quên đi tất cả những chuyện đau buồn cá nhân và cả văn chương, tâm trí, để chỉ còn người bệnh và các thao tác nghề nghiệp. Khi viết văn ông lại chậm chạp từng chi tiết, từng tình huống, từng nhân vật, để "*những gì ta viết ra phải chân thực như cuộc sống*", khiến người đọc như bị dẫn dụ vào sâu trong không gian bệnh viện, phòng mổ với một tâm trạng phấp phồng bất an, chỉ muốn trốn chạy... Lại nữa, phân thân giỏi đến mức, cách đây gần mười năm ông xin nghỉ phép hẳn một tháng, ngôi nhà viết theo lời động viên của nhà thơ Hữu Thỉnh. Ngày ấy ông miệt mài suốt ngày đêm vừa viết *Nhân tài* vừa viết *Ngọn lửa* cùng lúc theo kiểu đổi tay. Vậy là, sự tập trung cao độ, sự tăng tốc và thăng hoa của ngòi bút đã giúp ông gạt hái thành công không ngờ ở thể truyện vừa. Nhà văn Trung Trung Đĩnh nhận xét trên báo Văn nghệ hồi ấy: "*Đây có lẽ là hai câu chuyện rùng rợn, khủng khiếp nhất của ngành y học Việt Nam hiện đại mà tôi được đọc. Kết cục là hai kẻ tử tế ở hai câu chuyện đã tự kết thúc cuộc đời mình bằng hai cách tự vẫn rất có mùi vị và màu sắc của chuyên môn*". (Và cả cái ca sau của nữ nhân vật Ngân Hà trong tiểu thuyết *Bác sĩ trưởng khoa* cũng như thế). Nhà văn Nguyễn Khắc Phê từ Huế, trong bài "*Có thật văn trong nước không đáng đọc?*" quả quyết: "*Gần đây thì có truyện Nhân tài của Vũ Oanh dữ dội và đau đớn vì sự tha hóa của con người, có khi còn hơn cả truyện ngắn Tướng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp*". (Báo Văn nghệ 23/4/2005).

Nhân tài quả là một thiên truyện vừa mà câu chuyện được kể từ một xác chết rất "*liều trai*" nhưng nó hiển nhiên là sự thật trần trụi, nghiệt ngã, bằng một bút pháp dồn nén lại có độ mở... khiến người đọc cứ bị ám ảnh và suy ngẫm mãi. Được thế, tôi ngờ rằng, ông đã phân thân thành cái xác chết ấy, từ mối tình đầu

đẹp như trong mộng nhưng đã tan vỡ thảm hại. Phải chăng có một thời ông coi như mình đã chết cùng với cái chết của mối tình đầu đắm say? Và nhân vật "nàng", người vợ của cái xác xưng "tôi" ấy, cũng không thấy tác giả gọi rõ họ tên, người đó có thể là Đặng Vũ Hoàng Anh trong tiểu thuyết *Bác sĩ trưởng khoa* chăng?

Ông cũng như tôi, đều đến với địa hạt văn chương từ trái tuyến làm "*Kể nhập môn muộn mằn*" tự mảy mò, học hỏi, tự bồi đắp như mỗi "*con sông đảm nhiệm lấy phù sa*" (Chế Lan Viên). Riêng với Vũ Oanh, ông còn có thói quen say mê đọc sách từ tấm bé, bởi ông nội là nhà Nho - nhà thuốc và người cha có nhiều sách lắm. Thêm người mẹ biết nhiều chuyện cổ, chuyện xóm chuyện làng... Cho đến bây giờ sức đọc và cách đọc của ông vẫn đắm đuối thế. Vốn là một chàng trai quê, nếu không có chiến tranh chắc ông khó có cơ hội theo đuổi ngành y, bởi từ năm 1964 nhập ngũ ông đã được lựa vào quân y để phục vụ cho chiến trường đang sôi bỏng. Mãi năm 1987 viên đại úy bác sĩ phẫu thuật này mới được xuất ngũ chuyển ngành lần hồi về Hà Nội. Nhưng cuộc đời Vũ Oanh từ tấm bé đã phải nếm trải quá nhiều biến cố đau thương: thân phụ bị giặc Pháp giết hại năm 1952, bỏ lại cha mẹ già và người vợ trẻ góa bụa với bốn chị em Vũ Oanh côi cút, rồi tiếp đến ngôi nhà gỗ gia phong cũng bị giặc Pháp đốt trụi, vườn tược tan hoang. Ông nội là một lương y tài đức nổi tiếng trong vùng, chỉ mong có ngày hòa bình lập lại, thì giảm tô và cải cách ruộng đất ập đến đầu tổ, truy bức và tịch thu gần như sạch bách. Mấy mẹ con phải đặt sang nhà ông bà ngoại nương nhờ, đến khi trở lại vườn xưa, vừa kịp dựng lại được mấy gian nhà thì ông nội qua đời. Tiếp những năm tháng trưởng thành, lại phải đối diện với nhiều trắc trở... khiến đời ông cứ ngậm ngùi buồn bã mãi, để sau này mới được trải lòng trên từng trang viết. Có lẽ vì vậy mà văn Vũ Oanh cứ lạnh lùng kể mà vẫn chứa tâm trạng. Ấp ủ thì đã lâu, nhưng bị cuốn vào vòng xoáy công việc mổ xẻ, chữa trị ở bệnh viện, mãi đến cái tuổi "*trí thiên mệnh*" ông mới thật sự cầm bút, bắt đầu bằng những sáng tác thơ... Giữa chốn văn đàn bát ngát, ông tìm đến nhà thơ Vũ Quần Phương cũng xuất thân từ một bác sĩ chính ngạch khi ấy đang kiêm Tổng biên tập tuần báo *Người Hà Nội*. Nhà thơ nổi tiếng và từng trải đã nhiệt thành đón nhận thơ Vũ Oanh và cho

đăng tải nhiều bài trên mặt báo của Hội Văn nghệ thủ đô. Khi hiểu Vũ Oanh sâu sắc, ông lại thành thật khuyên "nhà thơ trẻ" này nên dành nhiều thời gian cho văn xuôi. Oanh về hăm hở viết và đưa ông đọc giúp. Nhà thơ đích thân mang những bản thảo truyện ngắn Vũ Oanh đến trụ sở báo Văn nghệ, gặp nhà văn Nguyễn Khắc Trường. "*Anh đọc chưa? Được không?*" "*Tôi đọc rồi, được*". "*Anh Phương đã đọc thì tôi cho in ngay*". Chỉ ít ngày sau chùm truyện ngắn *Gặp lại kẻ tử thù* và *Mổ ruột thừa* của Vũ Oanh xuất hiện trên tờ Văn nghệ Trẻ. (Khi đó tuổi đời ông đã bước qua "ngưỡng đầu năm". Nghĩ lại, vui đáo để). Những người bạn, người anh mà tên tuổi họ đã lừng lững, đã trở nên gần gũi thân tình động viên, thôi thúc Vũ Oanh viết ngày đêm, gần hai mươi truyện ngắn lần lượt lên mặt báo, chủ yếu trên tờ Văn nghệ và một vài tờ báo lớn khác. Từ thơ - truyện ngắn - truyện vừa - tiểu thuyết, đường văn Vũ Oanh quả là có... lộ trình. Đường nhiên, ông thấu hiểu nghề văn vốn nhọc nhằn lại mệnh mông, luôn thiếu hụt, vụng về chỗ này, vợ với chỗ kia... Ngay như tôi là độc giả nhiệt thành của ông, tôi cũng đôi khi ở ông đôi khoảng lặng, xen kẽ một vài trang thật đậm thắm đậm chất thơ cuộc sống mát mèm... Nhưng có thể nói chắc một điều *nghề y và nghiệp văn* luôn song hành trong ông cho đến tận cuối đời. Ông tâm niệm: "*Mỗi nhà văn cần có một vùng quê riêng để sống, để viết và để chết vì nó*". Ông đã đóng góp và đạt được dấu ấn trong văn học Việt Nam đương đại về mảng đề tài ngành y, bắt đầu cây xối trên cánh đồng "mẫu lớn", cùng với đội ngũ các giáo sư, bác sĩ, thầy lang văn tận tụy với nghề và mê mải làm văn chương như các nhà văn Phan Cao Toại, Đào Ngọc Phong, Đinh Nam Khương, Hà Trung Nghĩa hay các cây bút Kiều Linh, Phạm Ngọc Liễn, Nguyễn Khắc Liễn...

Tôi chợt ngẫm nhìn lại chân dung ông bạn bác sĩ - nhà văn: đôi con mắt sắc và quyết đoán sau cặp kính trắng trên khuôn mặt phong trần, bản lĩnh; mái tóc bạc trắng gần chớm vai hơi hướng Tôn Thất Tùng - vị Giáo sư đáng kính mà một thời Vũ Oanh may mắn được về theo học ở bệnh viện của Giáo sư. Thời gian ấy tuy không dài, nhưng thật sự quan trọng trong việc hoàn thiện thêm một Vũ Oanh thầy thuốc, người có ích cho không ít người...■

TRẦN NINH HỒ

Cây và sông ngày hai mươi tuổi

Đã bao ngày tôi đi dưới hàng cây
Để tưởng tượng về em một dáng hình dịu mắt
Để tưởng tượng cùng sông soi bóng ai giầy lát
Để tin rằng rồi em sẽ qua đây!

Và em đã qua đây biến sông thành biển cả
Biển hàng cây, một khác, hòa đại ngàn
Mang cho tôi một tình yêu bất ngát
Sắc xanh rừng và xanh biển miên man

Nhưng rồi sẽ ra sao, tôi giật mình ngỡ ngác
Đến tiểu phu cũng có thể lạc rừng
Và thủy thủ chẳng dễ gì vượt thác
Tuổi - cổ - tích qua rồi. Rừng biển quá mệnh mang!

Nhưng còn em? Đùng là em đã đến
Có phải nàng tiên không? Có diệu pháp gì linh?
Nghe tôi hỏi, em chỉ cười dịu nhẹ
Tin cậy nắm tay tôi như tin cậy tay mình!

Em, hoàng hôn và ban mai

Có chút gì khẽ lướt
Trong dịu dịu chiều êm
Có chút gì như đêm
Đang rủ rê ánh sáng
Thế là chiều lặng phắc
Và nắng lịm vào đêm.

Khi mặt trời chưa lên
Sương mịt mờ bờ bến
Cây chùng đang ngủ quên
Cùng bấy chim thiêm thiếp
Ấm lành em lại đến
Cho cánh đồng ban mai.

Hình như

Hình như ánh sáng là em
Em, hình như cả bóng đêm dịu dàng
Ta cần khô hóa mơ màng
Ta bình tâm giữa gian nan cõi người
Đầu nước mắt, đầu nụ cười
Ta từng cuối đất cùng trời chia nhau

Dại gì ta đợi kiếp sau
Hình như kiếp trước tình đầu vẫn... em?



Đàn sẻ đồng

Có những ngày đồng không sao nhớ rõ
Chúng mình mười sáu hay là mười tám
Chúng mình là cây, gió trời hay là cỏ
Bùng lên cùng cửi lửa giữa cặm cặm

Bao đám sủi đã tàn khi chiều xuống
Mà ánh hồng còn ửng đỏ lòng tay
Còn lòng lạnh trong từng ánh mắt
Đàn sẻ đồng dạn dĩ chẳng hề bay

Đàn sẻ ấy không chút nào ngỡ ngác
Đầu bao ngày tôi đã đi xa
Sườn đối cổ, hàng cây, đàn sẻ đồng nơi ấy
Nhắc tôi rằng em vẫn thường qua...

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

GÓC NHÌN KHÁC VỀ MỘT TRÍ GIẢ

LÊ THỊ ĐỨC HẠNH

Như giáo sư, viện sĩ, tiến sĩ Phạm Minh Hạc thì nhà giáo nhân dân, giáo sư Nguyễn Lân là "một trong số những nhà giáo tiêu biểu nhất của nước nhà". GS. Nguyễn Lân đã vinh dự được nhận danh hiệu Nhà giáo nhân dân ngày 11-11-1988 và trên thực tế GS đã đào tạo được nhiều thế hệ học trò, có những người rất thành đạt. Giáo sư Nguyễn Lân đã đóng góp cho lĩnh vực khoa học xã hội ở nhiều phương diện: giảng dạy, viết sách về các lĩnh vực: giáo dục, lịch sử, ngôn ngữ, làm từ điển, dịch thuật v.v...

Nhưng riêng về phương diện sáng tác văn học của ông thì vẫn chưa được sự nhìn nhận, đánh giá đúng mức. Mặc dầu, ông viết được 4 cuốn tiểu thuyết (*Cậu bé nhà quê* - 1925, *Khởi hương* - 1935, *Ngược dòng* - 1936, *Hai ngã* - 1938), mà mỗi cuốn có một đặc sắc riêng, cũng như một số truyện ngắn, trong đó có mấy truyện hay.

Từ khi còn học trường Bưởi - thời thuộc Pháp - Cái thời mà tiếng Việt bị coi rẻ, Nguyễn Lân đã rất yêu tiếng mẹ đẻ, ham đọc sách báo tiếng Việt. Ông học giỏi văn, noi gương cụ đồ Cự, thầy Dương Quảng Hàm muốn sau này trở thành một nhà giáo mẫu mực. Đồng thời, ông cũng ham đọc tiểu thuyết, say mê *Tố Tâm* (của Hoàng Ngọc Phách). Rồi nhân đọc *Không gia đình* của Hektor Malot, đến tháng 5-1925, Nguyễn Lân bắt tay vào viết tiểu thuyết, năm ông mới 19 tuổi.

Do có thời gian sống ở Từ Sơn, hiểu biết thực tế vùng quê nên tiểu thuyết đầu tay của ông lấy ngay đề tài nông thôn mà nhân vật chính là một "cậu bé nhà quê", như tên truyện.

Cốt truyện *Cậu bé nhà quê* khá giản dị, diễn biến theo trình tự thời gian, nêu lên một tấm gương cần cù, tự lập, biết vượt bao sóng gió của gia đình, bản thân do xã hội gây nên để cuối cùng có cuộc sống hạnh phúc.



Cố GS-NGND Nguyễn Lân (1906-2003)

Cuối truyện, tác giả cầu nguyện cho thanh niên Việt Nam có những đức tính tốt, gây dựng nên gia đình hạnh phúc, nguồn gốc của các mối giềng trong xã hội. Truyện có nhiều điểm nổi bật. Về nội dung: vừa mang ý nghĩa giáo dục thanh niên, vừa nhấn mạnh vấn đề phải coi trọng gia đình (vì gia đình là tế bào của xã hội) và đây là cuốn tiểu thuyết giáo dục đầu tiên (trước *Lá ngọc cành vàng* của Nguyễn Công Hoan). Về hình thức: truyện viết với đề tài mới, lấy ngay trong cuộc sống đương thời (khác với truyện chương hồi cũ) và có yếu tố hư cấu, tưởng tượng, cách diễn đạt khá mới mẻ, có thể coi đây là khúc dạo đầu của tiểu thuyết hiện thực (*Tố Tâm* là khúc dạo đầu của tiểu thuyết lãng mạn). *Cậu bé nhà quê* là sáng tác đầu tay của Nguyễn Lân, lại ra đời sớm (trong thời kỳ Quốc văn còn phôi thai) nên khó tránh khỏi ít nhiều hạn chế, nhưng đây là một đóng góp

đáng kể vào một thể loại văn học mới: thể loại tiểu thuyết vào giữa năm 20 của thế kỷ XX. Được biết, để có tiền in sách, tác giả còn mượn vay tiền chị dâu và tự đem sách đi bán. *Cậu bé nhà quê* in 1000 bản và bán hết rất nhanh.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, Nguyễn Lân lại viết và cho xuất bản liên tiếp ba cuốn tiểu thuyết: *Khởi hương* (1935), *Ngược dòng* (1936), *Hai ngã* (1938) với bút danh Từ - Ngọc và một số truyện ngắn. Trong khuynh hướng khá phổ biến lúc này - nhất là tiểu thuyết Tự lực văn đoàn là đấu tranh chống lễ giáo, hủ tục phong kiến (nạn nhân thường là phụ nữ, ít sức tự vệ). Tiểu thuyết của Từ - Ngọc cũng không nằm ngoài khuynh hướng ấy (tất nhiên có một sắc thái riêng).

Ngoài ra, nhà văn Từ Ngọc cũng còn viết một số truyện ngắn chủ yếu nhằm phê phán, châm biếm những kẻ thiếu nhân cách, xấu xa, tối tệ, như nói đến những kẻ thuộc gia đình dòng dõi mà tham lam, ỉ tiện (*Ai khổ nạn?*), trí thức mà lời nói không đi đôi với việc làm (*Nói và làm*, *Khảng khái*), quan lại mà vô trách nhiệm (*Chỉ chỉ ngay đầu nọc*). Cũng có truyện nói về cuộc sống luôn luôn bị thiên tai đe dọa của người dân vùng biển (*Ngoài khơi*), có truyện thuộc loại hài hước (*Học nghề văn*), v.v... trong đó, được đánh giá cao hơn cả là *Ai khổ nạn?*

Nhìn chung, với lòng yêu nước, yêu dân tộc, yêu tiếng mẹ đẻ, yêu văn chương nước nhà, lại có một nhân sinh quan mới mẻ, tiến bộ, đặc biệt là quan tâm đến bước tiến của con người, nhất là phụ nữ, nhà văn Từ - Ngọc Nguyễn Lân đã để lại cho nền văn học Việt Nam những trang viết thật sự có giá trị cả về nội dung và nghệ thuật, tạo được những đặc sắc, những ấn tượng riêng. Nếu có phần nào chưa thật hoàn hảo, có thể do đây đó chưa được nhuần nhuyễn, tính khuynh hướng hơi quá lộ. Phải chăng, đôi khi phản ánh các vấn đề xã hội, đi vào nội tâm con người thì tư duy logic của nhà khoa học lại lấn át tư duy hình tượng của nhà văn? Mặt khác, ông cũng ít đầu tư thời gian, công sức vào sáng tác văn học.

Nhưng từ những đóng góp đáng quý có được, ông xứng đáng có một vị trí nhất định trong lịch sử văn học Việt Nam. Chúng tôi cũng rất vui mừng trước dự kiến của thành phố: đặt tên ông cho một đường phố ở thủ đô Hà Nội. Điều này càng vô cùng có ý nghĩa giữa lúc không chỉ ở thủ đô mà trên cả nước đang không thiếu những trường lớp, mà thấy không ra thấy, trò không ra trò thì việc vinh danh tên tuổi và tri ân những đóng góp của nhà giáo nhân dân, giáo sư Nguyễn Lân cho sự nghiệp giáo dục là một việc làm sáng giá, chắc chắn sẽ được công chúng đồng tình, hoan nghênh. ■

CHỊ ĐẬU

Truyện ngắn của TRỊNH THANH PHONG

VỢ chồng thằng cháu Tập phản nản với tôi: “Chú có cách nào tác động để mẹ cháu lên phố ở với cháu, chúng cháu nói thì mẹ cháu chỉ lắc đầu thôi. Để mẹ cháu ở quê vừa khổ cái Luyện em cháu mà chúng cháu tháng nào cũng đi về mấy bận, tiền lương, lại giá cả thời nay khổ cả nút, và mẹ cháu có khỏe mạnh như ngày xưa nữa đâu”. Nói rồi nó thở dài...

Nhìn nó tôi càng thấu gia cảnh nhà mình. Anh tôi nhập ngũ năm sáu mươi, năm sáu tư thì đi “B”, đi một mạch. Đến giờ vẫn chả biết xương cốt ở bụi bờ nào! Trong cái giấy báo tử chỉ ghi là đã hy sinh anh dũng ở mặt trận phía Nam. Phía Nam là cả miền Nam mệnh mông biết ở chỗ nào. Sau hòa bình nhờ cái nghề làm báo chí tôi cũng lặn lội đến nhiều nghĩa trang, nhất là nghĩa trang Trường Sơn, tôi từng dò dẫm đi hết phần mộ chí của các liệt sĩ ở khu vực Tuyên Quang nhưng tên tuổi anh thì tôi vẫn mịt mờ trong mây khói! Cái người đã về với cát bụi thì đã yên bởi nằm ở chỗ nào cũng là cát bụi nhưng cứ mỗi lần các cháu phản nản hoặc những chiều chợt nhớ tôi lại thấy ở chỗ ngực mình nhức nhối. Thương nhớ anh một phần, xót cho người đang sống trăm phần!... Quá khứ như một bộ phim cứ đêm đêm lại nhòe sáng trong đầu tôi.

Bắt đầu từ một buổi sáng mùa hạ, chị dậy sớm nấu cơm rồi gói vào cái mo cau một nắm cơm to như chú lợn con, xếp vào cái ba lô của anh. Cả nhà cơm nước xong, anh tôi khoác cái ba lô lên vai, chào cả nhà rồi cầm đầu đi ra khỏi cổng. Chị một tay cắp thằng cu Tập, một tay xách cái móm cọ toàn là bánh gai, bánh mật lếch thếch theo anh ra tận bến đò Xảo. Tôi cũng chạy theo. Bố mẹ tôi thì ngồi tựa cửa cứ kéo vạt áo lau mắt. Anh xuống đò, chị khoảng cái móm bánh lên chốc ba lô đứng bậm chân vào mé nước! Con đò khua mái sang sông, bóng anh khuất dần!... Chị cắp thằng cu Tập quay về, tôi lặng lẽ bước theo sau. Lúc ấy mặt trời đã nhòe lên khỏi chân núi Châm khoảng nửa cây sào, nắng chói chang nhưng bước sau chị tôi lại thấy con đường đầy mưa gió!

Anh đi, chị lại có bầu, năm sau sinh thêm cháu gái đặt tên là cái Luyện. Cả nhà vui như có hội. Bố mẹ tôi vừa khóc vừa cười như để an ủi mình và an ủi chị: Thôi! Nhờ giới bố nó đi chả biết bao giờ về nhưng nhà cũng đủ tề đủ nếp. Chỉ thương con bé chả được nom mặt bố lúc đẻ ra!... Ai biết lời ca cẩm của bố mẹ tôi lại là định mệnh của mẹ con chị!...

Con bé được một tuổi thì chiến tranh xảy ra khắp cả hai miền. Người Mỹ bắt đầu dùng không quân bắn phá dữ dội ra khắp miền Bắc. Làng xã phải đưa người già con trẻ vào rừng. Chị cũng làm được căn lán ở chỗ Cầu Móc gần cái hang đá sâu. Thằng cu Tập và cái Luyện theo ông bà vào đấy ở để lánh tàu bay Mỹ. Chị ở lại bám ruộng, bám nhà. Tàu bay Mỹ mỗi ngày một đông hơn, đánh phá ban ngày không đã chúng còn bắn phá thả bom cả ban đêm. Công việc đồng áng càng khó nhọc. Thương phải đi làm từ nửa đêm gà gáy. Là lao động chính trong nhà, chị vừa phải đảm nhiệm công việc ở ngoài đồng để có đủ công điểm đến mùa có hạt lúa, củ khoai nuôi cả nhà vừa phải chăm bẵm con cái. Ngày ấy con bé Luyện lại mắc chứng bệnh sài chèo nó cứ khóc như xé vải suốt cả ngày đêm. Đánh vật với nó, bố mẹ tôi cũng lặn ra ốm. Thế là gánh nặng lại đổ dồn lên vai chị. Vừa chăm lo con vừa phải chạy chữa thuốc men cho bố mẹ nhưng việc đồng áng chị không bỏ buổi nào. Nhiều đêm chị còn phải đu con bé Luyện trên lưng để đi cấy hết vài bung mạ khoán, cấy xong về nhà lại đổ lúa vào cối xay giã, sáng mờ lại bếp núc cơm cháo cho cả nhà ăn. Thấy chị vất vả nhưng cũng phải giữ sức, ốm ra đấy lại khổ hai đứa trẻ!... Chị chỉ biết vâng dạ để đấy, công việc cứ cuốn chị đi. Có lẽ chị cũng muốn mượn công việc để lòng dạ vợ bớt nỗi nhớ mong anh. Nhiều bận vào lúc xế chiều tôi cùng đám mục đồng đang lặn ngụp ở bến Đá, thấy chị quẩy thùng ra gánh nước. Gánh nước trĩu trên vai rồi, chị vẫn ngoái nhìn dòng nước. Sợ chị ngã tôi vội gào lên. Chị chỉ cười bảo: - Chú đừng sợ, tôi

nhìn đàn cá thồn bơn nó bơi ngược đẹp quá!... nói rồi chị lại cúi cúi quẩy gánh ngược bến. Mãi sau này lớn lên tôi mới vỡ lẽ chỗ bến nước là nơi anh chị thường hò hẹn gặp nhau lúc trăng lên và mặt sông đầy gió!

Mỗi tình của anh chị vừa dân dã cổ cây vừa lãng mạn diệu kỳ. Nó có sức bật bay qua bức rào cũ kỹ của làng xã trong cái vòng cổ kính thuở bấy giờ: “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Chả là lúc hai người phải mặt nhau bố mẹ tôi có nhiều e ngại vì chị là con nhà khá giả, được chiều chuộng từ tấm bé, lại hơn anh tôi ba tuổi. Còn anh tôi lại để ra trong thiếu từng nhọc nhằn. Nhiều lần mẹ tôi an ủi: “Nhà ta khó, mày lấy nó về có hầu được cả đời không? Thích hay vợ đẹp thì ươn việc làm con ạ. Không nghe lời bố mẹ nó như con cả ươn không ăn muối rồi đến lúc khổ đừng kêu!...” Anh tôi ngồi thử không trả lời. Đêm đêm anh vẫn lên đi. Có bận anh vừa đi khỏi bố tôi vác gậy theo sau. Ra đến chỗ bến Đá thấy hai đứa như đôi chim đậu trên mỏm đá chỗ hòn đá nhòai ra dòng chảy cứ gù vào nhau, bố tôi đành vút cái gậy quay về. Mùa thu năm ấy thì anh chị cưới nhau. Giờ chị là lao động chính trong nhà, cái định kiến ấy của bố mẹ tôi nhòa đi và càng quý mến chị.

Tôi được nuôi ăn học rồi thoát ly, có lẽ cũng từ hoàn cảnh gia đình hay vì số kiếp tôi về quê lấy vợ cũng từ một suy tính nhà chỉ có hai anh em gái và một cô em gái. Lấy vợ ở quê để đỡ đần chị lúc bố mẹ già cả. Tôi không tính được cái nhẽ đời, anh em kiến giả nhất phận. Khi vợ chồng tôi hạnh phúc thì chị như bị thừa ra, cái thừa ra tự nhiên nó thế. Tình cảnh ấy tôi đành xin bố mẹ đưa vợ cùng đi thoát ly để lại ngôi nhà và bố mẹ cho chị trông nom. Bố mẹ tôi đồng ý, chị em tuy phải xa nhau nhưng vẫn giữ được cái tình như cái nôi ở trong cái rế!

Chiến sự trên hai miền thì mỗi ngày một gay go, ác liệt. Tin tức về anh tôi cứ như cái bong bóng chợt phồng chợt mất. Có người bảo anh bị sốt rét chết treo trên vông giữa rừng, đến khi đơn vị tìm thấy thì chỉ còn có bộ xương trong veo trong lòng cái vông, có người lại bảo anh làm to đến chức trung đoàn trưởng, có người thì phao anh bị địch bắt, chúng chặt từng ngón tay, ngón chân anh rồi nhốt vào xà lim ở mãi tận ngoài Côn Đảo!... Tin tức cứ phập phồng lẩn về gia quyến. Bố mẹ tôi nghĩ ngợi cứ chiều đến là hai ông bà ngồi tựa cửa nhìn ra khóm, mẹ con chị cũng ôm nhau khóc theo. Thấy anh bộ đội nào về bố tôi và chị cũng lặn đến hỏi thăm, có bận hai bố con dắt nhau sang tận Cây Hồng, về tận Hạc Trì để hỏi tìm tin tức anh tôi qua những người lính bị thương trở về nhưng đều gặp cảnh mò kim đáy bể. Chị phải gồng mình lên để nuôi con và chăm nom bố mẹ già. Nhưng lạ không biết từ nguồn lực thần bí nào mà vất vả thế chị tôi không bị hao gầy mà cứ trẻ đẹp phẩy phẩy. Những đường nét thời son trẻ hẳn hiện nét nào ra nét ấy! Nhiều bận tôi về thấy gà gáy canh hai chị đã dậy đổ lúa vào xay! Lòng dạ tôi tự nhiên cũng bồi bồi nổi nhớ anh vô bờ và càng xót xa cho chị! Lại có bận trở trêu, vào những chiều tà chị quẩy gánh ra sông lấy nước, vừa thả thùng xuống nước thì thấy kẻ sở khanh tổng ngồng từ bến đá xuống sông cứ bơi thẳng đến mỏm đá chỗ chị đang kéo nước. Chị đành đổ cả thùng nước vào mặt hắt rồi quay đi. Thằng sở khanh then thò đánh lặn biển ra tận dòng nước hai mới dám nhô đầu lên. Chị lại lặng lẽ quẩy nước ngược bến về nhà!

Ngày anh tôi có giấy báo tử, xã làm nghi lễ ngay tại nhà, bố mẹ, anh em nội ngoại nhà tôi và cả bà con lối xóm ai cũng nức nở, ngôi nhà tưởng như có cơn mưa nước mắt! Ấy thế mà chị tôi vẫn đứng lặng, hai mắt ráo hoảnh! Chị đứng như tượng đá, lúc này tôi mới càng tỏ chị đã không còn nước mắt nữa! Chị đã khóc anh, khóc nhiều đêm rồi! Lòng chị chỉ có chị mới biết. Chị như tượng đá trước đám người đầm đìa nước mắt. Nhìn chị tôi giật mình như gặp nàng Tô Thị ở đâu lại lạc đến giữa nhà mình! Từ ấy chị lặng lẽ sống nuôi con và chăm bố mẹ chồng. Khi bố mẹ tôi đến coi các cụ lần lượt đất tay nhau về Tây Trúc, các cháu của tôi (thằng Tập và cái Luyện) cũng trưởng thành. Thằng Tập đi học ngành cơ

khí rồi về phụ trách máy xát của một cửa hàng gạo cấp tỉnh rồi gây dựng gia đình ở liễn trên phố. Cái Luyện đi học ngành kế toán, thương mẹ nó xin về làm kế toán cho một trường phổ thông trung học cơ sở ngay làng xã. Chị mừng và thấy mình đã hoàn thành bổn phận với anh, với ông bà tổ tiên. Chị yên bề ở vậy trong ngôi nhà này như thế. Cứ ngỡ ông trời và anh tôi phù hộ cho những số kiếp ở hiền gặp lành. Ai ngờ đời người lắm đoạn, lắm khúc. Vợ chồng thằng Tập đang làm ăn yên ổn thì cơ chế đổi thay, cái cửa hàng gạo to vậy mà cứ teo tóp dần. Cái máy xát nó từng gần bó chóc thành đồng sắt gỉ. Người người cùng nhau vỡ ra đường, ra chợ. Vợ chồng nó cũng đành nổi bước theo. Thằng Tập bám chiếc xe khách của anh bạn làm tay lơ xe, khổ nó lại là đứa hiền lành, dễ thương người. Gặp khách khó khăn khổ sở nó thường lắc đầu miễn phí, anh bạn dù quý nó thật nhưng vì cơ chế làm ăn nên đành phải chào thua! Vợ chồng nó về bày cái quán lảnh phành mấy cái nôi, mấy cái xe đạp, lải chả thấy đâu nhưng lỗ thâm vào thì cứ mỗi ngày một to, nó bỏ cái quán xoay sang nấu rượu nuôi lợn, lợn lại dịch thế là túng thiếu, túng thiếu thì vợ chồng sinh lực đục. Chị lại phải lặn lội bầm mả sào ruộng khoán dè xén tiền gạo gửi cho vợ chồng nó thêm vào để nuôi cháu. Cái Luyện đi lấy chồng, số kiếp thế nào lại làm lẽ, làm lẽ. Anh chàng rề lại một nách ba đứa con riêng cùng lếch thếch dắt nhau về ở rề nhà chị, đồng lương ít ỏi của cái Luyện chả thấm gì với năm sáu cái miệng. Những nhọc nhằn lại đè lên đôi vai gầy của chị. Thấy chị vất vả nhiều người cảm thương bảo: Bà khổ thế là đủ rồi, lên phố tỉnh mà thu vén cho vợ chồng thằng Tập chứ thóc đâu mà nuôi mãi đám gà rừng!... Chị chỉ biết kéo vạt áo lau mặt, nghe mà bỏ ngoài tai! Đêm đêm chị lại thấp hương lên bàn thờ anh. Chị chỉ một lời cầu nguyện anh sống khôn chết thiêng thì về phù hộ cho con cái. Đêm nào chị cũng thấp hương kêu anh! Không biết có phải anh thấu lòng chị hay do cái lý dòng sông có khúc, đời người có lúc. Đùng một cái vợ chồng thằng Tập được một ông giám đốc xí nghiệp mỏ Parit cứu mang nhận vào làm. Có chỗ làm ăn yên ổn, vợ chồng nó bán bỏ cái quán, vay mượn thêm bạn bè cũng xây được ngôi nhà ngay mặt con đường lộ chạy từ Thành Tuyên sang Tân Trào. Giới lại phù hộ vợ chồng nó để thêm được thằng con giai sau mười bảy năm cái khó bất tự làm kế hoạch. Con cháu lớn thì đậu đại học cùng năm đó. Tin ấy như một liều thần dược làm chị khỏe ra, trẻ ra. Chị để cửa nhà cho con gái, lên phố với vợ chồng thằng Tập vừa đặn thằng cháu giai đích tôn đầy tháng chị lại về quê. Vợ chồng thằng Tập đủ lời ngọt nhạt chỉ một mực: Thương nhớ con cháu lắm nhưng mẹ không bỏ quê được! Các con bảo nhau làm ăn, lúc nào nhớ cháu mẹ lại ra. Chị về quê ở, năm đôi bận cái tay nải vài cân gạo nếp, mấy ổ trứng gà ra thăm cháu. Nhưng con người ta sinh ra ở trên đời là cả một quá trình đấu tranh giành giật với sự sống. Sinh lão bệnh tử là việc không thể tránh. Bước sang cái tuổi bảy mươi, sức khỏe chị suy sụp hẳn nhưng vốn đề ra chị đã là người làm lung, dù ốm đau bệnh tật chị vẫn bầm mả sào ruộng để có hạt gạo khi mùa về. Chút ít tiền lương tài trợ từ xương máu của anh chị giữ để đấy. Một phần phòng lúc ốm đau, một phần để khi có đủ chị tu sửa lại ngôi nhà cho thật tươi tắn để lúc nhắm mắt vẫn có cái chỗ cho con cháu về hương khói. Ý niệm chị thế là thế. Khó đổi thay và cũng khó ai lay chuyển được. Nhưng tuổi tác làm sao cưỡng lại được bệnh tật, một đêm cuối thu, tự nhiên chị không ngủ được, khắp người đau ê ẩm. Sáng dậy vẫn quen nếp nhà, chị dò dẫm ra giếng kéo nước, tự nhiên mười đầu ngón tay cứ co quắp không làm sao nắm được vào sợi dây, chị lả xuống nền giếng lịm đi. Vợ chồng cái Luyện và dân xóm vội khiêng cáng đưa chị đi bệnh viện. Bác sĩ bảo chị mắc bệnh loãng xương, phải đưa đi bệnh viện tỉnh. Ba tháng nằm ở bệnh viện tỉnh, bệnh chị tuy không cắt nhưng có chiều giảm đỡ hơn. Nhân cơ đó vợ chồng thằng Tập an ủi chị để nhà cửa dưới quê cho vợ chồng cái Luyện, ở lại với vợ chồng nó.



Minh họa của ĐỖ DŨNG

Chị không ưng nhưng vì bệnh tật nên đành chấp nhận.

Chị ở với vợ chồng thằng Tập, cuộc sống ngoài phố tuy không phải làm gì nhưng nó gò bó làm chị thấy khổ sở, có hai đứa cháu đích tôn thì một đứa đi học xa, một đứa đi nhà trẻ, vợ chồng nó làm lụng tối ngày mới về, một mình chị cứ ngồi trong nhà nhìn ra đường. Thế là nỗi nhớ quê càng với vợi. Chị nằng nặc đòi về. Vợ chồng thằng Tập đành bó tay.

Chị về quê, căn nhà xưa vốn ngăn nắp gọn gàng bây giờ nhếch nhếch, cái bếp tênh toang bốn bề gió thổi. Mấy đứa cháu con riêng của chồng cái Luyện lớn bổng nhưng cũng chẳng chịu làm lụng gì, tất cả đều nom vào đồng lương của mẹ kế. Thương con gái, có ít tiền dành dụm được chị lại lờ ra để thưng lại cái bếp lấy chỗ nấu nướng và bày việc cho đám trẻ đứa lớn làm việc lớn, đứa bé làm việc bé để có thêm chút thu nhập nhưng chúng biếng lười làm lại gần cổ cũi. Bực mình nhưng chị vẫn phải cam lòng. Cái nghèo túng ở cùng con người thường sinh lắm chuyện, thằng chồng cái Luyện tự nhiên đốc chứng, mấy bố con cùng hòa với nhau gây hết chuyện này sự khác. Gây chán rồi bỏ nhà đi biệt cả ngày, đêm về lại dựng vợ dấy cử hùng hục suốt đêm. Nhiều lần chị khuyên giải nhưng nó cứ lờ đi. Có bận anh ta còn vằn mắt quát lại chị: - Vợ tôi, tôi phải dùng, bà đứng ngăn cấm sự sung sướng của chúng tôi. Tôi phải để con với cái Luyện... Máu chị dồn lên đỉnh đầu nhưng chị đành ngậm tâm. Thế là từ ấy chị bắt cái Luyện ngủ cùng với chị. Nhiều đêm đi về thấy hai mẹ con nằm ngủ, nó lật cái Luyện dậy, chị thấp đèn sáng bùng ba gian nhà. Đang cơn cuồng nhiệt nó chỉ tay vào mặt chị rồi nói trống không:

- Đồ đê tiện... Máu lại dồn lên đỉnh đầu chị nhưng chị vẫn cười nửa miệng và ngọt nhạt bảo:

- Tôi có cấm cái gì nhưng vợ chồng cũng phải biết điều độ, biết giữ gìn sức khỏe cho nhau để làm ra của cải nuôi mấy đứa trẻ, bây giờ có thêm đứa con nữa anh chị lấy gì cho chúng nó ăn, nó học. Con gái tôi nó còn chả đòi hỏi gì thế mà anh còn!.. Chị lại kéo cái Luyện nằm xuống bên chị. Nhiều lần như vậy thế là chàng rể chán và tự động cha-con dặt nhau đi.

Hai mẹ con đàn bà lại lăm lăm sống với nhau. Tuổi tác chị mỗi ngày một nhiều, bệnh tật mỗi ngày thêm chứng, cái Luyện một bên là mẹ, một bên là chồng, nó đánh chị ư ư. Giải quyết tình cảnh đó và cũng để giải phóng cho em, vợ chồng thằng Tập đã nhiều lần ní non đón chị ra phố ở cùng để một phần thuận cái việc thuốc thang cho chị, một phần để vợ chồng cái Luyện có điều kiện nổi lại tình cảm để cửa nhà, anh em trọn vẹn đôi bề cho dù phải vất vả. Nhưng cứ mỗi lần hé ra chuyện chị chỉ lắc đầu. Vợ chồng thằng Tập đành mang chuyện ta thán với tôi. Nghe chuyện nhiều khi bực mình tôi phát bần: - Giời chả chịu đất, đất phải chịu giời, cứ kệ bà ấy!... Nói là nói vậy chứ cái tình chị em ai nỡ được. Toan tính đủ các bài bản trong đầu, tôi lặn lội về quê với mục đích để chị vui lòng ra phố ở với vợ chồng thằng Tập.

Vừa nhô đầu vào cái ngõ quen thuộc đã nghe tiếng chị sang sang:

- Chú về à? - Tôi hất cái kính mũ bảo hiểm. Chị ngồi kia, ngay dưới thềm hè chỗ tiếp giáp giữa mái gianh của ngôi nhà ba gian với cái bếp. Nhìn chị khô héo giống như tàu lá sắp rơi khỏi cành thế là những ý nghĩ đã cân nhắc kỹ trong đầu tôi bị xóa nhòa. Tôi lẳng lặng kéo cái ghế ngồi xuống cạnh chị. Gió nồm từ bến Măng hây hây thổi vào. Chị bảo:

- Ngồi chỗ này còn mát hơn ngồi dưới cái quạt trần, gió trời mà chú.

- Vâng, cũng lâu lắm rồi em mới lại được hưởng cái mát mẻ dưới hiên nhà!..

- Lúc nào thấy trong các khớp xương đau buốt tôi lại lẩn ra đây ngồi chú ạ. Ngồi đây tự nhiên thấy nó đỡ, chả biết do gió trời hay là nhà tôi về xoa bóp cho! Vừa nói chị vừa co hai bàn tay đặt lên thành cái ghế. Tôi khẽ nâng bàn tay chị lại gần. Chao ôi! mười đầu ngón tay chị co quắp như những cái còng của đã bị hơ lửa! Nước mắt tôi tự nhiên trào ra, chỗ lỏng ngực thắt lại. Tôi cứ nâng bàn tay chị ngồi lặng mà không ngờ rằng chính đôi bàn tay này đã một thời từng nâng niu cho những nhánh khoai, khóm lúa giữa đồng đất quê nhà chói chang nắng lửa và cũng chính đôi bàn tay này đã khâu lành những mụn và trên vai áo tôi những ngày mẹ đã đi xa! Và tiếng còi xay lúa ù ù vang lên lúc canh khuya gà gáy cùng với vóc dáng chị liêu xiêu dưới nắng chiều điệu cái Luyện theo bố tôi đi khắp nơi khi thấy có anh bộ đội ở mặt trận về để dò tin tức chồng mình!... Bây giờ chị ngồi đây, vịn bàn tay lên thành ghế dưới hiên nhà nơi anh chị từng hạnh phúc và cũng là nơi anh khoác ba lô bước ra khỏi cửa không dám ngoái nhìn mẹ con chị! Dữ dội hơn là hình ảnh chị như dáng nàng Tô Thị giữa đám người vòng trong, vòng ngoài đầm đìa nước mắt ngày bão tử anh tôi!..

Đừng bắt chị đi đâu, đừng đụng đến chỗ với với nơi lòng chị! Tôi tự nói với mình và lại khẽ nâng đôi bàn tay chị lên! Chị nhỏ nhẹ nói từng câu nhát gừng: - Cái bệnh loãng xương nó cực thế chú ạ! Ăn thì vẫn ăn được nhưng chả mó được việc gì. Tất cả đổ lên đầu con bé Luyện! Cực, con bé khổ từ trong bụng mẹ, đẻ ra thì không được nom thấy mặt bố! Nhiều lúc nó đứng một mình ngắm ảnh bố, tôi chỉ muốn chết đi!... - Chị thở dài.

- Thế, thế... tôi ngong nghịu định hỏi thêm chị về việc vợ chồng nó. Chị đổi giọng sang sang:

- Chú với vợ chồng thằng Tập ở xa chắc chỉ nghe người ta nói. Người ta bảo tôi đê tiện, tôi ác! Nào có ác đê gì đâu! Con tôi người tốt một, tôi tốt mười chứ! Hoàn cảnh thì chú biết rồi, Chị em ngồi đây nhắc lại càng thêm não ruột! Chị thở dài, những ngón tay cong queo như những cái còng của bị nướng cứ chìa ra trước mặt. Nhìn chị tự tôi thấy mình có lỗi vì vô tình lại khuấy ra những rối bời bấy nay chị đã gói kỹ trong lòng! Tôi vội xoa dịu:

- Thôi, mọi việc đã rồi, mình chịu đựng vậy!

- Thì chú bảo chả chịu thì làm thế nào được, đời tôi đến lúc ra ngủ ở góc cái đám mạ ngoài gò mít kia vẫn còn phải chịu đựng chú ạ. Nhiều đêm nằm ngẫm việc chồng con Luyện nó bỏ đi cũng là cái lẽ giời, giời cớ trời cho nó đấy! Giả mà vợ chồng nó ở với nhau, cố sinh nở được đứa con mà lại là con gái thì cái khổ lại truyền kiếp!... Chú hiểu cho tôi!... Chị lại chép miệng rồi đổ giọng nhát gừng: Bây giờ còn hai mẹ con đàn bà ở với nhau, mọi việc đều do con bé Luyện liệu cả. Tôi tay chân không khéo thế này cố ngoắc cái thìa tự múc ăn cũng là phúc rồi. May mấy năm trước còn khỏe mẹ con cũng rọ rọ sửa lại được cái nóc nhà, chính phủ lại hỗ trợ cho ba mươi triệu đồng làm thêm được cái bếp xây cấp bốn. Ngôi nhà bền chắc lại rồi, tôi có chết thì vẫn có chỗ cho cái Luyện ở. Ngôi nhà này dù sao cũng là của ông bà để lại cho vợ chồng tôi, anh em nó đều sinh ra, lớn lên ở đây. Bố chúng nó cũng ra đi từ đây và người ta cũng truy điệu anh ấy ở đây. Tôi đi đâu được!..

- Vâng! Em hiểu rồi, tôi vừa nói vừa khẽ nâng hai bàn tay cong queo như những chiếc còng của bị hơ lửa của chị lên thành ghế và xin phép chị đặt gói quà lên bàn thờ. Chị khẽ gạt đầu bảo:

- Ừ, chú có gì cứ đặt cả lên án rồi thức các cụ dậy và kêu anh về! Ngày rằm, mừng một tôi vẫn hương khói đều đặn thế. Có thờ có thiêng, và cũng là tấm lòng của con cháu nhớ đến các cụ chú ạ! Giọng chị như nghẹn lại. Tôi lẳng lặng đặt gói quà lên án thờ, thấp nhang cúi đầu vái ba lễ. Hương khói như vọng về giọng nói ân cần của ông bà tổ tiên: "Các con ăn đầu, làm đầu hàng năm cũng phải nhớ về quê cha đất tổ, còn chị mày đấy! Có vậy con cháu chúng nó mới giữ được cái gốc của mình, biết tựa vào nhau để sống trọn phận tử bết!..." Tôi vái thêm ba lễ nữa rồi bước lùi ra khỏi gian thờ. Lúc này cháu Luyện cũng đi làm về. Chú cháu sửa soạn nấu ăn bữa tối. Chị ngồi tựa ghế nhìn rồi bảo:

- Thịnh thoảng chú cũng phải dắt con cháu về cho chị mừng, cứ có những phút như thế này chị khỏe ra đấy, chả thuốc nào bằng đầu chú ạ!..

- Vâng, em nhớ rồi ạ. Trong mắt tôi tự nhiên có cái gì cay cay, tôi kéo vạt áo quyết ngang và tự nhận ra việc mình nghe thằng cháu Tập về bàn cách đưa chị ra phố ở với vợ chồng nó là không phải lẽ! Tôi tự trách mình và thầm biết ơn chị. Có lẽ chỉ có chị mới là người làm nên cơ nghiệp nhà này và cũng chỉ có chị mới là người tạo giữ được cho chúng tôi sự êm ấm, ấm cúng muôn thuở của quê hương đầu trong căn nhà này không có máy điều hòa, không có máy hút bụi như nơi tôi đang ở. Nhận ra cái lẽ giản đơn mà sâu xa ấy từ nơi lòng chị, tôi về cứ ngẩn ngơ mãi rồi cầm bút viết cái truyện này. Khổ, đang viết thì nhận được điện của thằng cháu Tập: Chú đi! Mẹ cháu mất rồi, lúc!... Tôi buông bút, nước mắt trào tràn ướt nhoe trang giấy. Thôi! Biết làm nào được! Kiếp người ta như cây cỏ vậy!..

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

NHỮNG NGÀY TRỞ VỀ THẾ PHẬN

TRẦN QUANG QUÝ

Dòng sông, cánh đồng, lũy tre xanh, củ sắn, xôi vò, đá trống, đá chiêng, bến Gành, bãi sỏi, sông Thao, rặng vải, ngọn gạo, cất chũm, bụi dùm, tu hú kêu, làng cười, kể cả "Chi bộ xóm tôi" v.v... hàng loạt thi ảnh thân thuộc, ngôn từ đậm dấu ấn thổ ngữ vùng trung du Phú Thọ, chưa kể hàng loạt tên bài thơ có địa danh - không chỉ bày lộ gốc gác chính hiệu nông thôn, thấm đẫm hồn quê Nguyễn Hưng Hải, mà còn khẳng định mối quan tâm sâu sắc nhất trong thơ ông.

ĐỌC 3 tập thơ tiêu biểu trong 5 các tập thơ của Nguyễn Hưng Hải: Ban mai chóng mặt" (Hội VHNT Vĩnh Phú, 1990), "Viết cho con gái" (Nxb. QĐND, 2006), "Chiều mưa hai đứa đợi tàu" (Nxb. QĐND, 2013), gồm những sáng tác trong khoảng hơn 30 năm, không khó để nhận ra mạch thơ chủ đạo, để lại dấu ấn sâu đậm nhất của Nguyễn Hưng Hải vẫn là những ám ảnh, day trở, suy tư về thế phận người, về những giá trị của đời sống, đặc biệt là trong thơ viết về quê hương, gia đình, những người thân ở vùng trung du thăm thẳm nỗi đời.

"Ban mai chóng mặt", gồm những sáng tác đầu tiên, có thể coi là giai đoạn mà hồn thơ Nguyễn Hưng Hải còn trẻ trung, trong sáng, hòa cùng điệu chính trữ tình lãng mạn của thơ Việt, đã có những bài thơ nhiều suy tư, lật soi những giá trị của một thời với rất nhiều câu nghi vấn, giả định, chất vấn nội tâm, trở thành mạch quen trong lập ý, lập tứ của thơ ông về sau này: "Vẫn là quả thị ngày xưa/mà cô Tấm của bây giờ ở đâu/nếu không có cô Thị Mầu/tôi tin chú Tiểu ăn trầu chẳng cay.../cái còn lại bị đánh đau/cái bỏ đi được bắc cầu cho lên" (Giá trị của một thời). Cái bỏ đi, tức cái lạc hậu lỗi thời, cái khiếm khuyết, cái xấu... lại được bắc cầu, nâng đỡ, là bụi chỉ bùng những, phải sinh từ những chuyện "đi đêm" cánh hẩu và lợi ích nhóm. Con mắt Nguyễn Hưng Hải nhìn lại những giá trị là thế.

Nhưng trước hết là Nguyễn Hưng Hải của vùng đất mà ông thuộc về: "Nếu có về nhớ gọi những hững hờ/bến đã rủ con thuyền lên bãi sỏi/sông Thao chảy quãng này như lăm lăm/một đôi cất chũm ngô không trăng...". Ngay cả lúc ấy, ông cũng không phải là con người hạnh phúc thăng hoa, bởi đâu đó lại văng lên nghi ngại: "Bao mất còn, thật giả ở trong nhau/thương mến nhất là quãng đời đi học/con đường đất không mưa mà vẫn trượt/sắn và người ngã cạn mấy nghìn năm" (Tam Nông). Sắn và người ngã cạn, một cách nói lạ, có vẻ hơi ngoa ngôn, nhưng ta có thể cảm được.

Ở đó, cái vùng đất, nơi tuổi thơ men gốc rạ, thời chiến tranh "chiếc mũ rơm bên cả cánh đồng", những trang sách cháy, hình ảnh trung tâm là người mẹ - đại diện cho thân phận người phụ nữ nông thôn thời cực nhọc, cơ hàn dai dẳng: "Ngày cùng tháng tận bao năm/còn lo manh áo, cái ăn quần vớ/bao người như mẹ ở quê/chiều ba mươi tết nón mẹ ra đồng.../cá đời củi mặt chưa xong/mẹ đi lui đến lưng còng còn lui..." (Chiều ba mươi tết). Chiều ba mươi tết. Mẹ vẫn nón mẹ ra đồng. Cảm cảnh nhường nào.

Trở thành người cha, một ngày nhìn tổ ong Bò Vẽ tách đàn, chỉ còn sáp rỗng, mà chạnh lòng nhớ cái cấu trúc tổ ấm tình thương, bỗng xa vắng: "Ta đứng nhìn Bò Vẽ nhớ quê/nhớ những đứa em ta trong mái nhà lợp cỏ/ngày chúng ta lấy vợ lấy chồng cũng như ong vỡ tổ/chẳng mấy khi còn có dịp cùng nhau/ăn một bữa cơm với mẹ cha dưới bếp" (Trước tổ ong Bò Vẽ). Cảm hứng suy tư trống trải. Ông chia đàn tách tổ là quy luật tự nhiên, cũng như con người, sẽ đến lúc anh em mỗi người một phận. Mà sao buồn.

Dường như bất kỳ một hiện tượng đời sống, một mối quan hệ nào cũng có thể làm cho Nguyễn Hưng Hải "động lòng trắc

ấn". Đến nỗi ông thường phân tâm hay lưỡng lự, muốn thế này lại e thế kia: "Tháng ngày trong nỗi mung lung/muốn mong con lớn lại mong từ từ". Trong một "Chiều mưa hai đứa đợi tàu" cũng: "Sao em cứ nghĩ mung lung/Muốn tàu đến sớm lại mong muộn tàu". Trạng thái dửng dưng, có thể làm lỡ cả chuyến tàu cuộc đời của thi sĩ đa cảm, đa mang.

Sự mẫn cảm cột Nguyễn Hưng Hải vào những hoài nghi ở mọi hiện tượng, các mối quan hệ, cho đến cả thần thánh,... Đó là cái nhìn sâu soi, lật lại những giá trị, tưởng như không có vùng cấm nào. ấy là cách tư duy khám phá, trải nghiệm: "Vào chùa mới biết sân chùa lắm rêu" (Đêm Thị Mầu). Không nề hà hỏi cả tượng người về sĩ đứng canh đền: "Lúc trao gương Vua đã nói câu gì/người đang đứng ở đâu trong đôi khát/sao về sĩ ngàn năm không đổi gác/nét mặt nhìn không một chút ưu tư".

Nguyễn Hưng Hải riết róng với những mối quan tâm, những câu hỏi về thật giả, và tự đáy ái tình thần mình - một tâm thế luôn bất bình với những ngang trái thói đời. "Chất xám của làng có mặt khắp muôn nơi/nhưng chất xám không về/những mảnh vườn tạp mãi.../Làng có những đứa con thiết kế trăm cây cầu hiện đại bắc qua sông/không làm nổi cái cầu ao cho mẹ/không biết lối ra đồng bao sắp té..." (Trí thức làng). "Chi bộ xóm tôi" bày một thực tế bi hài rất phổ biến trong nông thôn: "Chi bộ xóm toàn anh em, chủ bác/để cho qua nguyên tắc, để xuôi chiều/cuộc họp nào cũng kiểm điểm, cũng nêu/sao chưa hết đời nghèo, con thất học/Tuổi thơ tôi dưới bóng tre còi cọc/nấp sau nhà nghe họp cứ buồn theo.../Tranh nhau nói mà không ai chịu hiểu/chỉ bộ xóm họp trong hơi men rượu/nói đầu toàn chuyện ở trên trời/trong mái nhà lợp cỏ có cha tôi/lung chạy chỗ vì mưa rơi ướt mặt/chân lấm đất mà lơ mơ về đất/cây con gì ai nói

cũng chung chung/nghe quyết được mùa mà đồng trắng, nước trong...". Nếu không có thuốc chữa cho căn bệnh ấy, nghèo đói và lạc hậu sẽ còn "chuyên nghiệp" trong xã hội quê làng đến bao giờ.

Có lẽ rất may còn có những "Làng cười". "Cười cho tạnh nỗi lo toan sùng nước/cười cho hết những cơn mưa trọc đầu/cười cho mèm sỏi đá để trồng hoa/cười cho đầy trống vắng những ngày qua.../những câu chuyện nuôi cả thời ta sống/khuếch khoác cả làng mà không ai lừa nhau" (Làng cười). Câu chuyện ở đây có lẽ là của làng cười Văn Lang, cái cười "khuếch khoác", phóng đại và phải được kể bằng thổ ngữ mới hấp dẫn, nổi tiếng khắp nước.

Có một điều tôi cho là rất quan trọng đối với thơ Nguyễn Hưng Hải: ông thường thành công trong tư duy soi chiếu, nội hàm phản ánh, chứ không bằng những quẩy cựa ngôn từ, cấu trúc, hay dài ngắn, gổ ghề về nhịp điệu. Những bài thơ để lại nhiều ngẫm ngợi, gợi những ám ảnh kỷ ức, ẩn ức và day dứt nỗi người lại là những bài thơ viết tự nhiên, không rậm lời, còn bịn rịn ám hưởng truyền thống, đặc biệt là ở trong khá nhiều bài thơ lục bát, là một thể mạnh của ông.

Bài "Tôi đi" dù ý thơ khá tản mạn, ngẫu hứng, nhưng liên kết bằng cảm xúc, bằng những nỗi niềm đáng xót kéo nhau. "Tôi đi" như là biểu trưng tổng quát hành trình sống, hành trình thơ, con đường Nguyễn Hưng Hải xâu chuỗi những tình huống, những nỗi niềm, những thế phận, những xưa nay, những tâm sự, những mẹ và em... vốn hay dửng dưng, mải mui, luôn luôn yếm thế, phân vân nửa nọ nửa kia: "Tôi đi về phía mặt trời/gặp cơn mưa vỡ một thời dạt xô/nửa lòng tôi đáp cho thơ/nửa lòng tôi giữa cơn mưa bọt bèo/ Khổ vì cây có dây leo/ta hồng hồng buông mãi cái nghèo vào em/giật mình đêm thắm màu men/xòe bàn tay mốc nhạt lên nghĩa tình/ Dọc đường

những cây trúc xinh/biết đâu gió mượn lòng mình vì vu/Ái đi từ phía Nguyễn Du/Sông Tiền Đường ở ao tù nhà tôi/ Cỏ may đan chéo chân trời/tôi đi mỗi bước người ngồi ngóng theo/chân tôi toạc móng lưng đeo/máu như lông ngỗng còn gieo khắp rừng/ Con đường dẫn tôi mòng lung/tôi đi người khóc sau lưng người cười/tháng năm lặng lẽ mẹ tôi/la đa quét mãi đến chói rề đa...". Nói không ngoa, chỉ đọc bài thơ này có thể thấy hết hành tung và nỗi niềm giăng mắc thơ Nguyễn Hưng Hải. Cảm thông, yêu mến ông chính là ở những "nỗi người" này. Điều đó cũng chứng tỏ, sự "thuộc" nhất, thành công đáng ghi nhận nhất trong thơ Nguyễn Hưng Hải là ông đã biết "tựa" vào truyền thống.

Tôi nói điều ấy bởi Nguyễn Hưng Hải dường như đang rất nỗ lực đổi mới, muốn tạo cho mình một cú nhảy về hình thức, về cấu trúc... khác với lối viết khá ổn định của ông.

Con mắt nghệ thuật và mối quan tâm về thế phận của Nguyễn Hưng Hải, như đã trình bày, là cái nhìn có hệ thống, từ những hình ảnh, hiện tượng, hành động v.v. trong đời sống tự nhiên hoặc xã hội, gút gắm tâm sự, niềm day trở, soi chiếu lại những giá trị đạo đức, đời sống.

Trước vô vàn nghiệm chứng, cả những thiệt thòi, yếm thế, Nguyễn Hưng Hải chọn cho mình một thái độ sống, "Để phóng lời nói của kẻ xấu như hòn than đen/nếu không cháy thì cũng đừng đồng lõa với bóng đêm làm bẩn nhọ mọi người" (Cây nến). Với lối suy tư này, tôi tin suốt đời thơ ông sẽ còn khổ sở, còn dằn vặt.

Rõ ràng có một Nguyễn Hưng Hải đầy mẫn cảm và cảnh giác, mà vẫn ngu ngơ. Sự thức tỉnh và cảnh giác ấy được chưng cất từ chính những đổ vỡ, những căm giận của một hồn thơ đa cảm, đa thanh. Sự đóng góp ấy vượt ra ngoài những nỗi niềm quê đau đầu của ông; vươn xa.■

DỰ THI DỌN VƯỜN

KÉO CHUÔNG QUÁ BỐC

TRẦN THANH GIAO

TRONG mục Nhân đàm, báo Văn nghệ, bài Sự tức giận của tự nhiên viết rằng: "Trong các bài hát dành cho các em nhỏ, có một bài hát của Pháp hát về con gà, lời như sau: "Gà chưa biết gáy là con gà con, gà mà biết gáy là con gà cha. Đi lang thang trong sân có con gà, có con gà, đi lang thang trong sân có con gà, có con gà, có con gà..." Nhạc của bài này thật là tuyệt vời, trong sáng, thân thương và đáng yêu xiết bao. Các em nhỏ của chúng ta hát ở đâu, là ở đấy bỗng thấy quang cảnh tung bừng hẳn lên. Tôi đã nghe rất nhiều lần, vậy mà mỗi lần lại thấy thêm ra sự hay của bài hát về con gà. Thật quá mới càng hiểu nhân dân Pháp, lấy con gà là linh vật của mình: Con gà Gô-Loa, thật là thú vị chí lý."

Tác giả bài báo này liệu có biết "thật quá" đây là một bài dân ca Pháp, (dân ca nước nào cũng có nhiều lời khác nhau!) mà lời về con gà là do ta đặt (có thể là các cô mẫu giáo cũng nên?!), dễ thương, nhưng hơi ngô nghê, vì trong tiếng Việt không thấy gọi con "gà cha". Lại nữa, bài dân ca Pháp Frère Jacques có lời Việt là Kia con bướm vàng... không thể gọi là bài hát Pháp về con bướm.

Lời ca ban đầu theo giai điệu bài hát "con gà" này, trong tiếng Pháp, không về con gà, mà về "sự tức giận" đối với người kéo chuông (nhà thờ). Lời đó như sau: Maudit sois-tu, carillonneur! Toi qui naquis pour mon malheur! Dès le point du jour à la cloche il s'accroche/ Et le soir encore carillonne plus fort/ Quand sonnera-t-on la mort du sonneur? Dịch nghĩa là: Anh kéo chuông chết tiệt kia/ Anh sinh ra để cho tôi đau khổ/ Ngày vừa mới chớm anh ta đã đeo bám vào quả chuông (để lắc cho chuông kêu)/ Và chiều tối nữa lại kéo chuông càng mạnh/ Lúc nào người ta sẽ kéo chuông cho cái chết của người kéo chuông

đây? Bài này vui và "thú vị" ở chỗ lập đi lập lại một số vần như la cloche, s'accroche; encore, plus fort; sonner, sonneur... nghe như những hồi chuông rền rĩ... Tất nhiên, "sự tức giận" này chẳng liên quan gì hết đến con gà Gô-Loa.

Nếu người Pháp biết rằng có một bài dân ca của mình được đặt lời Việt cho trẻ em hát, lại được "tán" là bài dân ca ấy hát về "con gà", dính luôn tới tận "con gà Gô-Loa" "linh vật" của nước Pháp thì liệu họ có "tức giận" không, hay họ chỉ cười xòa vì người tán "kéo chuông" quá bốc?■

VỀ RA ĐỊA DANH "BẢN VẼ"?

QUÁN VI MIỄN

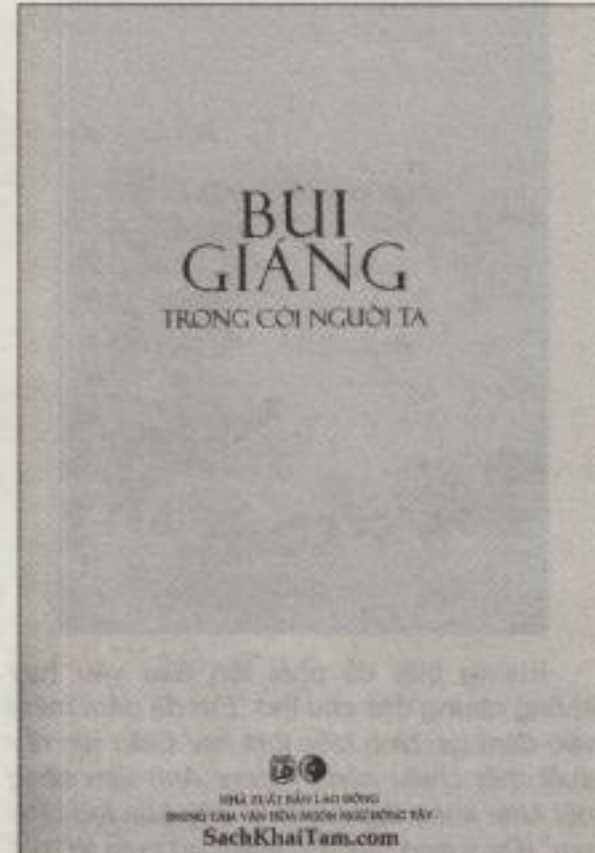
THOAT nghe, người ta dễ lầm tưởng đang nói đến "bản vẽ" thiết kế gì đó. Khi biết đó là nói đến một "nhà máy thủy điện" ở miền Tây Nghệ An thì nhiều người nghĩ ngay đến một địa danh của người Thái. Đúng vậy! Là "bản" thì là của người Thái rồi. Tôi nghi ngờ ngay cái tên "bản Vẽ" này. Vì sao? Vì từ "Vẽ" không có nghĩa gì cả trong tiếng Thái. Và đương nhiên là địa danh này đã bị gọi như bịa ra.

Tôi muốn tìm hiểu bằng được. Một lần nhà tôi (ở Vinh) có khách núi cao xuống. Hai người này từ trên Mường Mật xuống. Họ đi thuyền xuôi sông Nậm Nơn xuống Piêng Bàn (thị trấn Tương Dương), qua thủy điện Bản Vẽ. Tôi hỏi họ, tên "thật" của Bản Vẽ là gì. Họ nói: "Bản Vẽ chứ không phải Bản Vẽ". Thế thì tôi hiểu rồi. "Bản Vẽ" là bản đùa vui, chọc ghẹo, tóm lại là "bản vui", như Bản Muốn/ Muốn (bản Vui) chẳng hạn". Mười phần thì tôi đã tin họ được bảy tám. Nhưng tôi cần phải xác minh lại. Dịp đi công tác lên Tương Dương, tôi đã hỏi lại địa danh này. Mấy người nói: "Đúng đó. Bản Vẽ chứ không phải Bản Vẽ". "Thế tại sao người ta không sửa lại cho đúng?". "Ồ, khó lắm. Văn bản, đài báo, truyền hình... Người ta quen gọi thế rồi". Đồng bào chịu thua đài báo.■

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

VỀ THƠ BÙI GIÁNG, NÓI THẾ NÀO CHO PHẢI?

TRẦN NHUẬN MINH



Hầu hết các bài viết về Bùi Giáng lâu nay của nhiều tác giả, nói chung khá giống nhau. Có người so ông với Nguyễn Du. Có người cho rằng, phải đến ông thì thơ Việt Nam mới có biến có trời. Sự sáng tạo trong ngôn ngữ thơ Bùi Giáng là rất rõ, nhưng ca ngợi đến mức ấy, tôi cho là quá lời. Và như thế, dù không muốn, cũng là cách làm hại ông.

GẤN đây là 33 bài viết của 32 nhà văn được tập hợp trong *Bùi Giáng trong cõi người ta* (Nxb Lao động, 2008, tr. 252). Ở tập sách này, trong 30 - 31 bài ca ngợi Bùi Giáng; có đến 7 - 8 bài coi ông là thiên tài, đặc biệt trong sáng tạo ngôn ngữ, là người nhẩy múa trong chữ nghĩa, với những thăng hoa, huyền ảo, lộng lẫy sắc hương, vi diệu mệnh mang vô tận vô cùng. Tôi nghĩ cũng không đến mức như thế. Trong đó, hai bài của nhà văn Đặng Tiến: *Sơ thảo tiểu truyện Bùi Giáng*; *Bùi Giáng, nguồn xuân*, viết về tập thơ đầu tay của Bùi Giáng (được tái bản tại Hà Nội), bài *Trường phái Bùi Giáng* của nhà thơ Thu Bồn và bài *Bùi Giáng trong cõi người ta* của nhà thơ Ý Nhi, viết ngay sau ngày mất của Bùi Giáng, thuyết phục tôi hơn cả. Chỉ duy nhất có một bài nói khác, chính là bài của nhà văn Nguyễn Quang Lập. Tôi xin phép ông trích lại nguyên văn. Theo Nguyễn Quang Lập: "Kỳ lạ, gặp ai, hễ nhắc đến Bùi Giáng là khen nức nở, tuyệt không thấy một người nào chê, còn mình thì thực sự không thấy hay, ngoại trừ mấy câu, như ông vẫn nói là theo điệu du côn, đại loại Sài Gòn, Chợ Lớn rong chơi / Đi lên đi xuống đã đời du côn thì hay. Nhưng bảo là sâu sắc thì mình chịu. Thơ đó mấy ông nhà thơ dân gian Bắc Kỳ, xứ Nghệ siêu hơn nhiều. Mình cứ nghĩ nghĩ hay người ta đua nhau sùng bái thơ văn ông theo kiểu hoàng đế cỡi voi, hi hi, nhưng không dám nói" (sđd, tr.251).

Bùi Giáng là một nhà thơ rất được chú ý, với nhiều cách hiểu khác nhau. Theo tôi, ngôn ngữ thơ Bùi Giáng rất phong phú, sinh động, tự nhiên, nhưng không được đẹp như nhiều người nói. Ngôn ngữ đẹp bao giờ cũng mang đến cho người đọc sự cảm thụ về thẩm mỹ. Tôi hoàn toàn không thấy điều đó, khi đọc những câu sau:

Nếu ngày mai tôi chết đi
mà cô không thể giở cho
một giọt nước mắt
Thì cô có thể giở cho một giọt
nước tiểu cũng được
(Nhờ giở trên mổ)
Ở dưới suối vàng, tôi sẽ ngậm cười

đón nhận
(Ngậm cười chín suối vẫn còn thơm lây)
"Cô" ở đây là nữ nghệ sĩ Kim Cương, người mà ông si mê và sùng kính. Đoạn thơ trên dẫn theo nhà văn Nguyễn Quang Lập trong bài *Nhớ Bùi Giáng* (trong *Bùi Giáng trong cõi người ta*). Ghi theo lời "bình" của nhà văn Cung Tích Biền, Nguyễn Quang Lập viết tiếp: "có con nào thì ăn tươi nuốt sống ngay, chờ đến khi chết, nó tụt quần đái cho vài giọt (trên mổ) thì sung sướng cái nổi gì...." (sđd). Những bài thơ như thế chỉ làm tôi thấy... mất vệ sinh.

Hầu hết các câu thơ lục bát, được coi là sáng tạo huy hoàng nhất của Bùi Giáng, như nhiều người đề cao, theo tôi, đều có cái phong vị của các câu thơ Nôm trong các truyện thơ Nôm khuyết danh thế kỷ XIX, nhưng câu thơ của Bùi Giáng có cá tính, có thần thái hơn. Thơ ông, đọc ít bài thì thấy có nét riêng, lý thú, nhưng đọc một mạch hàng trăm bài trong một hai tháng liền, như tôi đã đọc gần đây, thì lại thấy có đến hàng trăm câu cũ kỹ, mòn sáo, đều đều, dài dòng, lai nhai, tạp nham, trùng lặp.

Ông đưa nguyên văn hoặc hầu như nguyên văn phải đến dăm bảy chục câu thơ *Kiểu* vào thơ ông, theo nhiều kiểu cách khác nhau:

Mặc người
mưa Sở mây Tần
Riêng mình gìn giữ
Một lần đầu tiên
Hoặc:

Rừng phong thu đã nhuộm màu
Quan san ngấn ắt tư trào ngấn kia

Tôi thống kê được đến hơn 200 câu mà tôi cho là ông viết vội vàng, viết lấy được, vô cùng nhiều những câu trùng vắn, không vần hoặc nhệch vần... Chưa kể câu non, ý lép, na ná như nhau. Hoàn toàn không có "ý tại ngôn ngoại". Sau này mới biết là ông viết tại chỗ liền một mạch có khi "hàng trăm bài", rồi "nhà in cứ thế sắp chữ" luôn, không sửa chữa (sđd).

Uống xong ly rượu cùng nhau
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời

là trùng vắn, dù ý tưởng trong câu thì rất đáng chú ý. Và không vắn, đặc điểm này thường gặp trong thơ lục bát của ông:

Tuy nhiên anh suốt tuổi vàng
Vẫn mong em còn suốt cõi trần vui chơi
Thậm chí có đoạn chỉ có 4 câu:
Trình nữ em có mặc áo quần
Mà không ắt hẳn là quần thật xinh
Nếu như em chẳng mặc quần
Thì ông trời ắt càng mừng rỡ hơn

mà câu 1 và 2 trùng vắn; câu 2, 3 và 4 không vắn. Trong ba câu mà có đến ba chữ *quần*. Viết như thế phải nói là lười biếng và cầu thả. Đó là những điểm kỳ của thơ lục bát mà một cây bút phong trào, nghiệp dư, cũng phải tránh. Vậy mà vẫn có nhà phê bình khen là hay là đẹp, là "sáng tạo thiên tài" thì tôi chịu không hiểu nổi. Đọc đến đây, có thể có bạn sẽ cự lại: Thôi Hiệu đời Đường trong ba câu cũng ba lần viết *Hoàng Hạc* đó sao:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản...
(Hạc vàng ai cưỡi đi đâu
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ
Hạc vàng đi mất từ xưa...)

(Tân Đà dịch)

Khác nhau là Thôi Hiệu có dụng công nghệ thuật để câu thơ thành kiệt tác mà Bùi Giáng thì không.

Đoạn thơ sau đây cũng không hay như có nhà phê bình đã tán tụng. Tôi dẫn ra để thấy điều tôi thích thú ở thơ ông là ông xưng "Trẫm". Ông là nhà thơ duy nhất ở Việt Nam xưng "Trẫm":

Hỡi cô bán phở dịu dàng
Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta
- Trẫm từ lịch kiếp phối pha
Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng

trong khi các vua Trần, vua Lê làm thơ, chỉ xưng "ta". Ví như thơ của vua Trần Thánh Tông: "Hữu nhân vấn ngã hà tiêu tức?" (Có người hỏi ta sinh diệt thế nào?); thơ của vua Lê Thánh Tông: "Dư xuất lục quân, duyệt binh vu Bạch Đằng giang thượng..." (Ta xuất sáu quân, duyệt võ trên sông Bạch Đằng...).

Tôi cũng rất thú cái chất vui mà Bùi Giáng gọi là "cà chớn", "vui thôi mà".

Hai câu thơ thực khó quên:

Sáng nay bao tử mơ màng
Cả phê bên nọ, cháo lòng bên kia...

Có nhà phê bình gọi đó là "cái vui vĩ đại", thì không biết có đúng hay không?

Và càng nghĩ càng thương ông trong bộ dạng: "Ông lang thang đây đó, ngủ ở bất cứ đâu, dưới trời sao, dưới một găm cầu, hay dưới một mái hiên. Có những lúc lại thấy ông đeo một xâu chuỗi toàn giày dép và áo quần phụ nữ quanh cổ" (sách đã dẫn, trang 358). Có nhà phê bình cho rằng "cách sống đó là lý tưởng", và chỉ "mong mình được sống như vậy", thì không biết nói thế có thật lòng với ông hay không?

Riêng câu này thì tôi thấy hay:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương...

Tự nhiên và sang trọng. Tưởng rất dễ làm nhưng không phải Bùi Giáng, tôi e là khó có ai làm được. "Núi Ngự sông Hương" thì đã có sẵn trong ca dao rồi. Phong vị của câu thơ có lẽ là ở hai chữ *Dạ thưa* rất Huế chăng? Bởi chỉ bóc hai chữ ấy ra, câu thơ khác hẳn, mất hết thần thái và trở nên thông thường. Tôi nghĩ, đây có lẽ là hai câu thơ hay nhất trong bài thơ chỉ có hai câu *Dạ thưa xứ Huế bây giờ* của Bùi Giáng và cũng là hai câu thơ có thể xếp vào hàng những câu thơ lục bát Việt Nam đẹp nhất viết về đất nước.

Tập sách *Nghìn câu thơ tài hoa Việt Nam*, một công trình biên khảo dày dặn, tâm huyết, khá thấu đáo và rất công phu của nhà thơ - soạn giả Nguyễn Vũ Tiềm, trong đó 10 nhà thơ được chọn nhiều nhất, có số lượng từ 29 đến 53 câu, như một tờ báo đã thống kê. Vậy mà trong công trình biên khảo rất công phu ấy, nhà thơ Nguyễn Vũ Tiềm chỉ chọn của Bùi Giáng 9 câu, theo tôi cũng không hay, nhưng hai câu hay tôi dẫn ra ở trên, không hiểu sao, nhà thơ lại để sót. Tôi chợt nhớ đến Nguyễn Bính, khi Nguyễn Bính viết (chép theo trí nhớ):

Làng tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng,

có chùa quanh năm...

Vì cách lập tứ hai ông giống nhau, nhưng thích thì tôi thích câu thơ Bùi Giáng hơn, vì nó có giọng điệu, có sắc thái hơn. Nghe âm hưởng cũng sang hơn. Những câu thơ như thế của Bùi Giáng rất hiếm.

Có câu tôi nhớ vì thấy nó là lạ chứ chưa hẳn đã hay:

Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con

Ông là một trong những đại diện xứng đáng nhất của thơ miền Nam trước đây. Viết về thơ miền Nam nói riêng, thơ Việt Nam nói chung, giai đoạn 1962 - 1985 mà không nhắc đến ông cũng là một thiếu sót. Nhưng ca ngợi ông theo kiểu "nói lấy được", như đã dẫn ở trên, cũng là điều không nên, và tôi e rằng điều đó có cái gì như là ở ngoài văn học, ở ngoài thơ của chính Bùi Giáng. ■

CHẢY TRẦN MÙA THIẾU NỮ

Độc Những ngọn sóng tỏa hương, tập thơ, Trần Mai Hương, Nxb Hội Nhà văn, 2012

NGUYỄN MINH KHIÊM

Tập thơ có hơn bốn chục bài, đa phần là bài yếu. Một mạch thơ tình không dễ dãi, không dầm lại ngôn từ, không vay mượn tâm trạng. Hầu như chỉ có một niềm cảm hứng cho mọi thi cảm là "Anh" nhưng Trần Mai Hương chớp bắt, tách bóc, khu biệt xúc cảm trong từng trạng thái nhỏ nhoi, nhạy cảm, tinh tế nhất để tạo thành nhiều cung bậc, nhiều góc độ, nhiều trường độ, cao độ khác nhau trong một chữ yếu, trong một chữ tình. Trần Mai Hương trong thơ sâu sắc, lột tả được hết nỗi niềm mình nhưng không dễ dãi, không tự nhiên chủ quan, không mang mọi gào thét xô đập của yếu nhờ giận hơn lên trang giấy. Chỉ ý thức là thi sĩ. Chỉ đang yêu cái yếu của khao khát chảy bỏng nhưng cũng đang tìm một cách diễn đạt mới, cách nói mới, cách đi mới cho cá tính một cây bút nữ.



Không biết có phải lần đầu yêu hay không nhưng đọc câu thơ "Em đã đắm mình vào đám lục bình biếc tươi kia/ Giấu run rẩy suốt một chiều nắng mỏng/ Anh làm sóng dạt khát khao thành sóng/ Vây bủa lục bình em" (Đa mang này tên anh), trừ cụm từ "dạt khát khao" hơi sáo, hơi nghèo khám phá còn cả khổ thơ cho ta cảm nhận một Mai Hương yêu đến run rẩy, yêu trong trào, muốn được ôm ấp, khao khát được ôm ấp nhưng vẫn kín đáo vô cùng. Ai cũng cảm thấy mãnh liệt, dữ dội khi đọc "Em xô lệch giữa điệp trùng dấu hỏi/ Đa mang này tên anh" (Đa mang này tên anh). Mãnh liệt hơn thế, quyết liệt hơn thế khi da thịt dậy sóng, nhà thơ viết "Kiêu hãnh đòi đảo chính/ Hóa thạch bỗng nảy mầm" (Ngày anh đến). Những cái gì là phẩm

chất, những cái gì là đạo đức, những cái gì là gương sáng, những cái gì là mẫu mực bấy lâu nay chôn sâu, ghì sâu trong từng chiếc cúc kim nên hạnh phúc đích thực của con người, chỉ một ngày anh đến tất cả bật dậy, đánh thức dậy, đòi bùng ra, đòi cội, đòi mở, đòi hướng.

Ấy thế mà không trần tục. Cái thanh tịnh, cái cao thượng, cái đẹp của thi ca vẫn đạt được. Cũng có lúc tác giả thủ nhận "Em - Hạt sương kiêu hãnh trên nhành lá/ Sương sẽ hóa thân khi mặt trời trú ngụ" (Biệt khúc cho anh). Chấp nhận dâng hiến. Chấp nhận hóa thân. Yêu thế là bạo liệt. Dám đối mặt với sự thật. Kiêu kỳ, kiêu hãnh, kiêu sa thực chất chỉ là cái vỏ ngoài khi chưa gặp được người chinh phục được trái tim, chưa gặp được người dám nhảy vào hải đảo hoa ngọn lửa tình rực cháy.

Đôi lúc trong khoảng lặng, ngẫm lại những cuộc tình yêu dẫn thân, thiếu thân "Sóng lòng dâng gọi mời", giạt mình, Trần Mai Hương tự hỏi "Biết đâu là tình thật?/ Ngày thấy em - Tim rơi" / Biết đâu là lời thật/ Ngôn ngữ người rong chơi" (Đầu là tình thật). Đó là phân vân tất yếu. Sau cái say "rơi xuống vực rồi môi vẫn không rời nồng cháy trên môi" sẽ là câu hỏi: Yêu là gì nhỉ? Hạnh phúc là gì nhỉ? Phải chăng đó là nước mắt? "Bao năm rồi kỷ niệm kết xanh mây/ Hai đứa mỗi ngày mỗi lạc/ Em gom giọt nước mắt mang linh hồn dấu hỏi/ Về ừ men/ Cát rêu/ Tự say mình" (Linh hồn nước mắt). Cái hay của thi sĩ là thế. Cái khác biệt của thi sĩ là thế. Thi sĩ không đập nát mình ra. Mà đem nước mắt "Về ừ men/ Cát rêu/ Tự say mình...".

Chỉ một lần ra với Trường Sa, chỉ một lần ngẩn ngừ, tình yêu dào dạt với Trần Mai Hương ngọt ngào như thời mới lớn "Đảo

đang già thoát hai mươi tuổi/ Trước những cuồng phong/ Lại dịu dàng cổ tích/ Phút nụ bâng vuông bung vuốt cánh mềm" (Miền khúc đảo). Tình yêu có sức mạnh kỳ lạ thế. Nhà thơ Văn Đắc có câu "Bàn tay em nắm vào cánh/ Thì bao nhiêu lá cũng thành lời yêu". Quả thế. Câu thơ của Trần Mai Hương chính là linh diệu của trái tim. Em đến khiến "Nụ bâng vuông bung vuốt cánh mềm" làm cho "Đào đang già thoát hai mươi tuổi". Đó là một cái nhìn biện chứng, cái biện chứng trong duy cảm. Viết về tình yêu linh diệu tình thế đến thế này, đẹp đến thế này thì không phải chỉ có trái tim đa cảm mà phải có một tâm hồn rất lãng mạn "Con ốc mặt trời giấu lòng mình kỹ thế/ Chợt bùng lên mặt linh lúc cảm tay" (Trường Sa bình yên).

Trần Mai Hương cũng là một trái tim yêu mòng mành, dễ rung động, mềm yếu. "Đừng chiều dụ em bằng dịu dàng Mimosa/ Đừng chiều dứt em bằng rừng rực Cúc quỳ/ Đừng dìm em bằng mê đắm thác Prenn hay hố Than Thở/ Em - Người đàn bà nặng nề/ Gom góp trống không làm niềm tin thất lạc/ Gửi vào rừng kỷ tự mỗi chiều buông..." (Chối từ). Chỉ thủ nhận: "Ai kiêu hãnh như rigán đời con gái/ Ai thiếu thân giấu lửa giữa ngôn từ/ Ai khô khát đợi mưa về nồn lá/ Vườn địa đàng em chốt cửa hoang sơ" (Giận). Cái giận của con gái cũng mãnh liệt, cũng ghê gớm như cái thương cái nhớ. Yêu thì "Không thể tin mình lại nhớ anh đến thế" (Đổ lòng). Giận thì quay mặt vào đêm... "Vườn địa đàng em chốt cửa hoang sơ...".

Một giọt nước không thể minh họa một dòng sông, một vụng biển. Trần Mai Hương, thả mình vào trong từng con chữ để được trải nghiệm, được nghe trái tim mình dội sóng.■

CỦA MỘT THƠ ĐỘC HÀNH

Độc Thơ Nguyễn Văn Huy, Nxb Văn học, 2013

ÔNG VĂN TÙNG

Trong cảm nhận của các đồng nghiệp thơ, tuyển tập Thơ Nguyễn Văn Huy toát lên sự chân thành, đôn hậu, dung dị như chính con người và hồn thơ ông. Nổi bật trong tập là những bài lục bát mang đậm hoài niệm, đầy ưu tư, tràn trề về thời cuộc, về thế thái nhân tình. Nguyễn Văn Huy còn gửi vào đó tình người thân, bạn bè, đặc biệt là tình yêu quê hương Hà Nội, mảnh đất đã nuôi dưỡng tâm hồn và cho anh cảm hứng chọn một lối đi riêng trong cuộc đời bận bịu.

TẬP thơ 125 bài, bìa in bức tranh "Lan trúc đồ" của Trịnh Bản Kiều đời Thanh, với mở đầu tập là bài "Thơ của Kẻ độc hành kỳ đạo", như thế đây cũng là một cách lập ngôn của. Một thứ gì mới mẻ dậy lên, hoặc hàm ý một điều gì mà gần đây rất mẫn cảm trong đời sống xã hội:

Chưa kịp giết mình khi thơ vừa lóe rạng
Sương khò hồng hoang tặng khách
muôn trùng

Không nhạt thối và không mảnh rời
Bên em hồn nhiên một đóa sen vàng.
Và kết thúc:

Thơ gõ cửa vụng về
Những thành tâm thẩm nhủ
Mong đến mai ngày em thử lỗi kiếp
phù du

Thơ không biết bon chen
Thơ thành địa riêng của kẻ
"độc hành kỳ đạo".
Giữa mở đầu và kết thúc bài thơ là hình

tượng "mượn" nổi niemi: Mượn nụ cười duyên em / Là mượn ánh mắt em / Là mượn ánh trăng " để quên đi những vấp vẹo đời thường...

Vậy "Độc hành kỳ đạo" là gì? "Độc hành kỳ đạo" là một vẻ của châm ngôn về quan niệm sống-tu thân của triết gia cổ đại Trang Chu (369-286 trCN), học trò của Lão Tử người nước Tống thời Chiến Quốc. Nguyên văn là "độc hành kỳ đạo. độc thiện kỳ thân", có nghĩa là đi (hoặc hành động) theo một con đường (hoặc đạo) riêng; hay (hoặc tốt, giỏi) cho một thân (con người) riêng. Trong bối cảnh thời Chiến Quốc mà nêu một châm ngôn như thế, phải nói là sáng suốt tuy có phần yếm thế. Nay Nguyễn Văn Huy lấy về đầu làm tứ cho bài thơ, chính xác là lập ngôn cho thơ ca của mình, như là hình dung một con đường ý tưởng riêng cho mình. Chính đây là chỗ đặc thù của tác giả. Nếu "độc thiện kỳ thân" hóa ra quá cao ngạo, tự phụ và tách mình ra khỏi cuộc sống hiện tại. Nhà thơ không thể sống như thế được. Dân ta đã chẳng có câu: "Trăm đường cũng có neo đi - Trăm nơi cũng có yêu vì một nơi" đó sao?

Chất "Đạo" mà tác giả đã nói chính là chất tư tưởng nói lên trong bài thơ đầu. "Đạo" tuy sâu kín nhưng biểu hiện ở đây nào có gì xa xôi. Ấy là cái đạo làm người. Làm con người rất thân thiết. Đó là hình ảnh người mẹ, cái rừng rưng khi nghĩ về mẹ, mà nhà thơ Nguyễn Hữu Quý từng chia sẻ với Nguyễn Văn Huy. Hình ảnh mẹ từ kỷ ức

bước ra, không chút tô vẽ, đầy xúc động: "Thương đời mẹ lắm lòng đông/ Một thân đứng vậy thay chống nôi con. Và: Khi xa khơi lúc biển gần/ Càng thương thân mẹ gian truân kiếp người". Đó còn là những người lao động bình thường, những thầy giáo đã dạy anh, những ngư dân đã dạy anh: "Thuyền ai vào bến đang phơi già/ Con sóng trùng khơi bỏ lại xa/ Có phải lão ngư ngày xưa ấy/ Dạy ta chèo lái vượt phong ba". Nguyễn Hữu Quý đã coi tư tưởng quan xuyên sáng tác của Nguyễn Văn Huy là tình với con người: "Thơ Nguyễn Văn Huy" chủ yếu là duy tình; tình người quét rác đêm hôm, tình con cháu, tình yêu cũ, đến tình đất nước... Những bài thơ viết về Tây Hồ - Hà Nội, là những bài thơ rất hay, khá điêu luyện. Tôi nghĩ thế mạnh của anh là ở đây, ở cái cách anh tỏ đậm tình người bằng thơ.

Tuy nhiên, nhà thơ Bằng Việt cho rằng sau cái tình ấy vẫn có một niềm đau đáu về thơ và triết lý nhân sinh; và ở mảng thơ suy nghĩ không phải không có cái xót xa trần trụi, môt tả kiêu ước, thâm trầm.

Có thể nói, qua những tập thơ đã ấn hành của Nguyễn Văn Huy, người đọc thấy cả một bầu tâm sự đầy nỗi niềm của tác giả. Chẳng hạn như ở bài "Trương Chi một thuở" với hai câu mở đầu: "Khí thần tượng lùi lại phía sau/Thì trời phật thành hiện phía trước". Nhà thơ Văn Long rất khen chất thơ da diết hồn nhiên đó, như ở: "Ngắm đời hư ảo vinh và nhục/Xa lánh bụi trần sống



thành thời/ Mặc kẻ khen ta là kẻ dai/ Thơ vẫn càng buồm lộng gió khơi" (Không để 9)

Tôi quen biết Nguyễn Văn Huy từ thuở anh mới cầm bút. Đây là một nhà thơ đích thực bên chỉ với thi ca. Chân chất, thuần hậu, giàu mơ ước và tận tâm với sáng tác, anh những đêm khuya gặm ghì bên bàn viết, đánh vật những con chữ, vui với lao động nhọc nhằn đó. Trước đây anh đã công bố năm tập thơ. Tập thơ đầu tiên, "Ở Đâu", (Nxb Hà Nội 1993,) được nhà thơ Vũ Xuân Hoát đánh giá là "dồn nén" với "một dấu hỏi lớn luôn đặt ra và luôn tìm lời giải đáp. Nhà thơ biết mình có lỗi bởi chưa làm được gì để đến ơn nhớ thương. Những tấm lòng anh, ý nghĩ anh hướng về nơi ấy..."

Nguyễn Văn Huy đã trình làng tập thơ thứ sáu. Số sáu, theo lý số của Dịch học phương Đông, là số "đại thuận". Ở đây, là số đại thuận với một người cầm bút.■

NGHỆ THUẬT

NGHỆ sĩ Trần Đàm đã trở nên quen thuộc trong làng ảnh xứ Thanh và cả nước. Những tấm ảnh ông chụp lưu lại những khoảnh khắc tươi sáng, đáng yêu của hiện thực cuộc sống trong kỷ ức và hiện tại, tự nhiên mà đầy ý nghĩa, mới mẻ mà không cầu kỳ là cảm nhận chung về các tác phẩm của Trần Đàm. Những phong cảnh hữu tình trên khắp miền đất nước, những con người say mê lao động trong mọi ngành nghề, những hương sắc tình

Với những bức ảnh không quá cầu kỳ mà vẫn đầy sức gợi: *Nét tâm linh, Dấu ấn kỷ niệm xưa, Chân dung người lao động, Giọt đồng ngày hội, Nét văn hóa ở Mèo Vạc, Ra khơi, Nụ cười sơn cước...* người ta có thể hình dung để tái tạo cho mình một miền cảm xúc riêng để tưởng tượng, những khao khát kiếm tìm, những đam mê, ước vọng nảy nở... nhất là *Dấu ấn kỷ niệm xưa* cho ta cái cảm giác mát lạnh, thân thuộc và tiếc nhớ. Những bức chân dung cũng đã trở thành cảm hứng của ông, với một gương mặt trầm trầm mà hời hợt ánh mắt tự tin, nụ cười tươi tắn trong *Ngưng đọng*; hoặc *Chân dung người lao động*, hình như không cố tình

đó là mái chèo thả lưới trên sông cùng nét duyên người phụ nữ trong lao động, tự nhiên và trầm trụi. Dẫu có thể chưa một lần đến mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc, nhưng qua những bức ảnh của Trần Đàm, ta cũng phần nào hiểu được về cuộc sống con người nơi đây, thấy được cái mệnh mang sông nước, thấy cái xanh tít tắp của dừa, cái nhỏ bé, lênh đênh của con người trước thiên nhiên đầy biến động. Trong khi *Nét xuân Tây Bắc*, sắc thắm hoa đào như len vào nền trời cao rộng để hát khúc ca về nhà sàn, bếp lửa, nương đồi. Trần Đàm đã đưa mùa xuân Tây Bắc vào gỗ cửa nơi nơi, xông đất nhà nhà, giao hòa muôn người muôn vật để

gian... Các tác phẩm *Mi Lan, Thu Huyền, Kim Giang, Ngọc Lan, Minh Thu*, như không có gì cầu kỳ, vậy mà người xem vẫn thấy được vẻ đẹp tỏa sáng từ tâm hồn đến dáng vẻ tự nhiên và tinh khôi. Mỗi người chúng ta rồi cũng sẽ già đi, nhưng qua những bức ảnh, ta thấy mình trẻ lại trong sắc màu tà áo dài thanh xuân. Nét thân thương của thời gian dường như vẫn còn nguyên vẹn trong mỗi trang vở, nét bút học trò, trong các ca khúc, và mỗi bức ảnh đầy sinh động qua góc nhìn của người nghệ sĩ. Theo chân Trần Đàm về thành cổ Quảng Trị, để thêm một lần được cảm nhận vẻ quá khứ anh hùng và hiện tại đổi mới, về cội nguồn sự sống và ý chí vươn

NHỮNG KHOẢNH KHẮC VỀ HỒN ĐẤT, TÌNH NGƯỜI

THY LAN

khôi tã áo trắng, đầm thắm với sắc áo bà ba, hay dịu dàng, thướt tha trong tà áo dài truyền thống... đã góp mặt trong tập ảnh mang cái tên rất gợi cảm "Hồn đất, tình người" (NXB Thông tấn ấn hành năm 2013), đã đến tay người thưởng thức với đầu tư công phu, gửi gắm rất nhiều tâm huyết, say mê nghệ thuật của tác giả.

Trong đất có tình người, trong sự sống con người được màu hương đất là sự hòa quyện mà người nghệ sĩ nhiếp ảnh tinh tế mới làm được. *Biển sáng, Biển Sầm Sơn ngày hè, Xóm nhỏ trên sông, Trên đỉnh Pù U, Rừng xanh trên đồng cỏ, Hoa ở biển, Lăng Cô, Nét đẹp vùng...* không chỉ phản ánh được cái hồn của sự sống mà đã nâng tầm nó lên để có sự giao hòa, chất thơ, chất mộng. Sự giao hòa thiêng liêng ấy chính là sức sống trong các tập ảnh của Trần Đàm từ trước đến nay và nhuyển hơn trong tập ảnh mới này với ba chủ đề quen thuộc: *Chân dung và cuộc sống - Tà áo dài và người thiếu nữ - Phong cảnh đất nước*. Một con đường cũ để đi vào lối mòn, sáo rỗng và nhảm chán, bởi thế Trần Đàm đã làm mới sự vật, hiện tượng, con người bằng chính cá tính sáng tạo, cảm quan của người nghệ sĩ. Ông thổi hồn vào ảnh làm cho nó sinh động mà vẫn hiện thực, dung dị mà vẫn kiêu sa, chây bông mà đầm thắm, vất vả mà đáng yêu, dịu dàng mà vẫn tỏa ngấm sức sống... Tiêu biểu là những bức ảnh *Thợ mỏ, Lăng cá Quảng Nam, Dệt thời gian, Kiếm sống, Hoa lười, Vào cuộc, Tập nập trên công trình, Ngưng đọng...* Hình như ông đã tạo ra một thứ men say được chưng cất từ tâm hồn, sự trải nghiệm và sự đồng cảm, giao hòa với thiên nhiên, con người. Trần Đàm đã gọi được hồn xưa cũ trong tà áo bà ba, mực đồng, gốc đa, vườn cau, cánh cò, cây tre, cây đa, bến nước... lại cũng hiện đại trong cách lựa chọn góc chụp, ánh sáng, bắt được giây phút thần diệu để nêu bật dụng ý nghệ thuật. Tập ảnh hầu như hướng về truyền thống, sự dân dã, mộc mạc, nhất là cảnh sinh hoạt chài lưới, nương đồi, đồng ruộng... Người xem thấm ngấm cái vị mặn mòi, chần chừ quê hương, lại khao khát muốn được trở lại tuổi hoa niên và tuổi thơ, khao khát sự thanh bình yên ả, nơi đứng chân của những tâm hồn sau sự bộn bề hối hả của đô thị, sự bon chen của kinh tế thị trường. Bởi biết đâu, một bức ảnh đẹp về quê hương và con người, có khi lại quý hơn bao lời xưng tụng sáo rỗng, nhảm chán?

dụng công về bố cục mà chỉ chớp lấy cái thần thái của con người say sưa, phấn khởi khi vác trên vai bó lạc được mùa. Ở *Nụ cười sơn cước* và *Hoa rừng*, tác giả đã xô đổ cái bức tường riêng tư của cô gái cụ thể, để xây một hình tượng đại diện cho vẻ đẹp duyên dáng vùng cao, nên từ trang phục đến sự gợi cảm của khuôn mặt, được chọn lựa kỹ càng mà vẫn tự nhiên. Có cái gì đó vừa e ấp, bẽn lẽn nhưng lại rất tinh tế, trang nhã, những đường cong đầy đặn, nét mày, ánh mắt, làn môi, ăn mặc đều như đang nói với ta một điều gì về văn hóa quê hương. Còn *Chân dung nhà văn I Diêng* - từ tư thế, dáng điệu đến cái nhìn đắm chiều vào miền sâu thẳm ấy - đã được Trần Đàm chớp lấy để bạn đọc yêu mến I Diêng mừng tượng cụ thể hơn về văn và người?

Quê Hoàng Hóa- xứ Thanh- sau này công tác ở Thành phố Thanh Hóa với nhiều cương vị, trọng trách quan trọng- nhưng chỉ một điều Trần Đàm không thay đổi là niềm đam mê ảnh nghệ thuật, thậm chí có thêm cơ hội đi đây, đi đó, ông lại thêm niềm cảm hứng sáng tác. Dọc dài đất miền Trung nắng gió hay suốt dọc chiều dài đất nước, mấy ảnh Trần Đàm vẫn luôn bị hút về cái vẻ hoang sơ, hồn hậu mà thắm đượm tình người. Với *Một thoáng Cà Mau*, tác giả đã lựa chọn điểm chụp từ phía có hình lá dừa kết lại như trái tim, hướng cái nhìn qua lăng kính trái tim,

cái riêng tư trở nên ấm áp trong tình dân tộc, anh em. Để cái khoảng cách ngược xuôi trở nên vô nghĩa, để cái mệnh mang trở nên gần gũi, để mỗi thang bậc ruộng gỏi lên nhau vổ về công sức lao động sáng tạo của con người. Người xem ảnh lại muốn ít nhất một lần về với mảnh đất tình ca - đó phải chăng là dáng hình của những bản tình ca về Tây Bắc...

Như một sự đam mê, hay bởi quá đa tình, mà người thiếu nữ lại xuất hiện trong ảnh Trần Đàm nhiều đến thế, nhất là trong tà áo dài truyền thống lại càng tôn thêm vẻ đẹp duyên dáng, đáng yêu. Không biết bao lần chớp máy, lựa chọn được 34 tấm ảnh đưa vào tập "Hồn đất, tình người", Trần Đàm đã gửi đến công chúng những tấm ảnh đẹp, có hồn và sinh động ở nhiều góc độ khác nhau. Những sắc vàng, sắc đỏ bay bay trong gió ở *Dưới chân thành nhà Hồ*, hòa với sắc xanh của thân lúa, sắc óng của hạt lúa đã tạo nên sự gợi cảm đáng yêu. Tác giả đã tạo ra hai sự đối lập: tuổi xuân chớm nở của thiếu nữ với độ chín của thiên nhiên là cây lúa trĩu bông, đối lập giữa thành đá mấy trăm năm còn đó với sự hạn hữu của đời người. Nhưng tác giả lại tạo ra hai sự tương đồng: Cả lúa và những người thiếu nữ đều đang ở độ căng tròn sức sống và khoảnh khắc các thiếu nữ chào đón du khách thập phương đến với Thành nhà Hồ mà Trần Đàm chụp, lại cũng đi cùng năm tháng như những thành đá thách thức với thời



Nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Đàm

lên, về đau thương hôm qua cho rạng ngời tươi sáng hôm nay. Lối tư duy đầy khúc triết và sáng tạo đã mang đến cho Trần Đàm một góc nhìn rất riêng về tà áo dài duyên dáng Việt Nam trong *Nhật cánh hoa rơi, Đôi bạn, Thiếu nữ và hoa, Thiếu nữ trên đầm sen, Làm duyên, Ngày hè, Bâng lãng tim, Phương Anh, Thu Nga, Minh Hiền...* đầy mộng mơ, đã làm không ít người như lạc vào chốn phiêu diêu, bay bổng.

Cho đến nay, Trần Đàm đã xuất bản 10 tập sách và mở 4 cuộc triển lãm ảnh cá nhân, với nhiều Giải thưởng quốc gia, khu vực, chứng tỏ sự đam mê và bền bỉ sáng tạo của tác giả. Tập ảnh mới ra đời với gần 150 tác phẩm là sự dày dặn, công phu về cả số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, vì khai thác ở góc độ đẹp, tin tưởng của đất và người nên chỉ mới phản ánh được một mặt của cuộc sống. Ở phía bên kia, trái chiều ấy, đang tiếp tục chờ đợi những tác phẩm mới mẻ hơn, chất lượng hơn của NSNA Trần Đàm. Tuy nhiên, khi gấp lại tập sách, ta vẫn thấy đâu đây cánh cò bay vào ngọn tre, đậu trên ngọn tre, đã khẳng định một phong cách của ông trong "Hồn đất, tình người". Trần Đàm đã cho ta những trải nghiệm thú vị về vùng đất, con người với những nét văn hóa, lao động, sinh hoạt... để khát khao và kiếm tìm sự đồng điệu, sẽ chia trong cuộc sống hôm nay, dẫu còn nhiều khó khăn, bộn bề và bươn trải!



Thiên thần của mẹ

Ảnh: TRẦN ĐÀM

KÝ ỨC CHIẾN TRANH

Truyện ngắn của TRẦN QUỐC CƯỜNG

1.
N ỬA đêm. Bà nội rón rén bước xuống giường. Tiếng dép va vào nền xi măng lộp xộp. Tiếng họ khục khặc. Giọng thảng thốt: "Út! Út ơi! Dậy! Dậy! Tháo huy chương...". Tôi tiếc ngủ giấc mơ tuyệt đẹp, đưa tay dụi mắt, nửa nằm, nửa ngồi, rên rầm: "Người ta đi soi lươn, soi ếch đấy. Hòa bình lâu rồi mà nội cứ quên". Bà nội lúng kúng: "Vây à? Hòa bình rồi hử? Sao thằng Ba, con Năm, thằng Sáu chưa về? Hòa bình... Hòa bình..." - Bà nội lẩm bẩm.

Hòa bình đã gần bốn mươi năm rồi. Thi thoảng nửa đêm nghe tiếng chó sủa, bà nội tôi bật dậy quàng quàng, lập cập bế những tấm bằng huân, huy chương của các cô, chú tôi đem giấu vội vào hộc nhà vì sợ quân lính vào bắt bớ.

Đừng nói chỉ bà nội lẩn thẩn vì tuổi tác. Tôi đây, mấy năm sau ngày giải phóng, đêm nằm nghe tiếng chó sủa còn giật mình kinh hãi. Tiếng chó sủa của thời chiến như nổ bom chùm. Thoạt đầu phát ra từ xóm dưới, xoáy sang xóm giữa, inh ỏi lên xóm trên. Ném vào không gian u tịch thứ thanh âm rón rồn, đay nghiến, gào réo nghe bài hát chân tay. Khi lũ chó cả xóm, cả làng đồng thanh tương ứng cũng là lúc tiếng mìn, tiếng súng nổ chát chúa, đình tại. Đường quê tôi trước năm 1975 là những con đường mới xấp xỉ đã dày đặc mìn Claymore, mìn jíp. Trên cánh đồng lúa chín vàng lỏ chỗ những hố đạn M79 sâu hoắm. Cảnh thương vong vì chiến tranh diễn ra hàng ngày đánh mất tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng của tôi và lũ bạn cùng trang lứa.

Bà nội tôi có năm người con. Hơn một nửa trong số đó lần lượt lên đường tham gia cách mạng. Ông nội mất sớm. Cha tôi ốm đau dặt dẹo. Chú Ba Cồn đứng mũi chịu sào. Chuyện cúng kính, mổ mả ông bà, ruộng nương... bà nội đều trông cậy hết vào chú. Mỗi lần chú Ba cày bừa, tôi thường xách giỏ tre theo sau lưng cày, rỗng bừa bắt cua, bắt ốc. Đất ruộng bắt đầu rửa, lảng lảng cũng là lúc lũ cua bò lổm ngổm. Chú ba hết dí, thả chỉ huy con Cò và con Mắm cổ bị quàng vào gọng bừa, lại ca vọng cổ: "...Trời ơi! Bối sa cơ giữa chiến trường thọ tiền, nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu... Hà! Bạn tình ơi đừng hoài công mòn mỏi đợi chờ...". Ca chưa trọn câu vọng cổ, chú Ba chuyển sang hát nhạc: "Chiến sỹ ta dầm mưa dãi nắng, mưa rét run người nắng sẫm màu da. Tầm vãi ta làm ra mảnh áo, là chiến sỹ quyết tâm diệt thù...". Tôi nghe chú Ba hát riết rồi thuộc lòng, vô tư hát cho lũ trẻ hàng xóm nghe. Lũ trẻ mục đồng truyền nhau hát vang vang khi ngồi trên lưng bò, lúc chơi trò đánh trống... Cho đến một hôm, gã lính xây dựng nông thôn nghe thấy. Gã mua kẹo, gọi chúng tôi lại chia đều, thủ thủ: "Các cháu hát chiến sỹ ta dầm mưa dãi nắng hay đấy! Thế ai tập hát cho các cháu?". Bọn trẻ đổ dồn nhìn tôi, nhao nhao: "Thằng Út. Thằng Út đấy chú! Chúng cháu nghe nó hát rồi hát theo". Tôi kịp nhìn ánh mắt của gã lính áo đen sáng lên. Gã đặt bàn tay lên vai tôi, giọng ngọt như mìa lùi: "Út cho chú biết ai

dạy cháu hát nhé! Chú thưởng cháu năm đồng!" Đồng bạc hình răng cưa có bông lúa ở chính giữa hiện lên trong đầu tôi đầy hấp lực. Năm đồng bạc cắc mua được vô số kẹo. Tôi định nói, tự dựng hình ảnh chú Ba trù mẫm mở đài nghe nhạc, nghe tin tức khiến tôi lo lắng, nói trở đi: "Dạ! Cháu nghe thằng Cò hát đấy ạ!". Gã lính áo đen không bỏ lỡ cơ hội: "Cháu đưa chú gặp thằng Cò được không?". Bọn trẻ lại nhao nhao: "Năm ngoái thằng Cò lội bơi qua sông chết đuối rồi chú ơi!". Tôi không thành thật. Ấy thế, gã lính áo đen vẫn dúi vào tay tôi năm đồng mới cứng.

Về nhà, chú Ba nghe tôi kể đầu đuôi câu chuyện, liến ôm tôi hôn chùn chụt lên má, lên trán, giọng run run: "Cháu của chú giỏi quá! Cháu mà khai ra thì chú chết chắc. Từ đây cháu không được hát theo chú nữa nhé. Đây là bài hát của quân giải phóng". Sau này tôi mới hiểu chú Ba hát bài hát của một nhạc sỹ cách mạng sáng tác từ trên chiến khu và càng hiểu vì sao mỗi lần nghe nhạc, chú Ba phải trù mẫm.

Chẳng mấy khi được chú Ba khen, tôi thích lắm. Nghĩ lại chuyện đổ oan cho thằng

Cò, tôi bứt rứt thế nào ấy. Chú Ba thấy tôi đang vui, về mặt chợt ỉu xiu thì vỗ về: "Cháu có chuyện gì buồn à?". Tôi bối rối: "Biết thằng Cò có thông cảm cho cháu không?". Chú Ba xoa đầu, an ủi: "Chiều nay chú cháu mình ra bờ sông đốt cho Cò nén nhang. Chắc nó không giận cháu đâu".

Thằng Cò, con di Hai ở xóm dưới là bạn thân của tôi. Nó cao lêu đêu, giọng nói chằng chằng. Trong các trò chơi đánh đáo, đánh trống, kéo co, chạy thi, bơi trải đều vượt trội lũ trẻ hàng xóm. Một lần tắm sông, nó bơi ra giữa dòng định vớt một khúc củi khô, không may đuối nước. Chúng tôi chỉ còn biết kêu gào. Những người đốt rạ trên đồng chạy đến nơi, thằng Cò đã chìm mất dạng. Người ta phải dùng lưới trủ rạ kéo khắp dòng sông, hôm sau mới vớt được xác.

Chú Ba lấy thẻ nhang ra bật lửa đốt, trao cho tôi mấy cây. Về mặt chú như tôi hẳn: "Cháu xin lỗi Cò đi. Người khuất mặt cũng nghe được chúng ta nói". Tôi cầm nhang, đứng thẳng, đầu hơi cúi, nghe cổ họng nghẹn nghẹn. Chú Ba giục: "Cháu nghĩ gì nói nấy, đừng ngại". Chú Ba đưa nén

nhang lên ngang mày, hướng ra mặt sông thì thảo khấn vái. Tôi thấy hối hận, thấy thương Cò vô cùng: "Bạn đừng giận mình ghen Cò... cực chẳng đã mình...". Mắt tôi ngấn nước. Chú Ba lay xong cầm nhang xuống bờ sông, quay sang phía tôi: "Chú cháu mình ngồi nán lại với Cò cho có bạn. Nhang cháy đều tức là Cò đã vui lòng tha thứ cho cháu".

Từ dạo ấy, chú Ba không còn hát "Bài ca may áo". Những lúc cày ruộng xong, chú bước lên ngồi bên gốc đa giữa đồng bươi móc cái gì đó trong hốc cây. Hoặc trước lúc về nhà, chú Ba vào trong đám mía đẩy bí ẩn. Gã lính áo đen và một vài người lạ thì thoáng đi ngang qua nhà tôi nhìn vào bằng cái nhìn lăm lét. Theo lời của lũ trẻ, kẻ đã cho tôi năm đồng bạc cắc vẫn còn lẩn la tìm hiểu ai dạy cho chúng tôi bài hát "Bài ca may áo". Có hôm, bọn cảnh sát chặn đường kiểm tra thẻ căn cước chú tôi. Chúng tôi biết chú tôi làm giấy tờ khai nhỏ tuổi để trốn lính. Ngặt là giấy trắng mực đen, đồng con dấu đỏ rành rành, không thể làm khó dễ. Để chú tôi có được thẻ căn cước nhỏ tuổi, bà nội đã không ngần ngại bán gấn mẫu ruộng ở vùng Rộc Quẹo.

Làng trên, xóm dưới ai cũng quý chú tôi sống hào phóng, thẳng ngay, lại hay giúp đỡ người nghèo. Các cô thôn nữ thì khỏi nói, họ thể hiện sự ngưỡng mộ chú Ba ra mặt. Trong số những người đẹp xóm Lầm, có cô Thế tóc dài, da trắng, mắt bồ câu được chú tôi để ý từ lâu. Tôi là cánh chim xanh đưa thư cho hai người. Bà nội hối thúc chú Ba lấy vợ. Chú cười buồn: "Thời buổi chiến tranh cưới nhau sợ làm khổ người ta". Bà nội thuyết phục không được, nhờ cha tôi to nhỏ không xong. Đùng một cái, chú Ba mất tích. Bọn mật vụ mặt đường đăng sát khí ào đến nhà tôi lục tung mọi thứ từ trong ra ngoài. Sau đó, tôi nghe người hàng xóm kể lại, bọn mật vụ đào bới gốc đa giữa đồng. Chúng tìm tài liệu. Chúng phát hiện chú tôi lập "hòm thư chết" ở gốc đa để liên lạc với cộng sản. Rằng chú tôi là cộng sản nằm vùng. Buồn cười là khi chúng biết được sự việc thì chú Ba đã cao bay xa chạy lên mặt khu mất rồi.

Tội nghiệp cô Thế một lòng một dạ chờ đợi chú Ba, chờ đợi ngày hòa bình để cùng chú Ba nên duyên chồng vợ. Đau đớn thay, năm 1969 trong một lần về làng xây dựng cơ sở bí mật, chú Ba bị địch phục kích, hy sinh.

Chú Sáu Cồn trầm tĩnh, hiền lành là thế, nghe tin chú Ba Cồn hy sinh, khóc liến mấy ngày rồi lên đường tòng quân trả thù anh, đến nợ nước trong một đêm mưa tầm tã. Lần này bọn mật vụ không đến nhà tôi lùng sục. Chúng bắt bà nội tôi đưa về trụ sở xã giam giữ, khảo tra cả tuần, không khai thác được điều gì mới gọi cha tôi đến đưa về.

Chú Ba hy sinh. Chú Sáu thoát ly. Con thuyền gia đình, cha tôi phải cầm lái. Mẹ càng bận bịu hơn việc đồng áng. Nếu không nhờ cô Năm chăm sóc bà nội, phụ giúp việc nhà, có lẽ mẹ không cày đáng nổi phận làm dâu.

2.

Hồi đó, ở xóm dưới có một thanh niên nhà giàu, đẹp trai, lịch thiệp và có năng khiếu điêu khắc. Người ấy tên là Lâm. Chú Lâm chưa từng học qua lớp điêu khắc nào, bỗng dưng làm cho mọi người đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chú mua sắt về làm cốt, lấy đất thịt đắp thành tượng thiếu nữ trong sân vườn. Lâm mái che tượng bằng rạ có dáng hình cột nầm. Mọi người lần lượt đến xem tượng thiếu nữ mặc áo dài đứng nghiêng nghiêng, một tay vuốt tóc, một tay đặt trên ngực thật duyên dáng và sống động. Người ta xem tượng, mỗi người có một cách cảm nhận khác nhau. Khổ nỗi nhiều người quả quyết rằng chú Lâm nặn tượng cô Tuyết (cô Năm tôi). Mỗi lần ra đường, người ta chọc ghẹo cô Năm điều này thứ nọ. Cô Năm không đủ can đảm đến nhà chú Lâm xem tượng. Có nhờ tôi đi xem với lời hứa chắc như đinh đóng cột: "Út đi xem tượng về cho cô biết pho



Minh họa của ĐỖ DỪNG

LÊ HÀO

Mười mấy năm rồi

Gió thổi thốc vào bụi cà
ngày lắng xuống chân đồi trơ trọi
eo óc lợn gà
khô khốc lưng trời mây trắng mù che kỷ ức

Mười mấy năm trời bên nương khoai
đất rừng nghiêng nghiêng
bạc sờn triển dốc

Mà nhớ lắm ngày anh xa, làng buồn hiu bên khóm núi
mà nhớ lắm ngày theo chồng, chị gần gũi nhìn đất đỏ
chất lòng mẹ, bát chè xanh
lay phay mưa, sứt sùi tuổi khóc

Mười mấy năm trời sương xuống bạc phếch lòng cha
gió thốc vào bụi sim
vỡ vật bóng tre già
lả đổ như chiều tuôn nước mắt

Cứ thốc vào ngày e ấp
thốc vào cánh vồng rừng xa ngày cha đánh giặc
bụi đường Trường Sơn, bây giờ bùn đỏ
loang lổ núi rừng gió tập

Mười mấy năm rồi...
anh xa, chị xa
con nai rừng không về uống nước suối làng
cứ chiều chiều ngồi trông phương ấy
nắng phía chân trời, mưa xuống bên nương.



NGUYỄN MINH KHIÊM

Thả nển dòng Thạch Hãn

Thả nển nển xuống dòng Thạch Hãn
Các anh có thể nhận ra phía cửa mẹ ngồi
Bữa cơm tối mẹ vẫn chưa cầm đũa
Không biết khi nào vật áo ngọt mưa rồi!

Thả nển nển xuống dòng Thạch Hãn
Để đường thôn sáng nắng các anh về
Tiếng hát làng khời đi vòng tâm chấn
Hương khói chạm vào những khúc ruột xa quê!

Thả nển nển xuống dòng Thạch Hãn
Để các anh soi thấu những bóng hồng
Hơn bốn mươi năm ướp hương làm muối
Được một lần dâng dĩa mặt sông!

Thả nển nển xuống dòng Thạch Hãn
Ba Mươi tháng Tư, Đất Nước đã yên bình
Bao nhiêu chuyến tàu về đây thấp nển
Thả xuống dòng sông để đoàn tụ gia đình.

ĐINH ĐỨC CƯỜNG

Viếng mộ Đại Tướng

Kính dâng lên hương hồn đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Sáng đảo Yến bình minh mờ trên sông
Con về đây viếng đại tướng hôm nay
Gió Đông lạnh rừng cây xào xạc lá
Ôi miền Trung thương lắm mảnh đất gầy
Bác nằm đó, nơi đầu sông, gió
Còn tấm thân đem gửi lại nơi đây
Như người lính cả cuộc đời vẫn thế,
Nơi tiền tiêu đứng gác dưới trời mây.
Ngân bão giông, ngân quân thù nhòe ngó.
Giữ yên xanh biển, đảo, đất này.
Dưới núi Chùa từng đoàn người lặng lẽ
Khói hương, trầm vương vấn gió heo may.
Quanh mộ Bác hoa Cúc vàng rực rỡ,
Như ánh sao trên lá Quốc kỳ này
VÕ NGUYỄN GIÁP Bác thành huyền thoại
Hóa thân mình cho đất nước hôm nay.!

TRƯƠNG QUANG KHIÊN

Vĩnh Yên ngày cũ

Vĩnh Yên yên ả
mọi thanh bình đều dừng ở phía bên kia
mọi dữ dội đều dừng ở phía bên kia
chân núi Trống
xoải dài qua Tam Lộng
Kịp nghĩ một trận đánh
bao người không về nữa
một trận thắng
bao người phải ra đi
những gì giả thật
vui sầu theo nếp cũ không về

Đồi Cao cao lên,
Vĩnh Yên cao lên
mặt hồ mơ mộng

Ôi mỗi sáng mai gặp gương mặt phố phường
dòng người chảy về miền công nghiệp
gói phong ba bạo liệt
Vĩnh Yên thu thả trận mưa xuân.

TRẦN VĂN GIÃ

Mẹ tôi như bóng cau gầy

Từ ngày mẹ bỏ con đi
Hư không lạnh buốt còn chi lửa hồng
Mẹ đi vào cõi mệnh mỏng
Con về tiễn mẹ đắng lòng mẹ ơi
Thời gian mẹ sống trên đời
Trải qua đau khổ suốt thời đạn bom
Cong cong đòn gánh lưng khòm
Tảo tần để có chén cơm vui đầy

Mẹ tôi như bóng cau gầy
Nhờ con đưa ở nơi này nơi kia
Đứng nhìn đèo Cả đá Bia
Rừng cao biển rộng không chia cách lòng
Ngậm ngùi trong gió Tu Bông
Khán tang tiễn mẹ trắng đống chiều nay.

tượng ấy có giống cô không, cô sẽ đúc bánh bô cho cháu ăn thả đàn". Nghe nói tới bánh bô nóng, tôi nháy cẳng lên reo hò: "Cô Năm nói nhớ giữ lời với út nghe. Con đi ngay đây". Trong xóm, tôi chạy bộ chỉ thua thằng Cò. Tôi chạy chân đất, hai bàn tay nắm lại đưa về phía trước. Tay phải vận như vận tay ga xe máy, miệng rú lên ưyn!... ưyn!... Tay trái thì thoải bốp còi miệng toét!... toét!... Đây là những lúc gặp mấy ông già, bà già, cô gái đi bộ trên đường. Người ta giật mình, phát hiện ra tôi, máng mỗ: "Cái thằng út Đức xe với còi" hoặc là "Đồ vịt đục lăm ỏn ào xóm làng!"... Nói gì kệ họ. Tôi vô ga, tăng tốc chạy một mạch tới trước ngõ nhà chú Lâm cho "tắt máy", rón rén vào sân. Chú Lâm vừa thấy tôi đã kêu toáng lên: "Út! Cháu vào đây chơi với chú". Tôi thấy người nhẹ hòm. Từ lâu tôi biết chú Lâm quý mến tôi qua cử chỉ, lời nói ấm áp (khi ấy tôi chưa đủ khôn để hiểu rằng chú Lâm quý tôi còn vì một lý do khác nữa). Khu vườn nhà chú Lâm rộng mát, trồng nhiều cam, bưởi... Tôi chăm chăm nhìn pho tượng một hồi, rồi "nổ máy", rồ ga chạy bay ra đường, quên bưng chào chú Lâm.

Cô Năm ngồi thêu đan, mắt chong ra ngõ. Tôi vừa thấy cô, liền bật cười toét toét: "Giống y chang cô ơi". Cô Năm dừng tay nhìn tôi không chớp: "Xạo! Cô bằng xương bằng thịt, còn tượng bằng đất, bằng cát giống thế nào được". Tôi đỏ quau: "Cô hồng tin út thì xuống dưới đấy mà coi". Cô Năm biết tôi nói thật. Mặt cô chợt ửng hồng, nở nụ cười thật dễ thương: "Cô giỡn với con, chứ cô không tin út thì còn tin ai!". Tôi cúi đầu vào ngực cô, ẻo ẻo: "Cô nhớ đúc bánh bô nha!". Cô Năm cười rạng ngời: "Chớ con tham ăn đừng lo. Cô chuẩn bị các thứ rồi".

Khác với chú Ba Cỏn, cô Năm Tuyết rất

kin đáo trong chuyện yêu đương. Chuyện chú Lâm nặn tượng cô Năm để tỏ tình thật lãng mạn làm cô xúc động. Biết vậy, cô Năm vẫn giận chú. Tình cờ tôi nghe cuộc đối thoại của hai người ở dưới bếp: "Anh có biết người ta đùa cợt em như thế nào khi xem tượng không?"... "Anh biết lỗi rồi. Đừng giận anh nữa nhé!"...

Hôm trước gia đình chú Lâm đi đám ngõ cô Năm. Hôm sau xe jíp chở mặt vụ và cảnh sát đã chiếm áp tới nhà tìm bắt cô Năm. Thật lạ lùng. Bữa đó, tôi cứ ngỡ cô Năm đi cấy khuya. Cô Năm nhận lời cầu hôn của chú Lâm, vậy mà...

Bà nội, cha mẹ tôi, chú Lâm đều không biết cô Năm làm cơ sở cách mạng. Tôi ăn chưa no lo chưa tới làm sao biết được việc làm của người lớn. Mạng lưới an ninh dày đặc không bủa vây được cô tôi. Chúng tức tối, điên cuồng lại bắt bà nội, lại thất bại chưa cay.

Chú Lâm nghe tôi đối cách xưng hô, gọi chú bằng dương Năm từ lúc đám ngõ, mỗi lần gặp tôi, dương ồm vào lòng: "Chắc út thương nhớ cô Năm nhiều lắm hả?". Tôi nhìn dương Năm, gật đầu, không nói. Nước mắt đầm bờ mi. Dương Năm quay mặt đi. Tôi biết dương vô cùng đau khổ khi xa cách cô Năm.

Đêm đêm tiếng súng vọng về. Bà nội tựa mình thao thức. Cha tôi đốt thuốc lá liên tay. Mẹ thức thòm mỗi lần nghe chó sủa. Tôi co quắp, hải hùng vì tiếng gió rít ngoài cửa sổ. Đêm đen. Ngày dật dờ. Không khí chiến tranh bao trùm tang tóc. Chiều. Từ ba giờ. Nhà nhà vội vàng cơm nước. Vội vàng mang va ly, gióng thùng, gạo thóc, xoong nồi ra thêm. Khóa cửa. Và tiếng súng nổ. Tiếng kêu gào. Túc thì trên đường làng dòng người hốt hải chạy chung với trâu bò, xe cộ. Tôi lóng cồng chạy theo mẹ đang gồng gánh. Cha chở bà nội bằng xe đạp.

Vô số những buổi chiều tiếng súng, tiếng kêu la, tiếng chân người lập đi, lập lại đáng sợ và nhàm chán, đau thương và vô vị.

Rồi một sáng. Buổi sáng mà suốt cuộc đời tôi không thể nào quên. Mọi người lảng giếng tụ tập, xầm xì trước ngõ nhà tôi. Cô Bốn Luyến (người em kế chú Ba Cỏn) mặt đỏ hoe, tất tả xộc vào sân, kéo mẹ vào nhà thì thầm. Gương mặt mẹ tái nhợt, quày quả ra vườn tìm cha. Mẹ khóc. Cha bấn loạn. Tôi nồn nao. Khi cha mẹ chấp chới bước ra ngõ cùng cô Bốn, tôi vùng chạy theo. Mẹ tức tưởi: "Con ở nhà chăm sóc nội. Không được ra đường!". Tích tắc, thằng Ngự áo thun, quần đùi tổng ngổng tạt vào nhà tôi, ghé tai nói nhỏ: "Cô Năm này bị lính bắn chết ngoài sông!". Tôi điếng người, quên phứt lời mẹ dặn, tốc học chạy thẳng ra sông. Đồng trơ gốc rạ. Những gié lúa nhỏ nhoi, non nớt nhú lên hừng lầy sương mai sau cơn mưa phá hậu. Những bờ ruộng bị sạt lở sau mùa gặt làm bàn chân tôi chạm lại. Bên bờ sông cạnh lũy tre một nhóm người ngơ ngác. Cách đây không xa là bọn lính đi đi, lại lại bên xác người nằm sóng soài. Chúng có vẻ đắc ý, cười nói hể hả.

Tôi nghệt thở, xầm xầm tiến về phía bọn lính. Ngay khi ấy có một bàn tay chụp lấy bờ vai tôi giữ chặt: "Út bình tĩnh. Cháu đến đó bọn lính sẽ bắt đưa đi". Tôi ngoái đầu nhìn ra phía sau, nấc lên: "Dương Năm ơi! Có phải cô Năm...?". Dương Năm gật đầu, nhìn tôi, đôi mắt như có lửa.

Đội bọn lính rút lui. Xế chiều. Cha mẹ tôi, cô Bốn, dương Năm và một số cụ già trong xóm âm thầm mai táng cô tôi bên gò đất soi ven sông không cờ, không trống, không dám khóc lớn tiếng. Bàn thờ cô Năm ở nhà dưới không dám đặt di ảnh.

Cô Năm hy sinh chưa tròn tháng. Dương Năm và một số trai làng bí mật lên chiến khu.

3.

Đến cuối năm 1975 bà nội tôi mới biết chú Sáu Cần hy sinh ở Quảng Trị. Nỗi đau đã vón thành cục trong trái tim nhân hậu của bà. Nội không còn nước mắt để khóc con. Cha tôi và cô Bốn là chỗ dựa của nội. Tôi là niềm vui thấp sáng mỗi lần nội suy tư, buồn bã. Chỉ có dương Năm là lạnh lặn trở về sau cuộc chiến tàn khốc. Bộ quân phục màu cỏ úa. Hàm thiếu tá. Mũ cối đỉnh sao vàng lấp lánh. Vóc dáng cao ráo, săn chắc. Màu da phong trần. Đôi mắt sáng quắc. Dương Năm là hiện thân của một người lính giải phóng phảng phất chút nghệ sỹ tài hoa. Nhà tôi là điểm dừng chân đầu tiên của dương sau bao năm dài xa quê hương. Nội đứng nhìn trân trối. Tôi ngỡ ngỡ. Chao ôi! Khi người đàn ông nở nụ cười là tôi ào tới. Tôi chưa bao giờ quên nụ cười biết nói của dương: "Nội ơi! Dương Năm về... r...ồ...ồ...!!!". Bà nội chồm tới ôm chặt dương Năm. Tiếng khóc của nội khô khốc. Nước mắt của nội như những viên thủy tinh: "Con về đây, còn con Tuyết...". Dương Năm cắn chặt vành môi rớm máu: "Mẹ! Con nhớ mẹ... Con mãi mãi là con rể mẹ...". Dưới đáy chiếc ba lô bạc phếch của dương Năm là ảnh chân dung khắc gỗ. Cô Năm hiện ra thời con gái xinh đẹp và thùy mị. Tôi nhói lòng nhớ lại ngày trước cô Năm hy sinh, gia đình tôi không dám thờ di ảnh.

Sau này dương Năm còn nặn tượng bán thân của cô Năm và những đồng đội thân yêu của dương đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chưa tìm được hài cốt. Dương xây một gian phòng thờ đồng đội. Tượng cô Năm đặt đối diện với cửa chính. Có lẽ dương Năm muốn mỗi ngày thức dậy dương nhìn thấy hình ảnh của người mà mình yêu thương, nhưng nhớ.■

CÂU CHUYỆN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bút ký của VŨ THỊ TUYẾT MÂY

Từ quốc lộ số 5 rẽ sang cầu Hiệp Thượng vào thị trấn Kinh Môn, đi thêm một chặng đường hơi quanh co, bỏ qua nhiều vườn xanh, núi đỏ, nhà máy, công trường, đến chân cầu Hoàng Thạch bắc qua con sông Đá Bạch là khuôn viên của Công ty xi măng Hoàng Thạch (Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch), một trong những vị đơn vị sản xuất xi măng lớn nhất cả nước và khu vực Đông Nam Á sau giải phóng miền Nam; đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Kinh Môn là một vùng quê bán sơn địa được bao bọc bởi bốn con sông: Đá Vách, Kinh Thầy, Kinh Môn và Hàn Mầu. Sông Kinh Thầy đầm thắm sắc đỏ phù sa, các sông Kinh Môn, Đá Vách và Hàn Mầu bằng bạc màu đá, dát dào vỗ sóng. Kinh Môn còn có rất nhiều con suối len lỏi trong đá, trong đất, nước trong mát quanh năm, một trong những con suối ấy đã trở thành niềm tự hào của người dân bản địa bằng câu ca: "Người xấu như ma tắm nước giếng Ngà cũng đẹp như tiên", có giả nửa diện tích là núi đồi, nổi bật là dãy núi đất cắt ngang huyện nằm trong hệ thống vòng cung Đông Triều, Quảng Ninh làm thành xương sống của cả huyện, cùng nhiều núi đá vôi, đá sét dẹt lên huyền thoại: xa xưa từng có hàng ngàn con chiến mã trắng trắn từ phương Bắc về đến đây thấy cảnh trí thơ mộng, đất đai thoáng đãng bèn phủ phục xuống nghỉ chân rồi hoá đá. Người ta nhìn thấy cái khác biệt của núi non ở Kinh Môn ngoài trữ lượng khoáng sản còn trầm tích những giá trị lịch sử, văn hóa (đến Cao An thờ thần phụ Hưng Đạo đại Vương Trần Quốc Tuấn, động Kính Chủ, một danh lam thắng cảnh nổi tiếng cả nước...); và người ta còn nhận thấy tất cả núi đồi ở Kinh Môn đều nhô ra phía biển.

Nhà máy xi măng Hoàng Thạch, tiền thân của Công ty xi măng Hoàng Thạch bây giờ đặt trên mảnh đất nguyên là đất làng Hoàng Thạch thuộc xã Minh Tân, một trong 5 xã thuộc khu "đảo Nhị Chiểu", nằm chênh vênh phía tây bắc của huyện Kinh Môn. Gọi là đảo vì khi xưa vào được nơi này người ta chỉ có thể đi bằng đò, bởi bốn phía sông bao bọc, bao nhiêu nhất là hai con sông Kinh Thầy và Đá Bạch, sông Đá Bạch án ngữ phía tây bắc giáp với đất Mạo Khê của huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh, sông Kinh Thầy ôm một nửa về phía đông làng Hoàng Thạch. Những con sông cứ len lỏi mãi miết đi hết một vòng núi non trùng điệp lẫn đồng bằng rồi mới đổ ra biển, tạo nên một vùng non xanh, nước biếc thơ mộng.

Ngày tôi đặt chân vào Hoàng Thạch là đầu mùa hè nước cạn dòng, con sông Kinh Thầy phơi những thảm cỏ xanh biếc giữa dòng phù sa đỏ thẫm tràn ngập nắng, mơ mơ khói sương, vẽ lên một bức tranh lung linh giữa đôi bờ hồi hã những than, đá, sắt thép và xi măng lên xuống. Giữa dòng phù sa ấy hàng trăm tàu thuyền đâm mình xuôi ngược xen với những thuyền câu, thuyền lưới, thuyền chài thông dong. Người bản địa giải thích, hàng hoá trên các con tàu bịt bùng kia chủ yếu là xi măng, than, đá và gạo, củi. Nhìn sâu vào khu vực sản xuất đồ sộ những băng chuyền, si lô, ống khói xen lẫn cây xanh và hoa, gam chủ lực của hoa là băng láng phơn phớt tím, rồi thắm thiết của anh đào, mẫu đơn, đến cháy hết mình của phượng vĩ... làm góc trời Hoàng Thạch sáng trong hơn.

Trong Văn phòng Công ty, Tổng Giám đốc Đào Ngọc Bình, người từ những ngày đầu bắt tay vào gạt bỏ lau lách quá đầu người, san tằm đất đá xám ngắt, làm nền móng cho nhà máy xi măng vững chãi bây giờ, và anh cũng đã trải qua nhiều vị trí cùng với quá trình đi lên từ Nhà máy xi măng một dây chuyền sản xuất công nghệ hoàn toàn của Đan Mạch, giới thiệu với chúng tôi: Phục vụ công cuộc kiến thiết đất nước, ngày 15 tháng 11 năm 1976 Thủ tướng Chính phủ ra chỉ thị số 448/TTg về việc "xây dựng Nhà máy xi măng Hoàng Thạch"; Ngày 15 tháng 12 năm 1976, Phó Thủ tướng Chính phủ Đỗ Mười chính thức ký Quyết định số 474/TTg cho phép xây dựng Nhà máy xi măng Hoàng Thạch với quy mô 3 dây chuyền sản xuất, sản phẩm 4.1 triệu tấn xi măng vào giai đoạn hoàn thành như bây giờ, có sự giúp đỡ của Chính phủ Đan Mạch về chuyên gia và kỹ thuật. Khuôn viên của Nhà máy quy hoạch trên hai khu đất chính: khu sản xuất (50 ha cùng diện tích núi đá) đặt trên quả đồi thuộc làng Hoàng Thạch, nằm về phía hữu ngạn sông Đá Bạch thuận lợi cho việc khai thác và chế biến; khu thành phẩm (12,5 ha) ở về phía tả ngạn sông Đá Bạch thuộc đất làng Vĩnh Tuy, thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sản xuất đi liền với bao tiêu, có được cơ ngơi có tầm như ngày nay đối với cán bộ công nhân Công ty là cả một câu chuyện mang tính huyền thoại: Làm sao giữ được ổn định mức sản xuất? Làm sao cùng đồng hành tiêu thụ hết sản lượng đồ sộ mới về khoa học - kỹ thuật, vừa phải nhanh nhạy với thị trường, sao cho sản xuất tăng mà sản phẩm không tồn đọng, giá cả trượt mà đời sống công nhân vẫn đảm bảo, tăng số lượng nhưng chất lượng vẫn phải được coi trọng hàng đầu,

để trong suy nghĩ của người tiêu dùng thương hiệu xi măng Hoàng Thạch vẫn phải là: "đá vàng" và "mạnh như sư tử".

Câu chuyện của người đứng đầu tổng Công ty lãnh đạo gần 3 ngàn cán bộ, kỹ sư, công nhân và thợ lành nghề hoàn toàn làm chủ thiết bị, máy móc, thị trường đã thân thuộc đến từng tiếng động cơ của mỗi xưởng máy và dự đoán được cả khả năng tiêu thụ sản phẩm của của Công ty ra thị trường trong từng giai đoạn, người ra quyết định kết nghĩa giữa Công ty xi măng Hoàng Thạch với đồn điền phòng Lũng Cú thuộc tỉnh Hà Giang, rồi đưa xi măng Hoàng Thạch lên làm đoạn đường bê tông từ chân núi lên đỉnh cột cờ Lũng Cú khiến tôi xúc động muốn được tường tận phần nào nhịp độ sản xuất và cả ý chí, bản lĩnh của những người sản xuất và tiêu thụ xi măng trong những chặng đường đi lên cùng cả nước, quê hương. Theo xuất của chúng tôi, Tổng Giám đốc Đào Ngọc Bình rất vui, anh bảo: "Muốn hiểu đầy đủ về nghề làm xi măng phải xuống xưởng Lò nung, đó chính là trái tim của cả dây chuyền sản xuất". Tôi tìm được một góc riêng, đủ để đưa tấm mắt bao quát từng phần của khu xưởng Lò nung: một cái "ống bằng thép" khổng lồ màu nâu đỏ chạy dài trên cao đang quay đều, theo nhịp quay của ống là tiếng ào ào dội vào không gian đến đến, âm thanh của các thiết bị toàn sắt thép nặng hàng trăm tấn, anh em công nhân bảo: đấy là "máy hát", cái máy này đã hát "khúc độc hành" thế này đã mấy mươi năm. Anh cán bộ Văn phòng Công ty giải thích cho chúng tôi tường tận đến từng chi tiết:

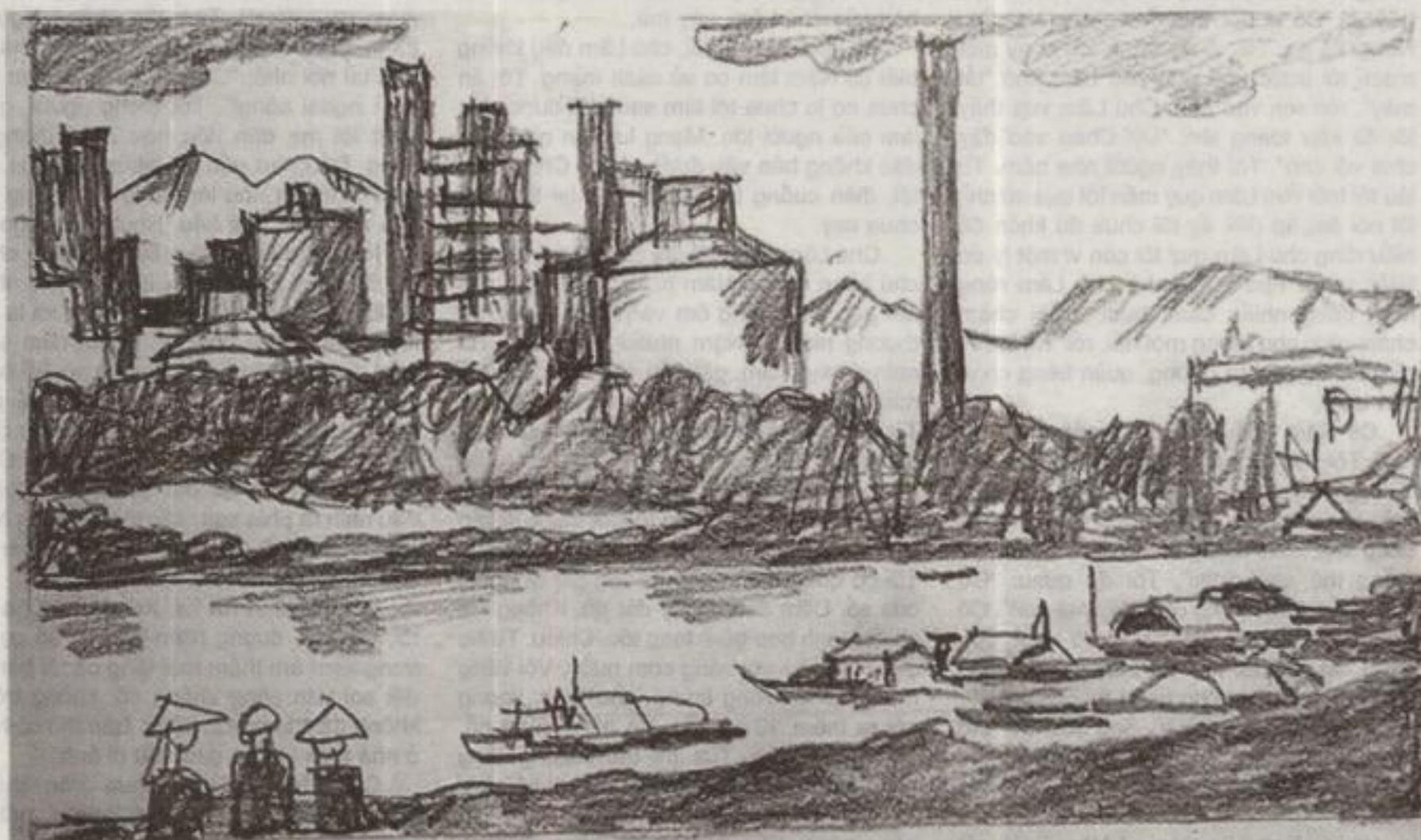
Ống thép khổng lồ kia là lò nung, chiều dài những 89 mét, đường kính là 5,5 mét đang trong quá trình nung sản phẩm! Nhiệt độ trong lò lúc nào cũng ở năm 1.450 độ C, đủ làm cho bột Clinher (đá nghiền và phụ gia) nóng chảy thành dòng nhám thạch; còn nhiệt độ vỏ lò 350 độ! nhiệt độ bức xạ cách vỏ lò 5 mét cũng phải vào 90 độ. Chỗ chúng ta đang đứng đây không dưới 50 độ C. Điều đặc biệt là lò nung không bao giờ được ngưng nghỉ,

trừ khi phải sửa chữa!

Trong gian phòng thường trực khá rộng dành một nửa chất chống những thùng, chai nước khoáng lấy từ lòng đất Quảng Ninh dành cho những người làm công việc vất vả nhiều mồ hôi. Phó quản đốc xưởng Lò nung Tạ Văn Mạn giải thích: "Chỉ có loại nước này mới bù đắp được lượng nước và muối trong cơ thể do nhiệt độ của lò lấy đi của những người làm việc trong xưởng lò".

Anh Mạn năm nay ngoài 50 tuổi, là một trong những người có mặt đầu tiên ở Công ty. Anh chứng minh sự hiện diện sớm nhất của anh bằng những dấu chứng khá cụ thể như anh từng dọn cỏ, thu gom rác trên khu đồi vốn là nơi sinh sống của bà con dân làng Hoàng Thạch vừa chuyển đi, nhường chỗ cho Nhà máy, rồi đến việc dọn vệ sinh đường lò khi công việc xây dựng lò nung vừa hoàn tất; tiếp đến là vận hành cấp liệu, vận hành nghiền than, vận hành lò... cho đến ngày anh tốt nghiệp đại học Bách Khoa, rồi được đề bạt chức Phó quản đốc, phụ trách điều hành sản xuất của xưởng Lò nung, thế là anh đã có tới vài chục năm gắn bó với đất, đá, than và củi lửa. Lửa gắn bó với cuộc đời anh như máu với thịt, bởi xưởng Lò nung chiếm vị trí trung tâm của cả dây truyền sản xuất xi măng. Lò nung quản lý toàn bộ tài sản và vận hành máy móc, thiết bị của hai công đoạn: lò nung và nghiền than của cả dây chuyền sản xuất. Hiện tại Công ty có gần 3 ngàn người thì xưởng Lò nung đã chiếm một đội ngũ gần 200 cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề, chia làm bốn ca vận hành tuần tự, một ca cơ khí. Vì vai trò của nó mà cán bộ công nhân của xưởng Lò nung tự hào rằng: Nếu ví toàn bộ dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty là một cơ thể sống, thì xưởng Lò nung chính là "trái tim" của cơ thể ấy, trái tim ngừng đập, cả cơ thể sẽ không còn sức sống, đó là câu nói không ngoa.

Ở xưởng Lò nung, hệ thống trao đổi nhiệt thực hiện trong 5 tầng, còn quá trình vận hành từ nguyên liệu chuyển thành clinker phải đi qua hệ thống cyclon



(trao đổi nhiệt) 5 tầng, nhiên liệu cung cấp vào lò nung là than cám đã nghiền nhỏ theo quy chuẩn, là chất rất dễ bám, bụi và kết dính trong quá trình chuyển động trong lò. Để đảm bảo lò nung và hệ thống dẫn nguyên liệu hoạt động thông thoáng, liên tục mà không bị nguyên liệu dính bám vào thành ống gây ách tắc, đòi hỏi hệ thống trao đổi nhiệt luôn luôn thoáng, vì vậy công việc làm vệ sinh hệ thống ống trao đổi nhiệt phải thực hiện đồng thời với hoạt động của lò, quá trình làm vệ sinh chỉ được thao tác trực tiếp bằng bàn tay con người, thông qua những thiết bị như que chọc, ống thổi chuyên dùng của ngành công nghiệp xi măng. Trong quá trình thực thi, gặp trường hợp áp suất lò thay đổi đột ngột, hoặc một sự cố nào đó nhiệt phụt trở lại gây nguy hiểm rất dễ xảy ra. Rồi hệ thống nghiền, đốt than cũng chứa đầy hiểm họa, một phút lơ là có thể tai họa là không lường trước được. Do đặc thù của Lò nung mà cán bộ công nhân làm việc ở xưởng lò đều phải tự xác định cho mình không thể lơ là, phải đảm bảo an toàn một cách tuyệt đối cho sức khỏe người lao động và thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

Tôi đưa ra lời nhận xét theo cảm nhận ban đầu:

- Nhưng nhìn gương mặt và thể lực của các anh tôi thấy ai cũng khỏe và tươi tắn?

- Chúng tôi truyền nhiệt cho nhau! Anh Mạn cười sau một câu khẳng định khá nhanh - Nói cho vui, nhưng có một sự thực, đã vào đây ai cũng một lòng, một dạ với chuyên môn. Sau lớp chúng tôi đã có thêm một số lớp người khác kế tục. Hiện tại Lò nung đã có rất nhiều người trẻ cả về tuổi đời và tuổi nghề, trình độ kỹ thuật cũng cao hơn, người trẻ nhất là lớp mới được tuyển dụng 6 tháng, về tinh thần thì trẻ hay già ai nấy đều yêu nghề, tận tụy với công việc, ví như cậu Sơn này (Anh Mạn chỉ vào một cậu ngồi đang làm một số công việc trong phòng trực), đó là kỹ sư Khúc Giang Sơn. Khúc Giang Sơn sống ở thành phố Hải Dương, tốt nghiệp đại học ngành silicat được nhận vào làm việc ở xưởng Lò nung. Anh có vóc người nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn, từ gương mặt đến ánh mắt vừa hồn nhiên, vừa dễ thân thiện. Nghe anh Mạn kể, ngày đầu tiên vào nhận việc, Sơn tung tăng chạy một mạch lên tới tận tầng 9 của lò, ra đứng ngoài lan can không cần tay vịn, làm mọi người một phen hú vía. Giờ cậu đã chứng chạc hẳn lên, giao việc nào cũng hoàn thành khá nhanh mà đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Được các anh lãnh đạo phân công, Sơn dẫn tôi đi thăm dây chuyền 2 hiện đang tạm nghỉ để bảo dưỡng.

Trên chặng đường leo cầu thang và băng qua các khu vực sản xuất, Sơn hào hứng giới thiệu về chức năng của từng bộ phận kỹ thuật trong xưởng Lò nung, hưng phấn câu giờ giới thiệu luôn cả tên những kỹ sư, thợ lành nghề, công nhân đang mải mê làm việc chúng tôi gặp trên đường đi, mà tôi thì chẳng nhìn được thấy mặt bởi lúc ấy tất cả đều kín mít khẩu, mũ, bao tay, quần áo bảo hộ, giày, tất, thậm chí cả kính nhà nghề, tất cả đều rất dày và rộng. Sơn chỉ vào ống dẫn nguyên liệu: "Nếu phát hiện chỗ nào phía bên trong thành ống dẫn bị dính bám, người ta chỉ được phép mở một lỗ nhỏ gần chỗ bụi dính bám vừa bằng diện tích của cái que để chọc hoặc thổi, rộng hơn một tí thôi dòng nam thạch sẽ tự xuống không biết được độ nguy hiểm sẽ đến đâu? Bây giờ chỗ chúng ta đang đứng đây nếu hôm nay không phải là ngày ngừng hoạt động để bảo dưỡng lò, thì nhiệt độ cũng khá cao và công nhân vẫn cứ làm việc bình thường".

Chúng tôi lên đứng trên mặt sàn

tầng thứ 9, tầng cao nhất của xưởng Lò nung, Sơn quay lại đưa mắt nhìn tôi cười có vẻ như cậu rất tự hào với tầm cỡ của một cơ ngơi cậu cùng đồng nghiệp đang là chủ nhân. Tôi chọn một điểm thích hợp đứng cho chắc chắn, thả tầm mắt ra xa rồi lại nhìn xuống dưới chân lò. Xa xa những ngọn núi lơ lửng, ngọn núi nào cũng xanh và cũng như nhô ra phía biển. Dưới kia, nhà cửa, công trình xen vào những khuôn viên cây xanh thu vào trong mắt tôi chỉ còn nhỏ xiu, khuôn viên Công ty xi măng Hoàng Thạch như một điểm nhấn giữa thiên nhiên đủ sắc màu, sông Kinh Thầy, sông Đá Bạch chảy quanh co dưới chân ống khói sừng sững chaoát hết một khoảng trời. Sơn chỉ vào những sợi khói trắng mờ lãng đãng trên đỉnh chót của ống khói khẳng định: "Hơi nước đấy, do có hệ thống lọc bụi tĩnh điện mà bụi đã bị đẩy xuống đáy lọc bụi ở phía dưới tới 99%. Rồi cậu quay sang phía tôi cười hãnh diện: "Nếu không lên đến đây tôi cũng không thể hình dung nổi tầm vóc của thiết bị máy móc ở đây lớn mức nào?"

Tôi quay sang hỏi Sơn: Thế còn các xưởng khác? Cũng hoành tráng thế này chứ? Cậu rành mạch: Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Thạch gồm nhiều xưởng: Khai thác, Nguyên liệu, Lò nung, Xi măng và Đóng bao, mà rất tự nhiên, ở đâu đằng kia khu nhà xưởng có màu hơi xanh xanh là xưởng Nguyên liệu đấy, tự nó mang màu của bột đá sét; chỗ này là xưởng Lò nung thì vật nào cũng khoác trên mình màu đỏ, màu đỏ do nhiệt luyện lâu ngày mà thành; còn phía cuối kia là xưởng đóng bao sản phẩm thì có màu ghi sáng, đấy là những hạt xi măng ngưng đọng. Lúc ấy không hiểu sao tôi nhận ra cậu già dặn hẳn lên, không còn đâu cái bóng dáng cậu thanh niên nhỏ nhắn tông tốc chạy một mạch lên tận tầng chín ngày nào.

Trở lại điểm giao ca giữa 1/c anh Mạn và các cộng sự của anh, trong xưởng Lò nung đang làm cuộc bàn giao công việc, tôi nhìn vào chiếc bảng ghi kế hoạch sản xuất của cả Xưởng lò, rồi đến từng ca đứng máy, chỉ chỉ những con số cho từng tuần, từng tháng và cả năm: sản lượng Clinke, số giờ chạy lò, năng suất trung bình, sự tăng, giảm, nguyên nhân vv và vv... Chỉ nhìn vào những con số ấy tôi đã biết, trí tuệ và sức lực con người còn cao hơn cả núi. Anh Mạn bảo: "Công việc của người sản xuất xi măng như dòng chảy không ngừng, người này vì lý do nào đó phải nghỉ, là lập tức có người khác vào thay, nhưng xi măng thì ngày nào cũng chảy".

Tháng ngày tuần tự trôi, biết bao việc đến rồi đi, nhưng kỉ niệm lần đến thăm Công ty xi măng Hoàng Thạch đã in đậm trong tôi về dòng Kinh Thầy đỏ sẫm phủ sa điểm những vầng cỏ xanh biêng biếc, về những ngọn gió cứ vì vút thổi qua những triền núi đá vôi, đá sét, về cái nắng rải vàng trên mặt cầu Hoàng Thạch, về những chiếc lá xanh đứng bên lò nung đỏ cả sắt thép mấy mươi năm vẫn xanh như những tấm áo xanh của những người thợ lò Công ty xi măng Hoàng Thạch chẳng khi nào vắng bóng trên lò nung cho dòng xi măng không ngừng tuôn chảy làm giàu, làm đẹp cho đất nước, quê hương. Và tôi cũng tin: một mai, khi ngành xây dựng cho ra những sản phẩm nào đấy thay cho xi măng thì trong tâm trí của nhân dân đất Việt vẫn không thể nào quên một thời đất nước lên những tầm cao mới là có một phần đóng góp của những người sản xuất xi măng Hoàng Thạch!

“KHI QUA TRUNG QUỐC, NHỚ GHÉ THĂM EM NHÉ”

Ngày 29-11-2013 vừa qua, dịch giả Vũ Phong Tạo đột ngột ra đi khiến nhiều người yêu văn chương bàng hoàng. Là một người tận tâm với nghề, ông luôn nhận được sự nể phục của bạn bè, bao gồm các nhà văn, dịch giả quốc tế. Từ Trung Quốc, giáo sư, dịch giả Chúc Ngưỡng Tu vừa gửi đến Tuần báo Văn nghệ lá thư sau, nguyên văn viết bằng tiếng Việt.

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ BÁO-DỊCH GIẢ VŨ PHONG TẠO

ANH Tạo kính mến của em ơi, Anh đi thật rồi ư? Khi nhận được tin dữ về Anh, em vô cùng thương tiếc. Mấy ngày đã qua, nhưng em vẫn chưa hết buồn.

Anh là người bạn tri kỷ, xứng đáng là người anh cả về tuổi tác lẫn học thức. Đời người mới kỳ bí làm sao! Có những người làm việc cùng cơ quan, sống cùng một chung cư và gần như ngày nào cũng gặp mặt nhau, thế mà vẫn cứ xử với nhau như người dưng, người qua đường, quen nhau mà không thân nhau; lại có những người tuy mới gặp mặt nhau vài ba lần mà đã trở thành đôi bạn thân thiết. Mỗi tình bạn sâu thẳm của anh em chúng ta thuộc trường hợp thứ hai, phải không Anh?

Em còn nhớ như in, trong Hội nghị Quốc tế giới thiệu văn học Việt Nam do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức vào đầu tháng 01-2010, anh em mình gặp nhau lần đầu trong cuộc Triển lãm thành quả giao lưu văn học quốc tế tại Thư viện Quốc gia Hà Nội. Khi đó, cầm trong tay tập tài liệu thu thập và tổng hợp các thông tin rất đầy đủ về tác phẩm văn học Việt Nam được giới thiệu tại Trung Quốc, Anh đã tìm đến em là người chuyển ngữ bộ ba tiểu thuyết *Ông cố vấn* của nhà văn Hữu Mai. Anh em ta đã chụp ảnh trước tủ kính có trưng bày bản thảo viết tay của em. Thế là ta đã trở thành đôi bạn rất thân từ hồi ấy. Quên sao được trong thời gian họp hội nghị, Anh đã giới thiệu cho em làm quen với khá nhiều nhà văn, nhà thơ Việt Nam. Đặc biệt, khi em đến hội trường gặp gỡ nhóm các nhà văn trẻ, Anh đã bố trí cho em "chen" vào chương trình cuộc họp để lên phát biểu trước.

Đầu tháng 2-2012, nhân dịp Liên hoan thơ Châu Á-Thái Bình Dương tổ chức tại Hà Nội, anh đã thuê xe đến tận khách sạn của em ở nội thành để đón em về quê Anh chơi. Anh em mình đã chụp ảnh lưu niệm dưới gốc cây xiêm tại sân nhà Anh. Thật không ngờ, chuyến thăm đó đã trở thành buổi chia tay vĩnh viễn!

Anh Tạo ơi, Anh là người rất hiền, có tấm lòng vô tư, cởi mở, sẵn sàng quan tâm giúp đỡ người khác. Các học sinh của em du học tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội đã xúc động kể lại câu chuyện Thấy Tạo đến ký túc xá thăm hỏi họ hồi tháng 4-2010. Như người cha hiền thấy giỏi, Anh đã ân cần căn dặn các em. Các học sinh của em sau này kể lại rằng họ đã học được nhiều điều bổ ích từ Thầy Tạo.

Với em, Anh thật sự là người "cố vấn" cho việc dịch văn học Việt Nam. Vì có Anh hỗ trợ, em đã tháo gỡ được nhiều điều nút rối trong dịch thuật. Không phải nói quá đáng, em coi Anh như "cuốn từ điển sống" giúp em hiểu được nhiều từ ngữ mà ngay cả cuốn từ điển tiếng Việt đầy đủ nhất, hoàn chỉnh nhất cũng không thể tra cứu được. Ví dụ như khi chuyển ngữ truyện ngắn *Chuyện bịa tạc* của nhà văn Nguyễn Bình Phương, em đã vướng phải một câu là "Anh nuôi con bốn chín, mấy hôm nay nó về. Ăn nó đĩa" mà có nghĩ đến nát óc cũng không hiểu mô tê gì cả. Ấy thế mà, sau khi nhận được thư "cứu cứu", Anh đã trả lời em bằng cả một bài viết, giải thích rất tỉ mỉ trò chơi đố trong dân gian Việt Nam và cho em biết thêm nhóm từ "Chơi đố ra đề mà ở", rồi cuối cùng gợi ý cho em: "...tùy anh dịch cho tương thích với các trò cờ bạc ở Trung Quốc, như vậy người đọc Trung Quốc sẽ dễ hiểu hơn".

Anh Tạo ơi, Anh có biết không, Anh đã nêu ra một nguyên tắc rất cơ bản và rất quan trọng trong công việc dịch thuật, đó là trên cơ sở hiểu đúng nguyên văn, người dịch phải dịch thật linh động và cố gắng "bản địa hóa" nội dung được dịch.

Anh ơi, Anh là dịch giả đa năng và siêng năng. Anh đã dịch rất nhiều tác phẩm văn học Trung Quốc ra tiếng Việt. Mọi người sẽ ghi nhớ công lao đóng góp của Anh vào việc giao lưu văn hóa giữa hai nước chúng ta. Ngày 21-09-2013, ngay sau Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức lễ ra mắt tạp chí *Nhà văn và tác phẩm*, Anh đã thông báo cho em biết sự kiện văn học quan trọng này, và nói "trong số 1 (9-10) 2013 ra mắt này, có Chùm 7 truyện cực ngắn hay nhất năm 2012 của Văn học Trung Quốc, do tôi chuyển ngữ."

Ngày 13-10-2013 vừa qua, em có báo tin cho Anh biết về bản dịch Truyện Kiều mới nhất đã được xuất bản tại Bắc Kinh. Ngay hôm sau em đã nhận được thư phản hồi của Anh. Anh nói "Tôi sẵn sàng đưa tin vui này trên báo chí Việt Nam.". Anh tỏ ý muốn biết e-mail của Giáo sư-dịch giả Triệu Ngọc Lan để có nhiều thông tin viết bài giới thiệu.

Vậy thì, sau khi mắc bệnh hiểm nghèo, Anh vẫn kiên trì chuyển ngữ nhiều tác phẩm văn học Trung Quốc. "Năng suất" của Anh rất cao, vượt xa nhiều dịch giả trẻ khỏe. Anh thật là tấm gương sáng sống già học già, sống già làm già.

Anh Tạo ơi, Anh luôn có tinh thần lạc quan, kiên cường, bền bỉ đấu tranh vật lộn với hai loại ung thư hiểm nghèo. Anh không kêu ca, không nản chí, thân nhiên chấp nhận bệnh tật. Ngày 1-08-2013, sau khi ra viện, Anh viết thư cho em, tỏ lòng quyết tâm sẽ "chiến đấu trường kỳ và không kém gian khổ, với sự phù hộ của Ông Trời!", coi việc dịch văn học và viết lách "là một biện pháp tốt để quên bệnh tật".

Anh Tạo ơi, Anh - một người đức độ, hiền lành lạc quan, yêu nghề - đã đi rồi! Sự ra đi của Anh là một tổn thất quá lớn không chỉ đối với gia đình, Giới văn học dịch Việt Nam mất đi một cây bút đầy kinh nghiệm và tâm huyết, em thì mất đi một người anh cả, một người bạn chí thân. Đau lòng quá, Anh ạ.

Anh Tạo ơi, Anh đi thật rồi. Anh không phải mệt nữa, không cần bận tâm gì nữa. Anh đã trở nên người vĩnh hằng. Hương hồn Anh sẽ được cưỡi trên mây, được bay theo gió, đi du lịch đâu đó trên thế giới. Khi qua Trung Quốc, nhớ ghé thăm em, Anh nhé!

Nam Kinh ngày 13/12/2013

CHÚC NGƯỠNG TU



TIẾNG VỌNG TỪ HAI BỜ ĐẠI DƯƠNG

(Tiếp theo trang 2)

Kevin và vợ cảm thấy như đang bơi trong đại dương bao la của tình bạn. Ông đã tìm đến với hội họa giống như một phương thuốc để điều trị bệnh mất trí nhớ sau khi bị tai nạn và cũng là để lấy thăng bằng trong những ngày tháng cô đơn, tuyệt vọng đến tận cùng. Và chính vợ ông, cũng là một họa sĩ, đã giúp ông làm điều đó. Một trong số những bức tranh đầu tiên đó, ông đã vẽ về những người bạn Việt Nam mà ông yêu quý, trân trọng. Ông vẽ họ bằng trí nhớ đang bị yếu ớt của mình và bằng những tấm ảnh. Có lẽ, nhiều người còn cảm thấy chưa hài lòng về chất lượng hội họa của những bức tranh, thế nhưng hội họa cũng giống như mọi ngành nghệ thuật khác, trong đó còn có cái tình của người nghệ sĩ. Tranh của Kevin đã toát lên được điều đó. Nói như nhà thơ Hữu Thỉnh thì tranh của Kevin là tranh ở ngoài tranh, bởi ông đã vẽ bằng chính trái tim của mình. Những bức tranh của ông đã mang đến cho người xem cảm xúc thật đặc biệt. Nó như một lời tâm tình. Nó phá bỏ mọi rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, tôn giáo để đưa con người lại gần nhau bằng hai chữ tình yêu. Nó đã kết nối số phận với số phận. Đối với ông, mỗi bức chân dung là một suy ngẫm về cuộc đời và công việc của các nhân vật trong tranh. Các văn nghệ sĩ Việt Nam mà Kevin đã vẽ chân dung sẽ không bao giờ già đi, họ vẫn luôn sung sức trong cuộc chiến đấu với cuộc sống hai mặt đầy cam go và bất trắc, cho dù thời gian cứ kéo họ đi một cách vội vã và tàn nhẫn. Với Kevin, tất cả các gương mặt đó chỉ là những góc cạnh trên một gương mặt, chỉ là một số phận trong một xã hội và trong một giai đoạn lịch sử. Trong buổi khai mạc triển lãm tranh hôm đó, các nhà thơ Mỹ và Việt Nam đã đọc thơ cho nhau nghe và nói những lời mộc mạc xuất phát từ con tim. Đó thực sự là một không gian của nghệ thuật và của

tình bạn. Và, cái triển lãm tranh đó được tổ chức cũng xuất phát từ tình bạn, do những người bạn văn chương Việt Nam đứng ra tổ chức cho Kevin. Tình bạn. Tình bạn. Tình bạn. Và tình bạn..... Tình bạn đó đã gây xúc động cho một mảnh thường quân đã đứng ra mua toàn bộ những bức chân dung các nhà văn Việt Nam để tặng lại cho Bảo tàng Hội Nhà văn Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động triển lãm tranh chân dung của nhà thơ Kevin, còn có buổi đối thoại giữa nhà thơ Matha Collins và nhà thơ Ngô Tự Lập nhân dịp nhà thơ Ngô Tự Lập ra tuyển tập "Những vì sao đen". Đây cũng là cuộc

gặp gỡ, đối thoại, thơ, do những người bạn đứng ra tổ chức. Cuộc gặp gỡ, đối thoại này cũng đã minh chứng cho tình bạn văn chương không có biên giới về địa lý, không có biên giới về tuổi tác chỉ đơn giản tình bạn đó xuất phát từ vẻ đẹp của thi ca và vẻ đẹp của tâm hồn.

Một năm sắp trôi qua, cũng không có gì nổi bật trong văn học. Một mùa đông đang đi vào những ngày giá rét lạnh cồng. Chuyến thăm Việt Nam của các nhà thơ Mỹ với tư cách là những người bạn dường như cũng làm cho lòng người ấm lên, cũng tạo nên một sự kiện văn hóa đáng để nhắc đến trong một năm. ■

T.V.L

Vợ chồng nhà văn Kevin Bowen và nhà văn Đỗ Chu, Bảo Ninh, hai người bạn ông đã vẽ chân dung.



TRIỂN LÃM NGỰA TRÊN NÚI

HOÀI NGỌC

Để chào đón năm Giáp Ngọ sắp tới, từ 20-12-2013, tại Nhà triển lãm 16 Ngô Quyền Hà Nội, họa sĩ Đỗ Đức sẽ trưng bày 51 bức tranh sơn dầu vẽ ngựa và những tranh phong cảnh có ngựa.

Họa sĩ nói về phòng tranh như sau:

"Ngựa trên núi không phải ngựa hoang. Đó là những con ngựa chia sẻ buồn vui, gánh vác công việc với con người. Con ngựa với người miền núi luôn là một thành tố trong gia đình. Trong bối cảnh mệnh mông trùng điệp của rừng núi, hình ảnh con ngựa chỉ li ti đốm nhỏ, trông thật mong manh, nhưng chính nó cùng con người đã làm nên hồn cốt núi rừng. Không ảm tĩ phở trương, ngựa lẫn vào sắc xanh của rừng của núi...Không hùng dũng khi thế như ngựa trong tranh Từ Bi Hồng hay sang trọng quý tộc như ngựa trong tranh Hàn Cán của Trung Hoa, ngựa trên núi là con ngựa thân phận, ngựa gắn với người. Con người hiện ra sau hình bóng ngựa. Không tạo hình tượng ngựa theo cách nghĩ chủ quan của mình, họa sĩ nhìn ngựa ở nhiều góc độ mà cũng không lựa chọn nhiều lắm cách thể hiện; chỉ muốn thông qua con ngựa gắn với sinh hoạt đời thường để người thưởng ngoạn tự cảm nhận lấy hình tượng ngựa cho riêng mình".

Với cách nhìn như vậy, những tranh của họa sĩ cho ta thấy cả một vùng rừng sơn cước, hình ảnh ngựa gần bó như thế nào với con người tạo nên một không gian thật hấp dẫn với những người yêu nghệ thuật. ■



Dưới chân núi.



Đốc Phiêng Sa.

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập : KHUẤT QUANG THỤY ● Phó tổng biên tập : THANH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trĩ sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trĩ sự (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; tyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoalvn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.